

Số: 22 /CBTT-VNC
V/v: Công bố thông tin

Hải Dương, ngày 20 tháng 2 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông Công ty

1. Công ty: Cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam
2. Mã chứng khoán: VRG
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
4. Điện thoại: (0320) 3838028 Fax: (0320) 3838024
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Ngọc Thảo**
6. Loại thông tin công bố: Thông tin định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - 7.1 Báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán của Công ty cổ phần PTĐT và KCN cao su Việt Nam bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán năm 2016, Báo cáo KQHĐKD năm 2016, Báo cáo LCTT năm 2016, Bản TM BCTC năm 2016.
 - 7.2 Giải trình kết quả sản xuất kinh doanh bao gồm:
 - Giải trình kết quả HĐSXKD lũy kế từ đầu năm tại BCTC quý 4/2016 đã công bố so với BCTC năm 2016 được kiểm toán có sự chênh lệch 5% trở lên.
 - Giải trình kết quả HĐSXKD tại Báo cáo KQHĐKD trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán được kiểm toán soát xét có sự chênh lệch 5% trở lên.
 - Giải trình Lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.
8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo: <http://vinaruco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Phạm Ngọc Thảo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0800300443 ngày 04 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, trong đó đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 07 ngày 22 tháng 8 năm 2014.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại : 0320 3 838 025
- Fax : 0320 3 838 024

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp;
- Xây dựng nhà ở, căn hộ, văn phòng; xây dựng các công trình giao thông, công trình thủy lợi; khai thác và chế biến các loại khoáng sản; cho thuê đất, thuê kho bãi, văn phòng, nhà ở, bãi đỗ xe; dịch vụ vận tải, khai thuê hải quan và làm thủ tục hải quan; dịch vụ kho ngoại quan; kinh doanh xuất nhập khẩu và ủy thác xuất nhập khẩu; mua bán, bảo dưỡng xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ; mua bán và đại lý (trừ xe có động cơ và mô tô, xe máy); mua bán các sản phẩm cao su nguyên liệu và cao su thiên nhiên; mua bán vật tư thiết bị, vật tư xây dựng; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đô thị, công cộng; xây lắp điện công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và đô thị Chí Linh, các dịch vụ sau khi khu công nghiệp và đô thị đi vào hoạt động, cho thuê quảng cáo và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

(Ghi chú: đối với những ngành nghề kinh doanh có mục Chi tiết, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành nghề chi tiết đã ghi).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Thái	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2016
Ông Lê Đình Bửu	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	
Ông Lê Tiến Vượng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Thành	Ủy viên	
Ông Đoàn Kim Chung	Ủy viên	
Ông Lê Văn Chanh	Ủy viên	
Ông Minh Quốc Sang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2016
Ông Mai Việt Xuân	Ủy viên	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2016
Ông Hồ Mạnh Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2016
Ông Lê Thanh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Đức Huỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Gia Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Thảo	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Trung Thái.

Ông Phạm Trung Thái đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Thành ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PH
CH
CỦ
HÀ
TO
A
TÁ
3 E

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 02 năm 2017

Số: 41/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU
VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2017, từ trang 7 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Ngô Thị Lệ Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2523-2014-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.164.099.275	120.988.548.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.762.657.656	50.128.208.490
1. Tiền	111		2.262.657.656	4.128.208.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.500.000.000	46.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.000.000.000	63.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	45.000.000.000	63.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.914.656.937	7.406.225.973
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.962.173.147	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.937.552.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.014.931.790	7.406.225.973
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		486.784.682	454.114.306
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	43.614.876	10.944.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	443.169.806	443.169.806
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.088.020.202	263.115.979.861
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.149.289.928	74.813.034.377
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	84.149.289.928	74.813.034.377
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	25.910.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	25.910.067
Nguyên giá	222		3.585.103.515	3.585.103.515
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.585.103.515)	(3.559.193.448)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		156.529.765.072	155.063.265.391
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	156.529.765.072	155.063.265.391
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		79.389.236.482	29.366.076.534
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	29.968.657.676	29.968.657.676
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.579.421.194)	(602.581.142)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	51.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.728.720	3.847.693.492
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	19.728.720	3.644.896.492
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	202.797.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		394.252.119.477	384.104.528.630

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		139.552.399.343	125.226.003.930
I. Nợ ngắn hạn	310		22.277.943.200	17.555.837.854
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	146.209.822	469.530.195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	16.949.227.500	11.144.700.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	593.757.289	1.428.376.320
4. Phải trả người lao động	314		200.000.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25.000.000	30.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	3.257.412.216	3.257.412.216
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	1.103.528.019	1.223.010.769
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.808.354	2.808.354
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		117.274.456.143	107.670.166.076
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	14.106.981.964	8.977.170.342
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.13	103.000.355.543	98.525.877.098
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	167.118.636	167.118.636
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.699.720.134	258.878.524.700
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	254.699.720.134	258.878.524.700
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		258.948.680.000	258.948.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		258.948.680.000	258.948.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.180.000.000	2.180.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.580.690.594	1.580.690.594
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.009.650.460)	(3.830.845.894)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.830.845.894)	(2.349.554.758)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.178.804.566)	(1.481.291.136)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		394.252.119.477	384.104.528.630

Người lập biểu

Hoàng Thị Nhâm

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Thảo

Lập, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.587.165.033	8.481.654.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.587.165.033	8.481.654.834
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.477.756.845	10.968.480.107
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.890.591.812)	(2.486.825.273)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.746.127.458	5.357.435.621
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	976.840.052	270.108.481
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.156.186.850	4.081.793.003
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.277.491.256)	(1.481.291.136)
11. Thu nhập khác	31		98.686.690	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		98.686.690	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.178.804.566)	(1.481.291.136)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.178.804.566)	(1.481.291.136)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(161)	(57)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	(161)	(57)

Người lập biểu

Hoàng Thị Nhâm

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Thảo

Lập, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

11

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15.880.158.008	44.987.245.659
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.563.110.201)	(31.572.478.884)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.037.638.645)	(2.092.593.887)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(58.045.275)	(391.515.106)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		572.583.317	1.188.194.725
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.895.689.745)	(3.495.952.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		898.257.459	8.622.900.325
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.137.742.711)	(1.923.564.004)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(138.500.000.000)	(190.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		105.500.000.000	127.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.792.031.170
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.873.934.418	4.916.877.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.263.808.293)	(55.214.655.057)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền thu từ đi vay	33			-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(33.365.550.834)	(46.591.754.732)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	50.128.208.490	96.719.963.222
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.762.657.656	50.128.208.490

Lập, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Hoàng Thị Nhâm

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thảo

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.
- Ngành nghề kinh doanh**
Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty vẫn là xây dựng cơ bản và tìm kiếm nhà đầu tư. Công ty tiếp tục phát sinh các chi phí xây dựng hạ tầng khu công nghiệp liên quan đến dự án Khu công nghiệp Cộng hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Tổng mức đầu tư của dự án được Hội đồng quản trị phê duyệt theo quyết định số 89/QĐ-HDDQT ngày 19/11/2015 khoảng 1.081 tỷ đồng. Tiến độ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp được gia hạn đến hết năm 2017.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 25 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí trước hoạt động

Là tiền thuê đất của Dự án Khu công nghiệp Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương phát sinh từ năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

15/10/2016
RẮ
LIÊ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí phải trả dài hạn của Công ty là khoản trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cộng Hòa tương ứng với diện tích đã cho thuê. Căn cứ để xác định chi phí phải trả dựa vào tổng mức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đã được phê duyệt.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp

Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê lại đất khu công nghiệp

Doanh thu cho thuê lại đất khu công nghiệp được ghi nhận trên cơ sở diện tích đất cho thuê lại và đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh qui định.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CHẾ ĐỘ
TỔNG
HỢP
TÀI
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh một lĩnh vực bất động sản tại một khu vực địa lý nên không lập báo cáo theo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	286.317.339	276.576.466
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.976.340.317	3.851.632.024
Các khoản tương đương tiền	14.500.000.000	46.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	<i>14.500.000.000</i>	<i>46.000.000.000</i>
Cộng	16.762.657.656	50.128.208.490

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	45.000.000.000	45.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	51.000.000.000	51.000.000.000		
Cộng	96.000.000.000	96.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	168.707.676		168.707.676	
Công ty Cổ phần Địa ốc MB	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	4.000.000.000	(1.079.471.194)	4.000.000.000	(217.813.536)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	499.950.000	(499.950.000)	499.950.000	(384.767.606)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	25.000.000.000		25.000.000.000	
Cộng	29.968.657.676	(1.579.421.194)	29.968.657.676	(602.581.142)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là số liệu báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 mà Công ty thu thập được. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của các đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam đã ngừng hoạt động, không thu thập được Báo cáo tài chính năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016. Theo đó, Công ty trích dự phòng tổn thất toàn bộ khoản đầu tư vào đơn vị này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	602.581.142	2.068.942.406
Trích lập dự phòng bổ sung	976.840.052	217.813.536
Giảm do công ty con giải thể		(1.684.174.800)
Số cuối năm	1.579.421.194	602.581.142

3. **Phải thu ngắn hạn của khách hàng**
Là khoản phải thu của Công ty TNHH Nice Ceramic.

4. **Trả trước cho người bán ngắn hạn**
Là khoản trả trước cho Công ty TNHH Hoàn Hào.

5. **Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

5a. **Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan		125.000.000
Phải thu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chi ủng hộ học sinh nghèo, trường học xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh		125.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.014.931.790	7.281.225.973
Tiền nhà đầu tư ứng trước được trừ vào tiền thuê đất phải nộp NSNN hàng năm		4.053.438.692
Lãi tiền gửi dự thu	1.948.780.554	1.083.284.722
Tạm ứng	720.000.000	620.000.000
Phải thu ông Vũ Hồng Nam về tiền chuyển nhượng vốn góp	1.084.756.031	1.524.330.779
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	260.842.275	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	552.930	171.780
Cộng	4.014.931.790	7.406.225.973

5b. **Phải thu dài hạn khác**

Là tiền đền bù, giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Cộng Hòa nhà đầu tư ứng trước, được trừ vào tiền thuê đất phải nộp NSNN hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xe ô tô	2.792.835	2.832.500
Phí sử dụng đường bộ	1.665.000	3.012.000
Chi phí lắp đặt case máy tính	24.862.876	
Phí nâng cấp phần mềm kế toán	13.416.665	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	877.500	5.100.000
Cộng	43.614.876	10.944.500

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trước hoạt động		3.517.869.840
Các chi phí trả trước dài hạn khác	19.728.720	127.026.652
Cộng	19.728.720	3.644.896.492

7. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	166.181.818	3.301.613.641	117.308.056	3.585.103.515
Tăng trong năm				
Giảm trong năm				
Số cuối năm	166.181.818	3.301.613.641	117.308.056	3.585.103.515
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	166.181.818	3.301.613.641	117.308.056	3.585.103.515
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	140.271.751	3.301.613.641	117.308.056	3.559.193.448
Khấu hao trong năm	25.910.067			25.910.067
Số cuối năm	166.181.818	3.301.613.641	117.308.056	3.585.103.515
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.910.067			25.910.067
Số cuối năm				

8. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	102.634.250			102.634.250
Xây dựng cơ bản dở dang	154.960.631.141	2.466.499.681	(1.000.000.000)	156.427.130.822
Khu công nghiệp Cộng Hòa				
Cộng	155.063.265.391	2.466.499.681	(1.000.000.000)	156.529.765.072

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Số tiền rà phá bom mìn được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo Thông báo số 962/TB-CT ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

Hiện tại Công ty đang tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đưa vào khai thác Khu công nghiệp Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Tổng mức đầu tư của dự án được Hội đồng quản trị phê duyệt theo quyết định số 89/QĐ-HDDQT ngày 19/11/2015 khoảng 1.081 tỷ đồng. Tiến độ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp được gia hạn đến hết năm 2017. Diện tích đất đã cho thuê được 52,55 ha (chiếm 36% diện tích đất thương phẩm theo quy hoạch của Khu công nghiệp Cộng Hòa).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	146.209.822	469.530.195
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đô thị và KCN Cao su Việt Nam		439.574.748
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC)	130.000.000	
Phải trả người bán ngắn hạn khác	16.209.822	29.955.447
Cộng	146.209.822	469.530.195

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thành Đông liên quan đến hợp đồng chuyển giao diện tích còn lại ngoài qui hoạch điều chỉnh khu công nghiệp Cộng Hòa theo Quyết định số 706 ngày 26 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Hải Dương. Theo đó, phần diện tích sẽ chuyển giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thành Đông không nằm trong qui hoạch của dự án. Hai bên đã ký phụ lục số 02 ngày 26 tháng 11 năm 2015 xác định giá trị bồi thường tài sản trên đất và các chi phí liên quan đến phần diện tích đất chuyển giao với giá trị hợp đồng là 25.271.656.621 VND.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Bù trừ số phải nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.427.987.754		1.620.260.171	(2.455.260.352)		592.987.573	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		443.169.806					443.169.806
Thuế TNDN tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản			58.045.275	(58.045.275)			
Thuế thu nhập cá nhân	388.566		917.700	(536.550)		769.716	
Tiền thuê đất			1.717.183.141		(1.717.183.141)		
Các loại thuế khác			5.000.000	(5.000.000)			
Cộng	1.428.376.320	443.169.806	3.401.406.287	(2.518.842.177)	(1.717.183.141)	593.757.289	443.169.806

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

24

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.178.804.566)	(1.481.291.136)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	172.935.000	208.522.286
- Các khoản điều chỉnh tăng	172.935.000	208.522.286
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	(4.005.869.566)	(1.272.768.850)
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức)	12.420.000	
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(4.018.289.566)	(1.272.768.850)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất quý 1 năm 2016 theo hợp đồng thuê đất số 1329/HĐTD ngày 30/7/2012 đối với diện tích tính tiền thuê đất là 1.497.606 m² với đơn giá thuê đất 5.082VND/ m².

Từ tháng 4 năm 2016, Công ty phải nộp tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 1541/HĐTD ngày 27 tháng 4 năm 2016 đối với diện tích 1.447.270,11 m² đất đang sử dụng và hợp đồng thuê đất số 1666/HĐTD ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với diện tích 1.450 m² đất đang sử dụng với mức giá 5.082 đồng/m²/năm, đơn giá ổn định đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Quyết định số 380/QĐ-CT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Hải Dương thì Công ty được miễn tiền thuê đất đối với diện tích 699.999 m² từ tháng 8 năm 2008 cho đến hết năm 2024; được miễn tiền thuê đất đối với diện tích 747.271,11 m² từ tháng 4 năm 2016 đến hết năm 2027 và được miễn tiền thuê đất đối với diện tích 1.450 m² từ tháng 6 năm 2016 đến hết năm 2027.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Là khoản doanh thu nhận trước tiền cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước ngắn hạn	3.257.412.216	3.257.412.216
Doanh thu nhận trước dài hạn	103.000.355.543	98.525.877.098
Cộng	106.257.767.759	101.783.289.314

14. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.103.528.019</i>	<i>1.223.010.769</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả các năm từ 2010 về trước do cổ đông chưa đến nhận	1.031.456.620	1.031.456.620
Kinh phí công đoàn		21.396.060
Các khoản phải trả phải nộp khác	72.071.399	170.158.089
Cộng	1.103.528.019	1.223.010.769

14b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả các cá nhân hợp vốn đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

15. Chi phí phải trả dài hạn

Là khoản trích trước chi phí đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Cộng hòa tương ứng với diện tích đã cho thuê

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	258.948.680.000	2.180.000.000	1.580.690.594	(2.349.554.758)	260.359.815.836
Lợi nhuận trong năm trước				(1.481.291.136)	(1.481.291.136)
Số dư cuối năm trước	258.948.680.000	2.180.000.000	1.580.690.594	(3.830.845.894)	258.878.524.700
Số dư đầu năm nay	258.948.680.000	2.180.000.000	1.580.690.594	(3.830.845.894)	258.878.524.700
Lợi nhuận trong năm				(4.178.804.566)	(4.178.804.566)
Số dư cuối năm nay	258.948.680.000	2.180.000.000	1.580.690.594	(8.009.650.460)	254.699.720.134

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.894.868	25.894.868
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.894.868	25.894.868
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.894.868	25.894.868
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.894.868	25.894.868
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.894.868	25.894.868

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	5.477.247.423	7.372.305.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, duy tu, bảo dưỡng	1.109.917.608	1.109.349.221
Cộng	6.587.165.033	8.481.654.834

Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	6.846.994.763	7.316.199.483
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	112.892.242	134.411.092
Chi phí khác (*)	3.517.869.840	3.517.869.532
Cộng	10.477.756.845	10.968.480.107

Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.733.707.458	5.355.660.221
Cổ tức được chia	12.420.000	-
Các khoản khác		1.775.400
Cộng	4.746.127.458	5.357.435.621

Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lỗ giải thể công ty con		52.294.945
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	976.840.052	217.813.536
Cộng	976.840.052	270.108.481

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 12 phố Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.548.076.027	2.177.135.910
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	110.088.314	55.843.809
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.683.500	29.399.954
Thuế, phí và lệ phí	20.000.000	36.616.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.727.011	391.334.212
Chi phí bằng tiền khác	999.611.998	1.391.463.118
Cộng	4.156.186.850	4.081.793.003

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.178.804.566)	(1.481.291.136)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(4.178.804.566)	(1.481.291.136)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	25.894.868	25.894.868
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(161)	(57)

6a. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	253.664.056	219.654.855
Chi phí nhân công	2.548.076.027	2.177.135.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.682.779.992	6.095.591.605
Chi phí khác	6.149.423.620	6.557.890.740
Cộng	14.633.943.695	15.050.273.110

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, tiền thưởng	493.668.000	503.028.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ
KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 21/GT - VNC

Hải Dương, ngày 16 tháng 02 năm 2017

“V/v: Giải trình kết quả sản xuất kinh doanh lũy
kể từ đầu năm tại Báo cáo tài chính Quý 4/2016
đã công bố so với báo cáo tài chính năm 2016
được kiểm toán có sự chênh lệch 5% trở lên”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông Công ty.

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính Phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của V/v Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung của một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông lời chào trân trọng và cảm ơn vì sự quan tâm, giúp đỡ trong thời gian qua.

Công ty xin được giải trình chênh lệch lợi nhuận lũy kể từ đầu năm tại Báo cáo tài chính Quý 4/2016 so với Báo cáo Tài chính năm 2016 đã kiểm toán như sau:

- Lợi nhuận lũy kể từ đầu năm tại Báo cáo tài chính Quý 4/2016 đã công bố là: **(4.934.188.317)** đồng.

- Lợi nhuận Báo cáo Tài chính năm 2016 đã kiểm toán là: **(4.178.804.566)** đồng.

Kết quả Lợi nhuận kinh doanh lũy kể từ đầu năm tại Báo cáo tài chính Quý 4/2016 đã công bố so với lợi nhuận kinh doanh Báo cáo Tài chính năm 2016 đã được kiểm toán chênh lệch 5% trở lên là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- + Do kiểm toán tính lại tăng doanh thu tạm tính từ lãi tiền gửi có kỳ hạn năm 2016;
- + Do kiểm toán trích lập bổ sung dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng đô thị và KCN Cao Su Việt Nam.

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.



Phạm Trung Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ
KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 22/GT - VNC

Hải Dương, ngày 16 tháng 02 năm 2017

“V/v: Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh
tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong
kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm
toán soát xét từ 5% trở lên”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty.

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính Phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của V/v Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung của một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông lời chào trân trọng và cảm ơn vì sự quan tâm, giúp đỡ trong thời gian qua.

Công ty xin được giải trình chênh lệch số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán soát xét từ 5% trở lên như sau:

- Lợi nhuận sau thuế tại BCTC năm 2016 trước kiểm toán đã công bố là: (4.934.188.317) đồng.
- Lợi nhuận sau thuế tại BCTC năm 2016 đã kiểm toán soát xét là: (4.178.804.566) đồng.

Kết quả hoạt động kinh doanh trước kiểm toán đã công bố có sự chênh lệch so với kết quả kinh doanh Báo cáo Tài chính năm 2016 đã được kiểm toán soát xét do nguyên nhân chủ yếu sau:

- Do kiểm toán tính lại tăng doanh thu hoạt động tài chính (lãi dự thu) tiền gửi có kỳ hạn năm 2016.
- Do kiểm toán trích lập bổ sung dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng đô thị và KCN Cao Su Việt Nam.

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái

Số: 23 /GT - VNC

“V/v: Giải trình Lợi nhuận sau thuế thay đổi từ
10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”

Hải Dương, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty.

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính Phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của V/v Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung của một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông lời chào trân trọng và cảm ơn vì sự quan tâm, giúp đỡ trong thời gian qua.

Công ty xin được giải trình Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

- Lợi nhuận Báo cáo Tài chính năm 2015 đã kiểm toán là: **(1.481.291.136)** đồng.
- Lợi nhuận Báo cáo Tài chính năm 2016 đã kiểm toán là: **(4.178.804.566)** đồng

do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Do trích lập dự phòng về các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội, Công ty CP chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và trích bổ sung dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng đô thị và KCN Cao su Việt Nam;

+ Doanh thu kinh doanh hạ tầng KCN giảm do chưa thu được 100% tiền duy tu, bảo dưỡng hạ tầng KCN vì chưa hoàn thành hạ tầng cho nhà đầu tư;

+ Phân bổ nốt tiền thuê đất Khu công nghiệp phải nộp còn lại kỳ trước phát sinh trong thời gian đầu tư xây dựng chưa có doanh thu;

+ Dự án Khu công nghiệp Cộng hòa đang trong giai đoạn đầu tư hạ tầng;

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Phạm Trung Thái

CHƯA LK(1)	QUỐC TỊCH(2)	CHƯA LK(3)	ĐÃ LK(4)	ĐÃ LK(5)
50000	Viet Nam	50000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
350	Viet Nam	350	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1340	Viet Nam	1340	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
43300	Viet Nam	43300	0	0
1850	Viet Nam	1850	0	0
12400	Viet Nam	12400	0	0
420	Viet Nam	420	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
7500	Viet Nam	7500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
3360	Viet Nam	3360	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
21500	Viet Nam	21500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
13300	Viet Nam	13300	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
189	Viet Nam	189	0	0
8000	Viet Nam	8000	0	0
8000	Viet Nam	8000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0

20000	Viet Nam	20000	0	0
15040	Viet Nam	15040	0	0
4200	Viet Nam	4200	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
840	Viet Nam	840	0	0
3920	Viet Nam	3920	0	0
91000	Viet Nam	91000	0	0
20500	Viet Nam	20500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
700	Viet Nam	700	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
2500	Viet Nam	2500	0	0
350	Viet Nam	350	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
28000	Viet Nam	28000	0	0
1470	Viet Nam	1470	0	0
900	Viet Nam	900	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
12000	Viet Nam	12000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5250	Viet Nam	5250	0	0
2070	Viet Nam	2070	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
700	Viet Nam	700	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
1050	Viet Nam	1050	0	0

2000	Viet Nam	2000	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5660	Viet Nam	5660	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2400	Viet Nam	2400	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2600	Viet Nam	2600	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5400	Viet Nam	5400	0	0
1170	Viet Nam	1170	0	0
19600	Viet Nam	19600	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
1210	Viet Nam	1210	0	0
0	Viet Nam	0	500	500
0	Viet Nam	0	16000	16000
1500	Viet Nam	1500	0	0
5520	Viet Nam	5520	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0

2440	Viet Nam	2440	0	0
18000	Viet Nam	18000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
2070	Viet Nam	2070	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
22400	Viet Nam	22400	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
19600	Viet Nam	19600	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
60	Viet Nam	60	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
11000	Viet Nam	11000	0	0
150	Viet Nam	150	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
70000	Viet Nam	70000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0

600	Viet Nam	600	0	0
1155	Viet Nam	1155	0	0
2700	Viet Nam	2700	0	0
420	Viet Nam	420	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
1210	Viet Nam	1210	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
11000	Viet Nam	11000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
25000	Viet Nam	25000	0	0
140	Viet Nam	140	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
2070	Viet Nam	2070	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
6720	Viet Nam	6720	0	0
1500	Viet Nam	1500	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
24720	Viet Nam	24720	0	0
0	Viet Nam	0	4520	4520
50000	Viet Nam	50000	0	0
17040	Viet Nam	17040	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2520	Viet Nam	2520	0	0
2940	Viet Nam	2940	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
720	Viet Nam	720	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
0	Viet Nam	0	300	300
840	Viet Nam	840	0	0
0	Viet Nam	0	80	80
15000	Viet Nam	15000	0	0
40000	Viet Nam	40000	0	0

10000	Viet Nam	10000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2520	Viet Nam	2520	0	0
33000	Viet Nam	33000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
1090	Viet Nam	1090	0	0
0	Viet Nam	0	100	100
30000	Viet Nam	30000	0	0
1880	Viet Nam	1880	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
0	Viet Nam	0	500	500
16000	Viet Nam	16000	0	0
26500	Viet Nam	26500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
1680	Viet Nam	1680	0	0
65000	Viet Nam	65000	0	0
0	Viet Nam	0	2000	2000
2180	Viet Nam	2180	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
810	Viet Nam	810	0	0
13000	Viet Nam	13000	0	0
1850	Viet Nam	1850	0	0
16800	Viet Nam	16800	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
0	Viet Nam	0	3000	3000
10420	Viet Nam	10420	0	0
26360	Viet Nam	26360	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
4500	Viet Nam	4500	0	0
24000	Viet Nam	24000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
100000	Viet Nam	100000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0

2310	Viet Nam	2310	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
25000	Viet Nam	25000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
0	Viet Nam	0	22330	22330
9000	Viet Nam	9000	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
2800	Viet Nam	2800	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
0	Viet Nam	0	10000	10000
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5610	Viet Nam	5610	0	0
2100	Viet Nam	2100	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
510	Viet Nam	510	0	0
25000	Viet Nam	25000	0	0
531	Viet Nam	531	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
12840	Viet Nam	12840	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
700	Viet Nam	700	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
4500	Viet Nam	4500	0	0

9000	Viet Nam	9000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2600	Viet Nam	2600	0	0
500	Viet Nam	500	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
9810	Viet Nam	9810	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10520	Viet Nam	10520	0	0
4360	Viet Nam	4360	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
1470	Viet Nam	1470	0	0
350	Viet Nam	350	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
17000	Viet Nam	17000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
1500	Viet Nam	1500	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2100	Viet Nam	2100	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2520	Viet Nam	2520	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0

15000	Viet Nam	15000	0	0
495	Viet Nam	495	0	0
2450	Viet Nam	2450	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
7180	Viet Nam	7180	0	0
2800	Viet Nam	2800	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
600	Viet Nam	600	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
600	Viet Nam	600	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1650	Viet Nam	1650	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2520	Viet Nam	2520	0	0
2070	Viet Nam	2070	0	0
16000	Viet Nam	16000	0	0
21140	Viet Nam	21140	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
1220	Viet Nam	1220	0	0

6600	Viet Nam	6600	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
21630	Viet Nam	21630	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
1500	Viet Nam	1500	0	0
3500	Viet Nam	3500	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
9100	Viet Nam	9100	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
3500	Viet Nam	3500	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
0	Viet Nam	0	10000	10000
30000	Viet Nam	30000	0	0
12000	Viet Nam	12000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
150	Viet Nam	150	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
2070	Viet Nam	2070	0	0
60	Viet Nam	60	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4500	Viet Nam	4500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
8000	Viet Nam	8000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0

600	Viet Nam	600	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1470	Viet Nam	1470	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
210	Viet Nam	210	0	0
1470	Viet Nam	1470	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
21310	Viet Nam	21310	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1100	Viet Nam	1100	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1910	Viet Nam	1910	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
11000	Viet Nam	11000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
1090	Viet Nam	1090	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2500	Viet Nam	2500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
140	Viet Nam	140	0	0
33140	Viet Nam	33140	0	0
29000	Viet Nam	29000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
4900	Viet Nam	4900	0	0
3780	Viet Nam	3780	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
6500	Viet Nam	6500	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0

2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
115000	Viet Nam	115000	0	0
73000	Viet Nam	73000	0	0
11000	Viet Nam	11000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
7500	Viet Nam	7500	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
8760	Viet Nam	8760	0	0
13270	Viet Nam	13270	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
15120	Viet Nam	15120	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
12310	Viet Nam	12310	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
2290	Viet Nam	2290	0	0
0	Viet Nam	0	7500	7500
6540	Viet Nam	6540	0	0
0	Viet Nam	0	8000	8000
36000	Viet Nam	36000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
0	Viet Nam	0	6700	6700
3000	Viet Nam	3000	0	0
0	Viet Nam	0	900	900
11000	Viet Nam	11000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
13000	Viet Nam	13000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0

50000	Viet Nam	50000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5680	Viet Nam	5680	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
16000	Viet Nam	16000	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
3360	Viet Nam	3360	0	0
420	Viet Nam	420	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
0	Viet Nam	0	50000	50000
30000	Viet Nam	30000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
4090	Viet Nam	4090	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
25290	Viet Nam	25290	0	0
2100	Viet Nam	2100	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
17000	Viet Nam	17000	0	0
4620	Viet Nam	4620	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
9100	Viet Nam	9100	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
0	Viet Nam	0	15000	15000
2180	Viet Nam	2180	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
10400	Viet Nam	10400	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
0	Viet Nam	0	8100	8100
2040	Viet Nam	2040	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0

2000	Viet Nam	2000	0	0
2600	Viet Nam	2600	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
0	Viet Nam	0	5000	5000
2000	Viet Nam	2000	0	0
16000	Viet Nam	16000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
0	Viet Nam	0	10000	10000
13000	Viet Nam	13000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
40000	Viet Nam	40000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2070	Viet Nam	2070	0	0
21000	Viet Nam	21000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
3500	Viet Nam	3500	0	0
0	Viet Nam	0	200	200
0	Viet Nam	0	10000	10000
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2600	Viet Nam	2600	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2500	Viet Nam	2500	0	0
19020	Viet Nam	19020	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
840	Viet Nam	840	0	0
600	Viet Nam	600	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
8880	Viet Nam	8880	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
4860	Viet Nam	4860	0	0

1680	Viet Nam	1680	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
12000	Viet Nam	12000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
7500	Viet Nam	7500	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
1500	Viet Nam	1500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
60	Viet Nam	60	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
23500	Viet Nam	23500	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
40000	Viet Nam	40000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
700	Viet Nam	700	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10680	Viet Nam	10680	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
13500	Viet Nam	13500	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0

2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2560	Viet Nam	2560	0	0
150	Viet Nam	150	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
660	Viet Nam	660	0	0
11400	Viet Nam	11400	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
1910	Viet Nam	1910	0	0
1090	Viet Nam	1090	0	0
0	Viet Nam	0	5040	5040
2180	Viet Nam	2180	0	0
0	Viet Nam	0	3010	3010
0	Viet Nam	0	3000	3000
50000	Viet Nam	50000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
5660	Viet Nam	5660	0	0
0	Viet Nam	0	10000	10000
1400	Viet Nam	1400	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
11000	Viet Nam	11000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
4360	Viet Nam	4360	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
0	Viet Nam	0	100	100
3000	Viet Nam	3000	0	0
2800	Viet Nam	2800	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
0	Viet Nam	0	20000	20000
2520	Viet Nam	2520	0	0
2330	Viet Nam	2330	0	0
1500	Viet Nam	1500	0	0
2290	Viet Nam	2290	0	0
4200	Viet Nam	4200	0	0
100000	Viet Nam	100000	0	0
0	Viet Nam	0	20000	20000
1470	Viet Nam	1470	0	0
12000	Viet Nam	12000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0

1590	Viet Nam	1590	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
0	Viet Nam	0	1700	1700
7000	Viet Nam	7000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
4200	Viet Nam	4200	0	0
450	Viet Nam	450	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2440	Viet Nam	2440	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
1180	Viet Nam	1180	0	0
13500	Viet Nam	13500	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
16800	Viet Nam	16800	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2040	Viet Nam	2040	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1800	Viet Nam	1800	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
600	Viet Nam	600	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0

30000	Viet Nam	30000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2520	Viet Nam	2520	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
27000	Viet Nam	27000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
10810	Viet Nam	10810	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
700	Viet Nam	700	0	0
16000	Viet Nam	16000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
330	Viet Nam	330	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
18410	Viet Nam	18410	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
12000	Viet Nam	12000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
0	Viet Nam	0	70000	70000
1000	Viet Nam	1000	0	0
1470	Viet Nam	1470	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
550	Viet Nam	550	0	0
205000	Viet Nam	205000	0	0

300	Viet Nam	300	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
100000	Viet Nam	100000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
8000	Viet Nam	8000	0	0
600	Viet Nam	600	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
40000	Viet Nam	40000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
0	Viet Nam	0	19700	19700
7000	Viet Nam	7000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
100000	Viet Nam	100000	0	0
3360	Viet Nam	3360	0	0
8000	Viet Nam	8000	0	0
2520	Viet Nam	2520	0	0
1470	Viet Nam	1470	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
12400	Viet Nam	12400	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
1680	Viet Nam	1680	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
1500	Viet Nam	1500	0	0
45000	Viet Nam	45000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
0	Viet Nam	0	8000	8000
20000	Viet Nam	20000	0	0
4350	Viet Nam	4350	0	0
32180	Viet Nam	32180	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
0	Viet Nam	0	36000	36000
500000	Viet Nam	500000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
2040	Viet Nam	2040	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
0	Viet Nam	0	7000	7000
50000	Viet Nam	50000	0	0

23800	Viet Nam	23800	0	0
500	Viet Nam	500	0	0
26000	Viet Nam	26000	0	0
91000	Viet Nam	91000	0	0
24140	Viet Nam	24140	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
12000	Viet Nam	12000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1970	Viet Nam	1970	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
840	Viet Nam	840	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
0	Viet Nam	0	4000	4000
1470	Viet Nam	1470	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
9000	Viet Nam	9000	0	0
150	Viet Nam	150	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
350	Viet Nam	350	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
0	Viet Nam	0	5600	5600
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2800	Viet Nam	2800	0	0

4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4900	Viet Nam	4900	0	0
5880	Viet Nam	5880	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
150	Viet Nam	150	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
17850	Viet Nam	17850	0	0
8400	Viet Nam	8400	0	0
2520	Viet Nam	2520	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
0	Viet Nam	0	8000	8000
50000	Viet Nam	50000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
7560	Viet Nam	7560	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
150	Viet Nam	150	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5320	Viet Nam	5320	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
60	Viet Nam	60	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5600	Viet Nam	5600	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
210	Viet Nam	210	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
14000	Viet Nam	14000	0	0
840	Viet Nam	840	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2040	Viet Nam	2040	0	0
0	Viet Nam	0	15420	15420
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
3360	Viet Nam	3360	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0

50000	Viet Nam	50000	0	0
2040	Viet Nam	2040	0	0
19180	Viet Nam	19180	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
25000	Viet Nam	25000	0	0
1520	Viet Nam	1520	0	0
6170	Viet Nam	6170	0	0
0	Viet Nam	0	17000	17000
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
19000	Viet Nam	19000	0	0
10520	Viet Nam	10520	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
4250	Viet Nam	4250	0	0
2180	Viet Nam	2180	0	0
0	Viet Nam	0	16800	16800
6590	Viet Nam	6590	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
420	Viet Nam	420	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
45840	Viet Nam	45840	0	0
12510	Viet Nam	12510	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
30000	Viet Nam	30000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
840	Viet Nam	840	0	0
1680	Viet Nam	1680	0	0
1400	Viet Nam	1400	0	0
0	Viet Nam	0	100	100
10000	Viet Nam	10000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
0	Viet Nam	0	10000	10000
2180	Viet Nam	2180	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
4500	Viet Nam	4500	0	0
8680	Viet Nam	8680	0	0
9850	Viet Nam	9850	0	0

3000	Viet Nam	3000	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
2040	Viet Nam	2040	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
300	Viet Nam	300	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
0	Viet Nam	0	300	300
2000	Viet Nam	2000	0	0
1590	Viet Nam	1590	0	0
6000	Viet Nam	6000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
3000	Viet Nam	3000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
1000	Viet Nam	1000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
0	Viet Nam	0	5500	5500
7000	Viet Nam	7000	0	0
2420	Viet Nam	2420	0	0
0	Viet Nam	0	5000	5000
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
15000	Viet Nam	15000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
31500	Viet Nam	31500	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
4000	Viet Nam	4000	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
1680	Viet Nam	1680	0	0
5500	Viet Nam	5500	0	0
1680	Viet Nam	1680	0	0
2000	Viet Nam	2000	0	0
5000	Viet Nam	5000	0	0
1200	Viet Nam	1200	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
350	Viet Nam	350	0	0
1210	Viet Nam	1210	0	0
20000	Viet Nam	20000	0	0
48000	Viet Nam	48000	0	0

3000	Viet Nam	3000	0	0
10000	Viet Nam	10000	0	0
7400	Viet Nam	7400	0	0
7000	Viet Nam	7000	0	0
50000	Viet Nam	50000	0	0
0	Viet Nam	0	11800	11800
2180	Viet Nam	2180	0	0
11470	Viet Nam	11470	0	0
1470	Viet Nam	1470	0	0
202448	Viet Nam	202448	0	0
0	Viet Nam	0	100000	100000
150000	Viet Nam	150000	0	0
1414000	Viet Nam	1414000	0	0
1500000	Viet Nam	1500000	0	0
1958000	Viet Nam	1958000	0	0
1540200	Viet Nam	1540200	0	0
2000000	Viet Nam	2000000	0	0
1000000	Viet Nam	1000000	0	0
1970000	Viet Nam	1970000	0	0
2400	Viet Nam	2400	0	0
4002280	Viet Nam	4002280	0	0
0	Viet Nam	0	75100	75100

HỌ TÊN(7)
BÙI GIA HƯNG
BÙI MINH CHUYỀN
BÙI MINH TÂN
BÙI NGỌC LONG
BÙI NGỌC TẤN
BÙI QUANG TRƯỜNG
BÙI THANH HẢI
BÙI THANH SƠN
BÙI THANH TÂM
BÙI THẾ TRUNG
BÙI THỊ BẢY
BÙI THỊ DIỆU TRANG
BÙI THỊ PHƯƠNG
BÙI TRỌNG THỐNG
BÙI VĂN THẾ
Bùi Khắc Quảng
Bùi Thúy Mai
Bùi Thế Hoàng
Bùi Thị Phương Liên
CAO THÁI HOÀNG TRUNG
CAO THỊ HIỀN
CAO THỊ HOA MAI
CAO TRÍ NGHĨA
CAO TÚ QUỲNH
CAO VĂN NGHĨA
CAO VĂN NGỌC
CHUNG THÀNH BẮNG
CHÂU QUỐC ĐẠT
CHÂU THỊ MỸ DUNG
CHÂU THỊ PHƯƠNG THẢO
CHÂU THỊ THANH NGUYỄN
Cao Thị Thúy Anh
Cao Thị Tuyết Nhung
Cao Trung Hạnh
Cao Đăng Thanh
Châu Văn Buôn
Châu Văn Hiệp
CÁI THỊ NHƯ MAI
Diệp Xuân Trường
DƯ QUỐC PHONG
DƯ TRỌNG BẮC
DƯ VĂN CHÂU
DƯ VĂN ĐẠT
DƯƠNG HÙNG
DƯƠNG HỒNG PHONG
DƯƠNG MẠNH HÙNG

DƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG
DƯƠNG THỊ NGỌC LAN
DƯƠNG THỊ ƯỚC
DƯƠNG VĂN CƠ
DƯƠNG XUÂN HUỆ
DƯƠNG XUÂN LƯU
Dương Quốc Hưng
Dương Thiết Tâm
Dương Văn Khen
Dương Xuân Tuyển
HOÀNG HOA CHÍ
HOÀNG NGHĨA HẢI
HOÀNG THỊ BÍCH
HOÀNG THỊ HIỆP
HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN
HOÀNG THỊ HẠNH
HOÀNG THỊ LAN
HOÀNG THỊ LƯƠNG GIANG
HOÀNG THỊ MỸ HẠNH
HOÀNG THỊ NGỌC THỦY
HOÀNG THỊ NGỤ
HOÀNG THỊ NHÂM
HOÀNG THỊ PHƯƠNG
HOÀNG THỊ THÚY
HOÀNG TRỌNG CÔI
HOÀNG TRỌNG THUẦN
HOÀNG TRỌNG VIỆT SƠN
HOÀNG TỔ MỸ
HOÀNG VĂN VINH
HOÀNG ĐỨC HẢI
HOÀNG ĐỨC NINH
HUỲNG KHƯƠNG HỒNG YẾN
HUỲNH BÁ THẮNG
HUỲNH CANG
HUỲNH KHƯƠNG HỒNG VÂN
HUỲNH MINH TUẤN
HUỲNH NGỌC BẢO CHÂU
HUỲNH NGỌC ĐÔNG
HUỲNH THANH HẢI
HUỲNH THỊ ANH ĐÀO
HUỲNH THỊ BÍCH LAN
HUỲNH THỊ HỒNG
HUỲNH THỊ KHÁNH TRANG
HUỲNH THỊ THU THÊM
HUỲNH TUẤN ANH
HUỲNH VĂN HẾT
HUỲNH VĂN LÂM

HUỖNH VẮN PHƯƠNG
HUỖNH VẮN THANH
HUỖNH VẮN TÂM
HUỖNH VẮN VẮN
Hoàng Bình
Hoàng Mai Hương
Hoàng Minh Tâm
Hoàng Mạnh Dũng
Hoàng Thu Thủy
Hoàng Thị Minh Huyền
Hoàng Thị Minh Tân
Hoàng Thị Tuý Hoa
Hoàng Trung Hưng
Hoàng Trọng Thi
Hoàng Trọng Thiện
Hoàng Trọng Việt Hùng
Huỳnh Thanh Vạn
Huỳnh Thị Kim An
Huỳnh Thị Kim Liên
Huỳnh Thụy Thanh Trúc
Huỳnh Trung Trực
HÀ HUY THẮNG
HÀ MINH LỘC
HÀ NGỌC ANH THƯ
HÀ THỦY LINH
HÀ THỊ NHUNG
Hà Minh Hải
Hà Sơn
Hà Thị Phước Hiền
Hà Văn Khương
Hà Đình Quyết
Hàng Thị Hà
HỒ DIỄM ĐẮC
HỒ NGUYỄN BẢO UYÊN
HỒ NGỌC HẢI
HỒ QUANG SINH
HỒ THỊ LIÊN
HỒ THỊ THIÊN HƯƠNG
HỒ THỊ THU HIỀN
HỒ THỊ TRANG
HỒ THỊ TÂM
HỒ TÁ SÂM
HỒ VĂN LIỄN
Hồ Thị Hoàng Anh
Hồ Thị Huế
Hồ Thị Kim Ngọc

Hồ Thị Thảo

Hồ Văn Nhã

Hồ Văn Thiện

Hồ Xuân Mai

KIỀU THỊ LÂN

LA VĨNH TRƯỜNG

LE VIẾT MINH

LÂM QUANG THANH NHÂN

LÂM QUỐC KHANH

LÂM TUẤN ANH

LÃ TIẾN ĐỨC

LÊ BÁ NA

LÊ BÁ THỌ

LÊ BƯỞI

LÊ CAO SƠN

LÊ HOÀNG TUẤN

LÊ HƯỞNG PHƯỚC

LÊ HỮU PHƯỚC

LÊ HỮU THIỆN

LÊ KIỂM BA

LÊ MINH NHẬT

LÊ MINH THÀNH

LÊ MINH TUẤN

LÊ NGUYỄN THÙY DƯƠNG

LÊ NGỌC ẨN

LÊ PHÚ BẢO

LÊ QUANG DUNG

LÊ QUANG HẠNH

LÊ THỊ BÍCH LỢI

LÊ THỊ HIỀN VƯƠNG

LÊ THỊ HỒNG

LÊ THỊ HỒNG PHƯỢNG

LÊ THỊ KHÁNH

LÊ THỊ KIM PHƯỢNG

LÊ THỊ KIM THANH

LÊ THỊ LỆ HẰNG

LÊ THỊ MAI

LÊ THỊ MINH NHÂM

LÊ THỊ MỸ HẠNH

LÊ THỊ NGỌC

LÊ THỊ NGỌC LÝ

LÊ THỊ THANH LIỄU MY

LÊ THỊ THANH VÂN

LÊ THỊ THIỆN

LÊ THỊ THU THỦY

LÊ TRUNG HẠNH

LÊ TRUNG NAM
LÊ TRÀ
LÊ TUẤN LINH
LÊ TẤN LỘC
LÊ VIẾT TRÍ
LÊ VÕ THANH BÌNH
LÊ VĂN BẰNG
LÊ VĂN CƯ
LÊ VĂN CƯỜNG
LÊ VĂN HIỆP
LÊ VĂN HÀM
LÊ VĂN LƯƠNG
LÊ VĂN LỘC
LÊ VĂN NGỌC
LÊ VĂN SƠN
LÊ VĂN THIÊN
LÊ VĂN THÀNH
LÊ VĂN TRUNG
LÊ VĂN TUẤN
LÊ VĂN TÂM
LÊ VĂN TÔNG
LÊ VĂN TƯ
LÊ VĂN ĐẠT
LÊ VŨ BẢO
LÊ XUÂN LAN
LÊ ĐẶNG ĐÔNG NGHI
LÝ THỊ MỸ DUNG
Lâm Quang Thành
Lâm Thanh Phú
Lâm Thuận Thành
Lâm Thị Minh Hiền
Lê Cao Cường
Lê Chí Tường
Lê Cường
Lê Hoàng Sang
Lê Minh Duy
Lê Minh Hoàng
Lê Minh Quốc Việt
Lê Mạnh Hùng
Lê Ngọc Lý
Lê Quang Bảo Tuấn
Lê Quang Thạch
Lê Thanh Bình
Lê Thanh Phương
Lê Thanh Trường
Lê Thị Chi
Lê Thị Kim Anh

Lê Thị Minh Phương
Lê Thị Phương Loan
Lê Thị Tiên
Lê Thị Xuân Thu
Lê Thị Đất
Lê Tiến
Lê Trung Hưng
Lê Tuấn Anh
Lê Tấn Phát
Lê Việt Trung
Lê Vô Phụ
Lê Văn Giàu
Lê Văn Giáp
Lê Văn Khải
Lê Văn Liêm
Lê Văn Mai
Lê Văn Mừng
Lê Văn Nếp
Lê Văn Quyền
Lê Văn Trọng
Lê Văn Viện
Lê Xuân Tiến
Lê Đình Bửu
Lý Ngọc Lan
Lý Thu An
LƯU LỄ THUY
LƯU VĂN NAY
LƯU VĂN SƠN
LƯƠNG THIẾN
LƯƠNG THỊ NGỌC THẢO
LƯƠNG VĂN BO
Lưu Thế Doanh
Lưu Việt Hà
LẠI THẾ KHÔI
Lại Hải Đăng
Lại Minh Tuấn
Lại Thị Hà
Lại Đăng An
LỤC CẨM CHÁNH
MAI THỊ LƯỢN
MAI THỊ THẢO
MAI THỊ TÔM
MAI VIẾT XUÂN
MAI VĂN QUÁN
MAI VĂN TRUNG
Mai Hoàng Phương
Mai Thanh Phong

Mai Trung Cam
Mai Trung Nghĩa
NGUYỄN ANH SƠN
NGUYỄN ANH VŨ
NGUYỄN DUY KHANG
NGUYỄN DUY LONG
NGUYỄN DUY TRƯỜNG HẢI
NGUYỄN GIA TUYÊN
NGUYỄN HAI
NGUYỄN HOÀI CHÂU
NGUYỄN HOÀNG NGỌC ANH
NGUYỄN HOÀNG TUẤN
NGUYỄN HÙNG
NGUYỄN HẰNG TÂM
NGUYỄN HỒNG NHUNG
NGUYỄN HỮU CƠ
NGUYỄN HỮU DU
NGUYỄN HỮU LỘC
NGUYỄN HỮU PHƯỚC
NGUYỄN HỮU THÀNH
NGUYỄN HỮU THÚY
NGUYỄN HỮU THẮM
NGUYỄN HỮU TÚ
NGUYỄN HỮU ĐỨC
NGUYỄN KHẢ SƠN
NGUYỄN KHẮC PHỤNG
NGUYỄN KHẮC THANH
NGUYỄN KIM PHỤNG
NGUYỄN KIM PHỤNG
NGUYỄN LIÊM
NGUYỄN LÊ QUYỀN
NGUYỄN LƯƠNG THIỆN
NGUYỄN MINH ANH
NGUYỄN MINH KHANG
NGUYỄN MINH MẠNH
NGUYỄN MINH NHẬT
NGUYỄN MINH TÂM
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG
NGUYỄN MẠNH HẢI
NGUYỄN NGỌC HUẤN
NGUYỄN NGỌC HÒA
NGUYỄN NGỌC KHIÊM
NGUYỄN NGỌC QUỲNH
NGUYỄN NGỌC TÀI
NGUYỄN NHƯ THẮNG
NGUYỄN PHƯƠNG NAM
NGUYỄN QUANG CHÁNH

NGUYỄN QUANG LIÊM
NGUYỄN QUANG LỘC
NGUYỄN QUÝ KHÍCH
NGUYỄN QUỐC DŨNG
NGUYỄN QUỐC HƯNG
NGUYỄN QUỐC THÁI
NGUYỄN QUỐC TUẤN
NGUYỄN QUỐC TUẤN
NGUYỄN THANH BÌNH
NGUYỄN THANH HIỆP
NGUYỄN THANH HẢI
NGUYỄN THANH ƯỚC
NGUYỄN THIỆN TÂM
NGUYỄN THU THỦY
NGUYỄN THUẬN
NGUYỄN THÀNH KHƯƠNG
NGUYỄN THÀNH LONG
NGUYỄN THÀNH NHÂN
NGUYỄN THÀNH QUANG
NGUYỄN THÀNH VĂN
NGUYỄN THÀNH ĐỒNG
NGUYỄN THÁI BÌNH
NGUYỄN THÁI LUẬN
NGUYỄN THẾ HỮU
NGUYỄN THẾ TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ BÌNH YÊN
NGUYỄN THỊ HIẾU
NGUYỄN THỊ HIỀN
NGUYỄN THỊ HIỀN
NGUYỄN THỊ HIỀN
NGUYỄN THỊ HOA
NGUYỄN THỊ HOA LÝ
NGUYỄN THỊ HOÀI THANH
NGUYỄN THỊ HOÀI THANH
NGUYỄN THỊ HOÀI TƯƠI
NGUYỄN THỊ HUỆ
NGUYỄN THỊ HUỆ
NGUYỄN THỊ HUỆ
NGUYỄN THỊ HÒA
NGUYỄN THỊ HÒE
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
NGUYỄN THỊ HƯỜNG
NGUYỄN THỊ HỒNG
NGUYỄN THỊ KHÁNH THIÊN
NGUYỄN THỊ KIM CHUNG
NGUYỄN THỊ KIM HUỆ
NGUYỄN THỊ KIM HỒNG

NGUYỄN THỊ KIM LINH
NGUYỄN THỊ KIM OANH
NGUYỄN THỊ KIM OANH
NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
NGUYỄN THỊ LIÊN
NGUYỄN THỊ LÊ
NGUYỄN THỊ LỢI
NGUYỄN THỊ MAI
NGUYỄN THỊ MAI THẢO
NGUYỄN THỊ MINH LÝ
NGUYỄN THỊ MINH THU
NGUYỄN THỊ MINH THẢO
NGUYỄN THỊ MỸ
NGUYỄN THỊ MỸ NHUNG
NGUYỄN THỊ NGÀ
NGUYỄN THỊ NGHIỆP
NGUYỄN THỊ NGUYỆT
NGUYỄN THỊ NGÂN
NGUYỄN THỊ NGỌC
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG
NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY
NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY
NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH
NGUYỄN THỊ NGỢI
NGUYỄN THỊ NHUNG
NGUYỄN THỊ NHƯ HÀ
NGUYỄN THỊ NHẪN
NGUYỄN THỊ NỤ
NGUYỄN THỊ NỮ
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LÂM
NGUYỄN THỊ QUY
NGUYỄN THỊ THANH HIỀN
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
NGUYỄN THỊ THANH LOAN
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG
NGUYỄN THỊ THANH VÂN
NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
NGUYỄN THỊ THUỶ
NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG
NGUYỄN THỊ THÚY NHUNG
NGUYỄN THỊ TÂM
NGUYỄN THỊ TÚ OANH
NGUYỄN THỊ TÚY HOA
NGUYỄN THỊ VÂN

NGUYỄN THỊ XUÂN HỒNG
NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT
NGUYỄN THỊ ĐIỀN
NGUYỄN THỊ ĐÀO
NGUYỄN THỊ ĐÔNG
NGUYỄN THỦ NGHĨA
NGUYỄN TIẾN DŨNG
NGUYỄN TIẾN ĐĂNG
NGUYỄN TRÍ DŨNG
NGUYỄN TRÍ QUYỀN
NGUYỄN TRƯỜNG KỲ
NGUYỄN TRẦN NGHIÊU
NGUYỄN TRỌNG HIỀN
NGUYỄN TRỌNG HÙNG
NGUYỄN TRỌNG ĐẠI
NGUYỄN TUẤN HƯNG
NGUYỄN TÍN HÙNG
NGUYỄN TÙNG LÂM
NGUYỄN TẤN PHÚC
NGUYỄN TẤN TRUNG
NGUYỄN TỬ TIẾN
NGUYỄN VIỆT HẢI
NGUYỄN VIỆT THANH
NGUYỄN VIỆT TUẤN
NGUYỄN VĂN BÌNH
NGUYỄN VĂN CHIỂU
NGUYỄN VĂN CỐ
NGUYỄN VĂN CƯ
NGUYỄN VĂN DOANH
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN VĂN HIỆP
NGUYỄN VĂN HOA
NGUYỄN VĂN HOÀI
NGUYỄN VĂN HOÀNG
NGUYỄN VĂN HUY
NGUYỄN VĂN HÀ
NGUYỄN VĂN HÒA
NGUYỄN VĂN HÓA
NGUYỄN VĂN HẠNH
NGUYỄN VĂN HỒNG
NGUYỄN VĂN HƯNG
NGUYỄN VĂN MÙI
NGUYỄN VĂN MỚİ
NGUYỄN VĂN NGÓN
NGUYỄN VĂN NINH
NGUYỄN VĂN NĂM
NGUYỄN VĂN PHÚ

NGUYỄN VĂN PHÚC
NGUYỄN VĂN PHƯỚC
NGUYỄN VĂN PHẤN
NGUYỄN VĂN PHỤNG
NGUYỄN VĂN QUANG
NGUYỄN VĂN QUÂN
NGUYỄN VĂN SÁNG
NGUYỄN VĂN SỸ
NGUYỄN VĂN THANH
NGUYỄN VĂN THÀNH
NGUYỄN VĂN THÁI
NGUYỄN VĂN THÁI
NGUYỄN VĂN THẮNG
NGUYỄN VĂN THẮNG
NGUYỄN VĂN TIN
NGUYỄN VĂN TRI
NGUYỄN VĂN TRUNG
NGUYỄN VĂN TRUYỀN
NGUYỄN VĂN TÀI
NGUYỄN VĂN TỒN
NGUYỄN VĂN VIỆT
NGUYỄN VĂN VƯỢNG
NGUYỄN XUÂN DUYÊN
NGUYỄN XUÂN LÊ
NGUYỄN XUÂN LÝ
NGUYỄN XUÂN NGỌC
NGUYỄN XUÂN NHIỄU
NGUYỄN XUÂN TIẾN
NGUYỄN XUÂN TÙNG
NGUYỄN ĐÌNH NAM
NGUYỄN ĐÌNH THẮNG
NGUYỄN ĐÌNH TIẾN
NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG
NGUYỄN ĐÌNH XUÂN
NGUYỄN ĐÔNG PHONG
NGUYỄN ĐẠI THẮNG
NGUYỄN ĐỨC HƯNG
NGUYỄN ĐỨC LUẬN
NGUYỄN ĐỨC AN
NGÔ CÔNG TRÁNG
NGÔ DUY CÔNG
NGÔ THỊ OANH
NGÔ THỊ TÂN
NGÔ TOÀN
NGÔ TUẤN KHÔI
NGÔ TUẤN KIẾT
NGÔ VĂN CƯƠNG

NGÔ VĂN HÙNG
NGUYỄN VĂN MINH
NHỮ THỊ VÂN
Nguyễn Anh Kiệt
Nguyễn Bá Lý
Nguyễn Bá Tòng
Nguyễn Chí Nam
Nguyễn Chủy
Nguyễn Công Thành
Nguyễn Duy Chí
Nguyễn Giang Yên
Nguyễn Huy Thanh
Nguyễn Hồng Lâm
Nguyễn Kim Cảnh
Nguyễn Kim Phụng
Nguyễn Minh Hải
Nguyễn Minh Khang
Nguyễn Minh Tuấn
Nguyễn Minh Vi
Nguyễn Minh Đức
Nguyễn Mạnh Hùng
Nguyễn Mạnh Hùng
Nguyễn Ngọc Khanh
Nguyễn Ngọc Quyên
Nguyễn Ngọc Trai
Nguyễn Ngọc Tú
Nguyễn Ngọc Tú
Nguyễn Phú Anh
Nguyễn Phúc Toàn
Nguyễn Phương Chi
Nguyễn Rèn
Nguyễn Sĩ Thụy
Nguyễn Sĩ Đạt
Nguyễn Thanh Bình
Nguyễn Thanh Minh
Nguyễn Thanh Vinh
Nguyễn Thành Châu
Nguyễn Thành Long
Nguyễn Thành Nguyên
Nguyễn Thượng Hiền
Nguyễn Thắng Thanh
Nguyễn Thị Bích Thủy
Nguyễn Thị Dung
Nguyễn Thị Dung
Nguyễn Thị Dư
Nguyễn Thị Gái
Nguyễn Thị Hiến

Nguyễn Thị Hiền
Nguyễn Thị Hiền Trang
Nguyễn Thị Hoa
Nguyễn Thị Hoà
Nguyễn Thị Hoàng Uyên
Nguyễn Thị Huệ Thanh
Nguyễn Thị Hương
Nguyễn Thị Hạnh
Nguyễn Thị Hải Yến
Nguyễn Thị Hải Yến
Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Nguyễn Thị Hồng Nga
Nguyễn Thị Kim Hoàng
Nguyễn Thị Kim Oanh
Nguyễn Thị Lan Anh
Nguyễn Thị Minh Hiếu
Nguyễn Thị Minh Hà
Nguyễn Thị Mười
Nguyễn Thị Nga
Nguyễn Thị Nga
Nguyễn Thị Nga
Nguyễn Thị Ngọc ánh
Nguyễn Thị Nhàn
Nguyễn Thị Nhật
Nguyễn Thị Phúc Xuân
Nguyễn Thị Quế
Nguyễn Thị Sinh
Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Thanh Duyên
Nguyễn Thị Thanh Huyền
Nguyễn Thị Thanh Huyền
Nguyễn Thị Thanh Hà
Nguyễn Thị Thanh Hương
Nguyễn Thị Thanh Hải
Nguyễn Thị Thanh Hải
Nguyễn Thị Thanh Loan
Nguyễn Thị Thi
Nguyễn Thị Thu Thảo
Nguyễn Thị Thắm
Nguyễn Thị Thủy Linh
Nguyễn Thị Vân
Nguyễn Thị Vân Anh
Nguyễn Thị Xuân
Nguyễn Thị Đoàn
Nguyễn Tiến Đức
Nguyễn Trung Anh

Nguyễn Tuất
Nguyễn Tấn Đức
Nguyễn Văn Duyên
Nguyễn Văn Huy
Nguyễn Văn Hân
Nguyễn Văn Hồng
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Luật
Nguyễn Văn Minh
Nguyễn Văn Minh
Nguyễn Văn Năng
Nguyễn Văn Phương
Nguyễn Văn Quyền
Nguyễn Văn Rí
Nguyễn Văn Thạnh
Nguyễn Văn Thảo
Nguyễn Văn Thịnh
Nguyễn Văn Thịnh
Nguyễn Văn Trai
Nguyễn Văn Tân
Nguyễn Văn Tường
Nguyễn Văn Vinh
Nguyễn Văn Xuân
Nguyễn Vương Nhật Minh
Nguyễn Xuân Dũng
Nguyễn Xuân Phong
Nguyễn thái Bình
Nguyễn Ánh Tuyết
Nguyễn Đức Duân
Nguyễn Đức Thịnh
Nguyễn Đức Tín
Ngô Minh
Ngô Ngọc Thăng
Ngô Thị Quy
Ngô Thị Thùy Dương
Ninh Thế Học
Nuôn Châu Cương
PHAN CHÂN
PHAN LONG PHỤNG
PHAN NGỌC TUẤN
PHAN NGỌC ĐỨC
PHAN NHẬT QUANG
PHAN THANH HẢI
PHAN THỊ ANH
PHAN THỊ DIỄU
PHAN THỊ NGỌC NGÀ
PHAN THỊ THANH GIANG

PHAN THỊ THÚY HẪN
PHAN THỊ XUÂN
PHAN THỊ ÚT
PHAN VĂN HÙNG
PHAN VĂN PHÚC
PHAN VŨ BỘI
PHÙNG THIẾT THẠCH
PHÙNG VĂN TÙNG
PHẠM ANH CHIẾN
PHẠM ANH NUÔI
PHẠM CÔNG BẰNG
PHẠM HOÀNG THÁI
PHẠM KIM HỒNG
PHẠM KIM YẾN
PHẠM MINH DUY
PHẠM MINH THÀNH
PHẠM MINH TRỌNG
PHẠM MINH ĐỨC
PHẠM NGUYỄN NGHỊ
PHẠM QUANG THANH
PHẠM QUỐC DÂN
PHẠM THU THANH
PHẠM THU THỦY
PHẠM THÀNH THANH
PHẠM THỊ BÍCH NGỌC
PHẠM THỊ HOÀNG ÁNH
PHẠM THỊ KIM TUYẾT LOAN
PHẠM THỊ LAN ANH
PHẠM THỊ LOAN
PHẠM THỊ MAI
PHẠM THỊ MỸ HẠNH
PHẠM THỊ QUÝ
PHẠM THỊ SƯƠNG
PHẠM THỊ THANH CHUYỀN
PHẠM THỊ THU HÀ
PHẠM THỊ THU NGÀ
PHẠM THỊ THẮM
PHẠM THỊ TỔ ANH
PHẠM THỊ VÂN
PHẠM TOÀN VƯỢNG
PHẠM TRUNG KIÊN
PHẠM TRUNG TIẾP
PHẠM TRỌNG LINH
PHẠM VĂN DŨNG
PHẠM VĂN HƯỜNG
PHẠM VĂN LONG
PHẠM VĂN LỢI

PHẠM VĂN MINH
PHẠM VĂN SANG
PHẠM VĂN THUẬT
PHẠM VĂN VINH
PHẠM VĂN VÀNG
PHẠM ÁNH
PHẠM ĐÌNH BA
PHẠM ĐÌNH TƯ
Phan Minh Anh Ngọc
Phan Thanh Hưng
Phan Thanh Hải
Phan Thanh Minh
Phan Thị Hồng Lê
Phan Thị Ngọc
Phan Thị Ngọc Ngân
Phan Thị Nhị Hà
Phan Thị Thanh Xuân
Phan Trọng Bính
Phan Văn Kết
Phí Hồng Quân
Phùng Thị Bích Ngọc
Phùng Việt Tuấn
Phùng Văn Sơn
Phùng Đình Luận
Phạm Anh Dũng
Phạm Hồng Đào
Phạm Hữu Phúc
Phạm Hữu Phước
Phạm Kim Lâm
Phạm Ngọc Bắc
Phạm Ngọc Thạch
Phạm Quang Hiền
Phạm Thanh Bình
Phạm Thị Bình Dung
Phạm Thị Kim Nhung
Phạm Thị Lan Anh
Phạm Thị Minh Hiệp
Phạm Thị Minh Huệ
Phạm Thị Mỹ Thanh
Phạm Thị Phu
Phạm Thị Thanh Hương
Phạm Tiến Dũng
Phạm Trung Thái
Phạm Văn Dũng
Phạm Văn Khoa
Phạm Văn Long
Phạm Văn Minh

Phạm Văn Rịch
Phạm Văn Thuộc
Phạm Văn Tuôn
Phạm Xuân Quắc
Phạm Đình Thúc
Phạm Đình Tạo
QUANG THỊ HẠNH
SỬ NHẬT TÂN
THÁI BÁ TUỆ
THÁI HỮU TÀI
THÁI VĂN HAI
THÂN MINH NGŨ
TRIỆU THANH TÙNG
TRÌNH THỊ THẢO
TRƯƠNG CHIÊU HOÀNG
TRƯƠNG CÔNG TOẢ
TRƯƠNG HOÀNG THANH
TRƯƠNG HỒNG PHÚC
TRƯƠNG QUANG HƯỞNG
TRƯƠNG THỊ SONG THAO
TRƯƠNG TRỌNG THỨC
TRƯƠNG VĂN HỘI
TRƯƠNG VĂN THÀNH
TRƯƠNG VĂN TUẤN
TRƯƠNG XUÂN HƯƠNG
TRẦN BÌNH KIỂM
TRẦN CÔNG DANH
TRẦN CÔNG LƯƠNG
TRẦN CÔNG QUÁN
TRẦN CÔNG TỊNH
TRẦN HOÀI KHẢI
TRẦN HÙNG VIỆT
TRẦN HƯƠNG GIANG
TRẦN HẢI AN
TRẦN HỮU PHƯỚC
TRẦN KHÁNH NHƯ NGUYỆT HÀ
TRẦN MÃO
TRẦN NGUYỄN TRUNG
TRẦN NGỌC CÚC
TRẦN NGỌC KHÁ
TRẦN NGỌC SƠN
TRẦN NGỌC THẠNH
TRẦN QUANG BA
TRẦN QUỐC VĂN
TRẦN THANH HUYỀN
TRẦN THANH TÙNG
TRẦN THANH VƯỢNG

TRẦN THỊ BÌNH
TRẦN THỊ CHÂU GIANG
TRẦN THỊ GIÁNG TRÂN
TRẦN THỊ HẠNH NGUYỄN
TRẦN THỊ KIM HOA
TRẦN THỊ KIM LIÊN
TRẦN THỊ KIM YẾN
TRẦN THỊ NGỌC MINH
TRẦN THỊ NINH
TRẦN THỊ PHIÊN
TRẦN THỊ SỰ
TRẦN THỊ THANH
TRẦN THỊ TUYẾT MAI
TRẦN THỊ XUÂN LAN
TRẦN THỊ XUÂN MAI
TRẦN THỊ XUÂN OANH
TRẦN THỊ YẾN NGÀ
TRẦN VĂN BỘ
TRẦN VĂN CHỦ
TRẦN VĂN HÓA
TRẦN VĂN NGỌC
TRẦN VĂN PHONG
TRẦN VĂN THỊNH
TRẦN VĂN TOÀN
TRẦN VĂN TUÂN
TRẦN XUÂN MÃI
TRẦN XUÂN THỦY
TRẦN ÁI ANH
TRẦN ĐÌNH KIÊN
TRẦN ĐÌNH LẠT
TRẦN ĐÌNH QUỐC
TRẦN ĐỨC
TRẦN ĐỨC LẬP
TRỊNH NGỌC NAM
TRỊNH QUANG BẢO
TRỊNH THỊ HIỀN
TRỊNH ĐỨC BÌNH
Thái Thanh Thúy
Thái Văn Thắng
Thạch Kim Hồng
Triệu Bửu Sơn
Triệu Minh Nở
Trình Thị Liên Hương
Trương Thị Mai Tố Oanh
Trương Thị Phượng
Trương Thị Phượng
Trương Thị Thùy Anh

Trương Thị Tuyết Hồng
Trương Thị ánh
Trương Tấn Sơn
Trương Văn Minh
Trương Văn Mẫn
Trần Anh Sơn
Trần Anh Vân
Trần Dũng Sỹ
Trần Hoàng Linh
Trần Hồng Phong
Trần Hữu Thiệu
Trần Kim Long
Trần Ly Sa
Trần Minh
Trần Ngọc Anh
Trần Ngọc Thuận
Trần Ngọc Thành
Trần Như Phương
Trần Quang Thiều
Trần Quốc Hoàng
Trần Quốc Việt
Trần Sĩ
Trần Sơn Hải
Trần Sỹ Tiến
Trần Thành Phương
Trần Thế Anh
Trần Thị Hòa
Trần Thị Hương
Trần Thị Hạnh
Trần Thị Hải Yến
Trần Thị Hồng Nga
Trần Thị Kim Lựu
Trần Thị Kim Oanh
Trần Thị Kim Thanh
Trần Thị Nghĩa
Trần Thị Ngọc Thủy
Trần Thị Thanh Nga
Trần Thị Thuý Hoa
Trần Thị Thơm
Trần Thị Thời
Trần Thị Yến Ngọc
Trần Tiến Hy
Trần Việt Dũng
Trần Việt Hùng
Trần Văn Chiến
Trần Văn Quyền
Trần Văn Rạng

Trần Văn Trung
Trần Văn Ánh
Trần Xuân Dũng
Trần Xuân Nhượng
Trần Ích Cường
Trần Đình Liệu
Trịnh Minh Trương
TÔ THỊ SÁNG
TÔ VĂN ĐỒNG
TÔN NỮ THANH THÚY
TÔN NỮ THỊ VÂN
TÔN THẤT SƠN PHONG
TÔN THỊ HÀ
Tô Như Toàn
Tô Thanh Nhàn
Tôn Thị Kim Lan
Tăng Viết Lưu
TẠ KIM PHO
TẠ THỊ KIM HUẾ
TẠ THỊ KIM LIÊN
TẠ THỊ THU TRANG
TẠ THỊ YÊN
TẠ TẮT DŨNG
TẠ VĂN LÁCH
Tạ An Thành
Tạ Hoàng Yến
Tạ Quang Huy
Tạ Thị Thu Hương
TẮNG THỊ LỄ
TỔNG HỒNG SƠN
TỔNG THỊ THANH TRÚC
TỔNG XUÂN MAY
Tổng Văn Nghiêm
TỪ CÔNG THƯỜNG
TỪ NGỌC CÔNG
TỪ VĂN THẨM
VŨ THUY HÀ
VÕ CHÍ CÔNG
VÕ HỮU PHÚC
VÕ PHIẾU
VÕ PHÚ QUỐC
VÕ SỸ LỰC
VÕ THANH KÝ
VÕ THỊ MINH CHÂU
VÕ THỊ MINH HIẾU
VÕ THỊ MINH HÒA
VÕ THỊ MINH HẰNG

VÕ THỊ MỸ HẠNH
VÕ THỊ PHƯƠNG CHI
VÕ THỊ QUỲNH TIÊN
VÕ THỊ THANH SƠN
VÕ THỊ THU
VÕ VĂN CHƯƠNG
VÕ VĂN HÙNG
VÕ VĂN THỌ
VÕ XUÂN SƠN
VÕ ĐÔNG ĐỨC
Võ Hoàng An
Võ Khắc Chinh
Võ Quân
Võ Thanh Thủy
Võ Thái Hải
Võ Thị Chi Mai
Võ Thị Nương
Võ Thị Phượng Vỹ
Võ Thị Trung
Võ Văn Bình
Võ Văn Thủy
VĂN BÁ KIẾT
VĂN MINH KHOA
VĂN THỊ HƯỜNG
VĂN THỊ KIM DIỆP
VŨ BÌNH PHƯƠNG
VŨ CÔNG THUẤN
VŨ HOÀNG NAM
VŨ MINH CÔNG
VŨ MINH HỌC
VŨ MINH PHƯƠNG
VŨ MINH TRÍ
VŨ MINH ĐẠI
VŨ NGỌC ANH
VŨ QUỐC NAM
VŨ THỊ KIM OANH
VŨ THỊ MỸ LỆ
VŨ THỊ TƯỜNG VI
VŨ THỊ ĐIỂM
VŨ TIẾN DŨNG
VŨ TRUNG TỈNH
VŨ VĂN THỪA
VŨ VĂN TÀI
VŨ XUÂN HUY
VŨ ĐỨC HÀ
VŨ ĐỨC PHƯƠNG
Vũ Hồng Nam

Vũ Hồng Việt
Vũ Thị Hồng Ngọc
Vũ Thị Minh Lý
Vũ Thị Minh Thúy
Vũ Thị Thanh Xuân
Vũ Thị Thu Hà
Vũ Tiến Sơn
Vũ Trọng Thiều
Vũ Việt Anh
Vũ Văn Hồng
Vũ Văn Quyền
Vũ Đình Thắng
Vũ Đình Điều
Vũ Đỗ Thùy Linh
VƯƠNG THỊ RANG
Vương Công Tiến
Vương Trung Kiên
Vương Văn Đỉnh
giang thị anh đào
IÊ XUÂN THẢO
ÂU THỊ LINH
ĐINH CẨM
ĐINH KIM HUÊ
ĐINH THỊ HOÀNG VÂN
ĐINH XUÂN CÔNG
ĐOÀN KIM TÀI
ĐOÀN THẾ CĂN
ĐOÀN THỊ LIÊN
ĐOÀN THỊ NGỌC
ĐOÀN THỊ VÂN
ĐOÀN THỊ XUÂN
ĐOÀN XUÂN KHÔI
Đinh Ngọc Anh
Đinh Ngọc Trân
Đinh Thị Minh Hạnh
Đinh Xuân Công
Đinh Xuân Phương
Đoàn Kim Chung
Đoàn Thu Hà
Đoàn Thị Kim Chi
Đoàn Thị Thanh Mai
ĐÀO XUÂN THÔNG
ĐÀO XUÂN ĐẮM
Đào Hoàng Yến
Đào Sỹ Du

Đào Trọng Đức
Đào Văn Tập
ĐẶNG ANH THƯ
ĐẶNG BÁ HÀ
ĐẶNG BÁ SỔ
ĐẶNG CHÍ QUANG
ĐẶNG DUY PHƯƠNG
ĐẶNG HOÀI ĐỨC
ĐẶNG HOÀNG NGUYỄN
ĐẶNG MINH CƯỜNG
ĐẶNG MINH THÚY
ĐẶNG NGUYỄN THÙY GIANG
ĐẶNG THỊ HỒNG HẢI
ĐẶNG THỊ KIM NGỌC
ĐẶNG THỊ NGÀ
ĐẶNG THỊ NGÀ
ĐẶNG THỊ PHẤN
ĐẶNG TÚ ANH
ĐẶNG VĂN KHƯƠNG
ĐẶNG VĂN LONG
ĐẶNG VĂN LƯU
ĐẶNG VĂN TUÂN
Đặng Bá Khuyên
Đồng Thị Lan
ĐỖ ANH PHƯƠNG
ĐỖ CÔNG THANH
ĐỖ HÒA
ĐỖ KHẮC HÂN
ĐỖ KHẮC TUẤN
ĐỖ MINH QUANG
ĐỖ MINH TRƯỜNG
ĐỖ MINH TUẤN
ĐỖ NGỌC THỌ
ĐỖ NHƯ Ý
ĐỖ PHƯỚC HẢI
ĐỖ QUANG HIỂN
ĐỖ QUANG THÁI
ĐỖ THANH HÙNG
ĐỖ THÀNH DŨNG
ĐỖ THỊ CHÍN
ĐỖ THỊ HỢP
ĐỖ THỊ LAN PHƯƠNG
ĐỖ TRỌNG LẠC
ĐỖ XUÂN NGUYỄN
Đỗ Chu Trinh
Đỗ Khắc Sỹ
Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Ngọc Cách
Đỗ Thị SÁNH
Đỗ Thị Kiều Trang
Đỗ Thị Thanh Trúc
Đỗ Thị Toàn
Đỗ Thị Vân Anh
Đỗ Trọng Thích
Đỗ Văn Hiếu
Đỗ Văn Hiệp
CTCP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao Su
CTY CP Truyền Thông Những Trang Vàng Việt Nam
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU MANG YANG
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU PHÚ RIỀNG
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU TÂN BIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHHV CAO SU LỘC NINH
Công Ty TNHH Một Thành Viên Cao Su Bình Long
Công Ty cổ phần Cao Su Tây Ninh
Công đoàn Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam

SỐ ĐKSH(8)	NGÀY CẤP(9)
012314964	28/02/2000
270081650	18/01/2007
270007605	04/10/2005
270576243	16/06/2004
VSDVRG023332227	22/08/1995
182286076	05/08/2005
271595238	25/10/2007
271591893	09/10/2003
VSDVRG022874093	31/07/1997
VSDVRG271311584	24/05/1994
022622251	08/02/2008
270575829	28/03/2006
285367312	12/06/2008
271414237	08/07/2008
270158033	02/08/2005
280938513	04/11/2004
141820246	05/07/2004
020709676	19/06/2007
024672216	21/09/2007
230590411	27/07/2005
291019538	14/07/2007
271084175	31/10/2000
271360814	04/12/2008
011726383	07/09/2006
285172739	31/12/2003
270718859	22/09/2005
285177473	12/02/2004
023275886	07/10/2009
VSDVRG271370984	23/04/1996
271595727	16/08/2008
290540354	09/12/2002
290492251	27/06/2006
024332031	08/11/2004
011904552	15/06/2006
040082647	05/09/2005
270439298	13/10/2007
271806495	26/06/2003
270000587	26/03/2010
025057594	02/02/2009
VSDVRG023518339	19/06/1998
172622375	17/10/2008
020267499	24/05/2010
270012361	29/06/2006
290060020	07/03/2006
291046919	24/09/2008
VSDVRG141684610	02/04/1992

022325685	16/10/2006
VSDVRG022539400	01/03/1997
230777654	01/04/2009
VSDVRG011788792	26/05/1993
290878320	19/08/2003
VSDVRG290626471	25/10/1994
205630189	02/02/2009
272379811	05/03/2010
280380418	04/11/2004
023262115	22/09/2007
285149921	24/07/2003
280960690	20/10/2005
270139471	07/04/2006
285223659	04/04/2005
270608908	02/03/2013
272256478	09/04/2009
285267121	17/05/2010
271851300	18/06/2004
271835966	09/10/2003
270650909	25/07/2006
280960688	20/10/2005
VSDVRG141962774	12/08/1997
281062945	12/04/2010
271835969	09/10/2003
VSDVRG022757698	23/10/1991
272014570	08/03/2006
271202819	25/07/2003
010399367	12/03/2009
271754690	10/03/2003
271835970	09/10/2003
025039970	12/12/2008
022715644	28/07/2009
271836328	16/10/2003
272204099	28/02/2008
VSDVRG020685653	01/04/1996
271595972	06/09/2008
271709499	05/07/2001
270312256	18/06/2010
285211504	16/04/2010
271085017	27/12/2001
VSDVRG271105440	20/07/1998
VSDVRG271185955	21/03/1991
271370975	28/07/2005
271228723	09/10/2003
290674625	13/12/2012
271115842	12/01/2006
280936997	17/05/2005

270834128	15/06/2004
270159106	21/11/2001
270576132	15/06/2004
270265899	08/04/2009
142799568	26/12/2007
022520650	11/12/2001
010453117	22/08/2005
011743165	30/06/1999
010434953	08/05/2007
011207904	09/10/2006
010231058	30/11/2007
270832791	18/01/2006
230613327	28/07/2000
271449068	29/09/2000
270723036	09/10/2003
270832918	19/08/2004
024940128	02/04/2008
270723850	19/04/2007
012435854	08/01/2002
271595709	07/08/2014
020140570	10/03/2004
285125982	20/09/2002
270713427	22/05/2006
024323766	17/03/2005
020009045	27/12/2005
VSDVRG090645383	08/05/1998
025160795	03/08/2009
011739618	31/03/2011
271657152	15/09/2000
024444658	27/09/2005
111326517	24/07/2010
270995925	02/08/2005
285244568	10/10/2005
023166409	18/03/2010
VSDVRG271134082	03/08/1998
024075517	21/10/2002
VSDVRG271503187	11/05/1998
271150061	07/08/2008
271557719	26/08/2012
270980464	09/10/2003
271196017	18/01/2006
270776632	27/11/2003
270158307	04/01/2006
285170812	13/02/2004
285177923	19/05/2010
271074083	22/07/2004

020132665	05/08/2004
271420215	23/02/2006
023457315	01/08/2007
211558570	25/08/2000
012281380	14/09/1999
270137848	08/07/2003
271693542	06/09/2001
023131546	09/07/2001
285177958	05/07/2004
VSDVRG290436606	09/10/1995
285177255	23/04/2009
025339246	28/08/2010
290435349	13/08/2002
024744053	16/04/2007
271127572	09/12/2004
010902112	22/05/2002
290755421	11/03/1999
270159096	09/10/2003
024299795	09/01/2005
022863900	16/09/2003
271975266	09/07/2005
VSDVRG270764194	10/02/1985
270493311	11/05/2006
271287918	28/11/2008
271119723	15/10/2009
271255191	01/10/1999
140449586	19/04/2010
135082902	10/06/1999
290627654	08/01/2003
270832256	08/03/2006
VSDVRG270137586	24/10/1997
VSDVRG300845904	22/08/1992
285177403	03/02/2004
270575827	06/11/2003
012062719	09/04/2008
VSDVRG271503676	22/05/1998
270834211	29/07/2005
271353878	04/09/1999
270149145	07/08/2003
270651584	06/04/2006
020708597	26/03/2010
230568613	03/04/2005
270878540	31/12/2004
270892542	02/03/2001
285535701	28/04/2011
270158114	09/01/2006

271758192	18/07/2002
280936955	30/05/2008
022973088	11/11/2007
280450182	27/03/2009
270895897	10/03/2006
022762664	10/02/2002
012813544	22/07/2005
271631851	26/05/2000
270832794	09/10/2003
270159057	06/07/2004
VSDVRG270166708	12/03/1997
270822641	21/10/2004
270137626	17/05/2005
270576217	20/09/2007
270844156	29/06/2010
270159099	08/03/2006
230483403	24/11/2005
082543375	17/04/2000
271084742	09/10/2003
285353425	19/04/2008
271084580	28/03/2002
270774729	03/03/2005
VSDVRG271450574	07/07/1997
271258485	16/01/2006
VSDVRG010555720	26/10/1990
290749542	23/07/2001
VSDVRG021636284	25/01/1996
285289430	20/03/2007
290472438	11/02/2004
285172862	15/02/2011
079156000509	23/03/2016
025240763	23/01/2010
141967601	23/12/2003
024189519	28/10/2003
270285210	17/10/2003
290616145	10/11/2000
022740778	08/01/2009
280405757	26/11/2002
012564497	16/12/2002
022080464	02/01/2009
271370588	27/09/2007
020380601	19/05/2008
111499257	25/09/1997
023464994	13/06/2007
025079720	30/05/2013
270377076	27/11/2003
023549199	19/06/2006

010436602	23/02/2007
271642669	13/02/2001
281056694	06/07/2009
020249849	04/12/2006
285177246	03/02/2004
020732345	07/10/2005
145006468	26/02/2008
023881729	16/03/2005
022082876	22/11/2007
022827038	08/04/2010
280244208	16/06/2003
022022669	27/10/2008
270137812	13/11/2008
023744757	19/01/2009
270159087	15/07/2004
212094873	19/06/2010
290007431	30/11/2009
122157976	21/10/2011
285177597	19/02/2004
270762602	21/03/2003
270834104	09/10/2003
135059236	16/03/1999
230005997	09/05/2008
270719957	30/10/2003
022286071	11/07/2003
VSDVRG012009213	05/01/1997
270377263	12/05/2005
017299250	11/02/2012
024949517	08/05/2008
024779087	08/08/2007
VSDVRG271348691	13/06/1995
285193101	21/05/2003
012168359	28/08/1998
024996169	01/08/2008
012357520	27/06/2000
012443189	18/07/2007
010677057	01/07/2011
011009641	16/05/2009
270435231	12/05/2005
270158464	09/01/2006
272204600	17/04/2008
290316894	01/08/2008
270159092	25/09/2003
285126983	06/12/2002
230498121	09/05/2005
012382719	05/09/2000
271119796	24/06/2004

022855117	06/01/2005
285177334	05/02/2004
271942556	22/03/2008
VSDVRG271503503	21/05/1998
023283993	25/08/2008
271311776	17/12/2009
VSDVRG270921652	27/08/1986
010969136	06/09/2002
270832927	23/10/2003
230710606	02/06/2004
012079638	09/08/2008
270705558	16/01/2006
230660287	08/10/2002
020845645	17/12/2003
001176001078	07/05/2014
VSDVRG290597533	23/09/1993
285177011	12/12/2003
272003944	11/01/2006
271366293	10/03/2007
270576019	29/05/2008
013030853	25/01/2008
271084479	07/08/2003
285207741	10/05/2007
271084651	05/05/2005
270376084	03/08/2006
VSDVRG022495482	29/05/1995
281050417	20/06/2009
VSDVRG270158284	05/09/1997
280419048	20/10/2005
230357595	30/03/2005
271313424	21/02/2009
271758510	10/10/2002
270980513	09/01/2010
280392994	10/05/2005
211555030	07/02/2009
270958722	20/06/2006
271258841	16/12/2004
271258480	18/10/2007
113346216	23/11/2005
270159077	27/02/2004
270723890	19/04/2007
VSDVRG271457235	25/06/1997
270137777	09/10/2003
021371771	24/08/2003
271084571	11/11/2004
VSDVRG023424562	08/05/1997
270843217	18/06/2003

270691539	28/02/2008
VSDVRG271478549	06/10/1997
230694720	04/02/2004
270723801	16/04/2007
VSDVRG021720547	08/12/1992
271196038	09/01/2006
13114315	20/08/2008
270980390	03/07/2001
285166134	11/06/2004
VSDVRG285004960	16/03/1997
VSDVRG280028165	24/03/1978
VSDVRG285023419	26/05/1998
025148335	19/05/2009
VSDVRG125003637	20/03/1997
271210066	16/09/2004
271758864	06/03/2003
285114878	26/04/2010
230681218	29/07/2003
VSDVRG022827483	20/04/1991
280389770	18/12/2004
012 487 087	11/02/2010
VSDVRG011726642	03/04/1991
VSDVRG020400282	23/10/1978
271414174	22/06/2007
270562661	29/12/2009
VSDVRG280746772	09/05/1996
271621781	24/03/2000
271836433	06/11/2003
VSDVRG082399289	29/11/1998
112140960	08/03/2002
230005988	15/08/2005
013598086	06/11/2012
VSDVRG271484107	22/10/1997
271021873	27/10/2004
230257963	29/05/2009
270159081	09/08/2008
270158180	09/06/2006
270158942	02/12/2004
270578308	08/06/2011
271488911	16/04/2007
270566929	25/07/2003
270158345	11/01/2006
011323251	11/07/2001
023621905	22/12/2009
271062178	18/06/2008
271285660	21/02/2008
VSDVRG271449373	10/06/1997

VSDVRG250209571	16/01/1997
145116444	11/05/2000
281062970	17/04/2010
010003486	15/04/2005
271258551	04/01/2006
270136633	17/06/2005
012524095	18/08/2009
171348592	13/10/2004
0918616303	06/11/2003
024096154	08/01/2003
270723802	21/03/2009
271648544	04/12/2009
270566776	08/03/2006
271175288	17/03/2005
285177250	03/02/2004
271836428	06/11/2003
270139990	15/07/2003
VSDVRG023176995	26/08/1994
271455292	26/03/2009
271268653	18/03/2008
271463332	18/10/2006
300886235	24/02/2006
290051380	17/05/2007
271119777	12/04/2006
270137883	05/01/2006
VSDVRG271317994	03/08/1994
271622965	23/12/2005
201504021	26/07/2001
285062396	12/01/2007
281082427	26/06/2010
VSDVRG270438256	19/03/1980
281062974	17/04/2010
012113326	02/03/2011
012357287	19/06/2000
023598171	25/03/1999
VSDVRG285006537	14/06/1997
VSDVRG022458020	18/03/1998
VSDVRG023506274	01/07/1997
023914608	18/06/2001
VSDVRG182372893	09/06/1998
020591562	02/10/2004
024495563	22/06/2006
271264037	24/08/1999
270137901	08/03/2006
VSDVRG012160761	24/08/1998
270158915	16/07/2004
022174098	09/05/2009

020132766	02/06/2008
271552091	23/06/2005
285177249	19/03/2011
113205579	06/05/2002
VSDVRG020132860	31/03/1998
270159273	06/08/2007
270149688	05/04/2008
113389576	02/01/2007
VSDVRG'023465606	07/03/1998
270774709	26/02/2010
022929522	22/08/2007
270911719	05/01/2010
285150575	08/09/2003
270723816	28/11/2003
272014303	16/02/2006
271414236	09/08/2007
270718860	26/04/2010
VSDVRG271444799	17/06/1997
270832882	03/07/2001
271084584	13/05/2004
285177478	12/02/2004
271621772	24/03/2000
271835971	09/10/2003
270566995	25/07/2003
285149919	24/07/2003
270832844	04/04/2006
270845618	25/11/2004
270280900	17/08/2001
026048709	31/10/2015
VSDVRG142006529	08/09/1998
271917188	10/03/2005
023389680	18/06/2007
181927075	27/02/1999
VSDVRG270010223	12/08/1988
285177470	07/03/2008
141494744	15/02/2004
285656315	04/04/2013
271161866	04/01/2010
270165176	28/07/2005
022816849	13/07/2009
270774981	29/09/2005
270149196	09/08/2007
285149933	24/07/2003
270502152	01/08/2007
270012332	25/10/2007
271371765	09/03/2006
271195928	16/09/2004

VSDVRG271366100	10/08/1995
271085361	10/03/2005
270953169	25/09/2003
VSDVRG271084790	08/10/1997
271975345	02/08/2005
280137073	01/03/2005
013030406	15/01/2008
271228712	19/06/2003
186068485	26/03/2001
VSDVRG023147266	14/10/1993
271150176	02/07/2001
023419022	21/06/2010
271084577	23/05/2008
VSDVRG094083473	16/05/1996
270137793	09/10/2003
271150147	18/06/2004
011542332	17/11/2004
270980329	16/12/2004
270137794	11/04/2006
271806944	30/07/2003
285212648	01/03/2005
271836304	16/10/2003
270001296	16/10/2003
270854279	11/01/2005
VSDVRG090858914	20/02/1998
270832889	09/10/2003
270862137	10/06/2008
271836368	22/10/2003
VSDVRG271395554	24/04/1996
271578493	09/06/2007
011890905	03/12/2009
291004618	15/05/2007
186134848	18/11/2001
VSDVRG020289190	07/09/1998
012602241	25/04/2003
011638625	28/02/2011
VSDVRG271311575	24/05/1994
VSDVRG271484446	30/10/1997
023625780	24/12/1999
270851358	09/10/2003
VSDVRG111391888	19/04/1996
272139297	11/04/2007
010451243	03/03/2011
270160641	22/07/2004
270583920	16/12/2004
270137907	30/10/2003
271717187	06/07/2010

272014698	16/03/2006
285207187	05/04/2010
142490610	16/03/2004
271321278	02/04/2009
022646628	12/02/2014
285058752	13/03/2003
023623579	05/12/2005
285212912	23/03/2010
024240331	16/02/2004
271836219	02/10/2003
011727146	15/11/2006
270973159	27/02/2010
024222218	16/01/2004
271363230	25/01/2007
024515631	21/11/2006
285177536	17/02/2004
270158910	29/11/2007
030953505	29/09/2006
024705465	21/08/2007
013004898	27/09/2007
011907259	08/08/2007
011558173	14/05/2008
280503310	25/02/2009
230590732	05/02/2002
271150032	02/08/2005
011897886	17/01/2005
022539488	09/09/2009
270807036	12/06/2007
270159082	09/10/2003
011796037	26/08/1999
024111866	29/04/2003
285058594	22/11/1999
021563714	19/06/2007
285095138	26/11/2010
285241999	03/03/2006
271797092	22/09/2007
270158535	30/03/2001
285063314	30/04/2010
011793023	13/01/2010
024427478	03/10/2005
125371369	12/09/2006
285171087	31/03/2009
011652322	06/10/2010
011816741	11/05/2006
285058363	25/05/2011
270010203	30/10/2003
272222875	18/03/2008

011680987	08/12/2005
271595939	07/10/2004
020101446	18/05/2006
012517909	26/10/2009
021850501	20/12/2006
270492542	09/10/2003
013034757	18/01/2008
270652493	09/10/2003
011039135	19/07/2008
022683127	21/03/2009
012894908	06/07/2006
022026408	08/05/2007
020058743	28/08/2001
011285416	22/08/2003
011634616	03/04/2001
020174672	13/03/2007
011236927	23/10/2006
272003799	04/01/2006
024135095	26/05/2003
024687529	27/07/2015
012496606	19/09/2006
290304405	17/02/2005
285231792	20/05/2010
011961215	08/09/2005
022010861	15/09/1999
023774576	10/01/2000
010980983	13/07/2006
024192993	08/09/2003
272229095	22/03/2008
172001473	09/06/2006
011700951	30/10/2006
025279839	17/04/2012
021581026	07/07/2003
023697775	02/03/1999
011527372	28/02/2005
012461496	30/07/2001
012108901	07/01/2009
285172787	25/05/2013
271503195	05/08/2004
285212809	03/03/2005
012564354	28/11/2002
011030077	24/12/2002
011819083	12/10/2006
024083492	26/11/2002
171755952	20/11/2001
012712839	05/07/2004
285177444	14/12/2009

271917107	24/02/2005
020132781	02/04/2007
012806641	24/06/2005
230736708	14/12/2004
285177333	16/03/2010
010251267	22/11/2006
285153654	03/11/2003
270137865	11/03/2004
270137855	04/07/2001
270158532	30/12/2005
010969204	17/10/2007
023045997	25/05/2010
290892862	24/03/2004
271258463	01/08/2003
270538324	09/10/2003
270722894	22/07/2004
135554473	15/03/2008
010098040	02/03/2006
285380793	24/02/2009
280016743	07/10/2003
270651664	25/03/2004
013114394	28/08/2008
285170831	13/02/2004
023913861	18/06/2001
001083011164	02/10/2015
024940933	26/04/2008
290327579	14/10/2003
011865343	10/03/2011
142267530	14/11/2005
020154221	16/06/2006
285149918	24/07/2003
285129947	17/04/2003
131583656	27/03/2006
020132881	16/02/2006
271788682	14/05/2007
291137744	09/02/2012
271382144	27/09/2007
271836524	27/11/2003
271291829	20/03/2009
VSDVRG270158936	13/10/1978
VSDVRG21768277	22/10/1997
VSDVRG271355921	04/07/1995
271285680	04/12/2010
270541998	13/10/2005
270130100	23/08/2007
270808261	09/10/2003
025214437	24/11/2010

212134609	13/03/2012
021139927	13/03/2007
272003391	30/01/2010
271134949	27/04/2006
272014643	14/03/2006
270834654	14/07/2008
230500944	24/09/2008
022900667	16/04/2003
011644423	18/09/2012
271835967	29/11/2007
270149577	06/01/2005
VSDVRG012079537	03/11/1997
270776097	23/03/2000
270120005	10/09/2004
VSDVRG280787030	22/10/1997
271074761	04/12/2003
270576168	03/04/2003
272081777	12/04/2007
VSDVRG181926134	06/11/1996
024906191	20/06/2009
280981413	11/04/2007
025038322	14/10/2008
085109188	20/11/2001
270645827	17/02/2011
270137916	08/07/2008
011430765	04/10/2007
021996964	05/04/2011
270576194	11/11/2004
022117000	14/12/2000
285257696	04/12/2010
271503136	07/07/2010
010003469	20/07/2005
270158058	26/11/2009
230744974	14/03/2005
290431965	05/03/2007
271325193	02/08/2007
012545222	14/08/2002
270834096	29/07/2005
280809913	22/02/1999
012793707	04/08/2005
VSDVRG010747368	23/04/1998
285170824	13/02/2004
VSDVRG285035019	27/11/1998
285212418	22/02/2005
271414238	13/03/2010
270002335	24/07/2002
012043489	03/12/2008

270158078	20/09/2001
285149398	24/07/2003
272014626	10/03/2006
VSDVRG020132794	14/07/1997
280325671	26/06/2008
285177341	05/02/2004
141760919	30/04/1999
194038559	28/03/2009
023142447	28/08/2001
285172863	24/12/2011
285172864	01/08/2009
022854001	11/11/2005
022421171	20/07/2005
285177468	15/03/2010
271324195	19/04/2011
001172000476	13/08/2013
020521584	10/03/2009
285170621	01/12/2003
285177467	21/06/2013
011493152	13/07/2006
012998405	17/08/2007
271348283	26/11/2008
013110036	31/07/2008
272003914	11/01/2006
285177303	05/02/2004
020249677	16/05/2001
023120915	06/08/2010
022873760	28/08/2001
141786765	05/01/2006
164189172	11/01/2002
020953277	27/01/2005
023175850	24/08/2006
285177480	12/02/2004
020198909	12/01/2006
270951772	29/05/2007
011557844	23/04/1999
013339551	06/10/2010
271528153	08/07/1999
023784443	14/02/2000
271657135	15/09/2000
024372720	29/03/2005
172589201	16/10/2006
141324390	13/09/2005
025403387	06/06/2011
023666405	17/03/2000
270566783	03/08/2005
280055818	17/03/2008

020288276	19/01/2006
150880106	28/04/2005
285149934	24/07/2003
140000392	24/01/2008
022401541	08/05/2015
270285153	10/10/2003
VSDVRG011987910	23/10/1996
VSDVRG191466311	06/06/1997
281105663	26/04/2011
280113371	20/10/2005
270776223	18/06/2004
230479668	22/11/2004
270001084	19/10/2003
290117732	22/09/2008
VSDVRG023142377	12/07/1993
024184000	10/11/2003
271223447	26/02/2010
VSDVRG182265085	14/04/1997
270691879	15/06/2004
280911329	05/07/2004
023941698	09/08/2001
285177745	26/02/2004
271086097	18/07/2002
272255393	16/08/2008
280050373	13/08/2005
285177539	15/05/2007
270640356	16/10/2003
285149397	24/07/2003
271084677	02/08/2005
271134094	08/10/2007
272423360	20/11/2010
023165062	24/02/2006
010173000001	10/12/2012
VSDVRG023311584	24/04/1995
271258469	17/07/2007
271317718	25/05/2009
270166864	17/02/2006
271449335	10/12/1999
271164591	29/06/2009
285219038	12/01/2010
271255508	13/06/2006
271298813	09/10/2003
271897720	18/11/2004
270878543	23/09/2004
025355609	23/08/2010
285106184	11/09/2001
VSDVRG271370953	04/04/1996

VSDVRG161980462	11/09/1996
VSDVRG271317088	30/05/1994
025483200	06/07/2011
020757487	14/09/2010
270578854	09/06/2012
011816349	28/02/2011
022948762	15/04/2003
270969023	26/08/2004
290754224	23/10/1999
VSDVRG361689578	02/06/1994
271375314	02/08/2005
272003397	01/12/2005
VSDVRG012118849	09/04/1998
270834286	29/07/2005
270878329	15/07/2004
VSDVRG271396004	23/04/1996
271321527	17/07/2007
012558884	28/03/2003
272279089	26/08/2008
VSDVRG162135342	20/05/1995
270137634	09/10/2003
172094351	06/12/2001
270651051	09/10/2003
VSDVRG290641959	03/08/1995
271258468	01/04/2010
281024350	12/05/2008
271529768	24/07/2008
280884557	09/01/2008
182183439	06/07/2010
271150175	18/06/2004
271134796	26/09/2006
285150578	13/02/2004
271835968	09/10/2003
272047528	28/06/2006
270970323	30/09/2010
VSDVRG162202645	01/01/1996
280714988	07/11/2009
280810354	23/03/1999
272501491	12/10/2011
031157001639	15/06/2016
021987907	16/06/2009
022174076	23/07/2003
271788288	27/12/2002
022463843	27/12/2013
280666043	02/03/2006
121477805	13/03/2001
022598379	10/10/2002

281062969	17/04/2010
271975489	25/08/2005
023740157	10/01/2009
290885802	30/10/2003
271058587	09/10/2003
271317472	26/10/2005
272097875	16/11/2006
011156976	08/04/2010
011287178	12/05/2004
011848450	18/10/1999
012986478	12/07/2007
023145222	15/09/2003
011676697	02/07/2004
285149936	24/07/2003
011648795	04/05/2004
285202353	01/03/2005
020132852	21/08/2001
022799807	20/09/2002
022779883	30/07/2004
023272161	18/03/2004
022728517	02/08/2005
272081874	22/03/2007
022303119	20/02/2013
011879768	15/07/2008
271272621	12/05/2008
012365522	15/12/2005
021578233	18/10/2005
010450423	11/09/2010
001176000411	20/05/2013
011840847	05/01/2004
272499772	01/03/2012
010260938	07/03/2006
011376720	17/09/2004
285172608	19/12/2003
270137783	14/08/2004
024209732	25/06/2004
023435840	10/07/2003
020368260	22/06/2000
270791745	02/03/2006
010442928	11/02/2003
B0600407	11/08/2006
012463328	19/07/2001
022206358	24/08/2009
020038290	04/11/2005
285149923	24/07/2003
270854899	03/07/2014
290882407	07/10/2003

024353359	01/06/2005
020595854	19/02/2008
023138230	25/12/2006
023271030	28/06/2007
022122925	30/10/2009
141258721	26/12/2003
271296059	12/12/2012
270158181	30/10/2003
VSDVRG211672256	26/03/1996
271801552	13/03/2003
272014187	07/02/2006
VSDVRG011930814	02/04/1996
VSDVRG011268477	04/08/1994
111166216	23/05/2005
020798661	01/09/2007
010450074	06/09/2007
240897722	18/07/2011
023747433	09/10/1999
023272218	16/03/2002
023463572	03/09/2004
VSDVRG271503813	31/12/1899
271432231	02/03/2006
285130898	14/07/2005
271806062	08/04/2003
012243642	06/06/1999
022090855	10/05/2005
131161477	26/06/2002
270158658	09/10/2003
280104668	12/07/1999
021394373	20/06/2000
270776128	30/09/2004
151030004	04/06/2008
285177245	11/07/2007
270158670	15/06/2004
VSDVRG011726487	28/03/1991
271449107	17/07/2008
034180003453	02/06/2016
271363198	26/12/2005
VSDVRG280760801	10/12/1996
285149925	14/09/2006
271355587	18/05/2009
285058806	15/03/2006
023588924	17/07/2000
290295508	04/10/2005
271503167	14/10/2004
020051193	23/08/2011
VSDVRG011440267	01/03/1997

271595863	19/10/1999
270651462	03/01/2008
VSDVRG271311437	23/05/1994
270744237	30/05/2007
183281134	14/04/1999
212015509	24/06/2010
270120949	16/03/2004
270583471	27/12/2005
VSDVRG194072414	26/02/1996
B2054645	18/04/2008
021607052	13/07/1999
022650174	23/03/2010
281056693	06/07/2009
023327635	29/08/2007
270853410	03/08/2006
020174402	21/04/2012
285384228	21/02/2009
270808553	29/04/2004
270013916	22/08/2012
024145523	14/08/2003
025110619	13/07/2010
290586374	10/07/1999
280974406	19/06/2006
VSDVRG191346718	22/07/1991
VSDVRG021996828	09/12/1996
270968441	08/03/2006
025524168	11/08/2011
VSDVRG012070828	09/10/1997
285153659	03/11/2003
280694485	18/10/2010
VSDVRG271449292	09/06/1996
022776262	05/02/2004
271595964	23/12/2004
281969476	28/11/2009
011129424	28/10/2008
010499835	08/04/2005
271403430	06/04/2006
023389852	24/10/2006
271312037	01/11/2008
011574893	13/10/1999
024780004	10/09/2007
270652552	09/10/2003
285150333	24/07/2003
230773849	05/09/2005
012913257	05/11/2008
230368625	04/10/2004
141785596	30/12/2005

182427681	28/01/1999
011047583	14/02/2005
022594082	19/02/2004
020140496	06/06/2008
011558368	19/09/2005
142128276	29/06/2000
141253090	27/08/2001
020132918	20/11/2001
012984276	11/06/2007
230888151	09/04/2008
142218571	31/01/2002
024190539	29/07/2004
021862030	21/07/2009
023030664	06/04/2006
290882408	10/07/2003
285212532	02/07/2010
285207440	05/11/2004
011482686	02/10/2008
020470221	27/12/1999
230395253	24/05/2004
020439032	20/09/2002
271084828	08/07/2004
270867211	12/03/2004
023797745	30/12/2005
023124633	25/04/2007
022421324	23/04/2013
271258479	07/01/2010
290496838	23/06/2007
012921394	26/10/2006
270878562	09/10/2003
VSDVRG271493065	13/01/1998
271616758	17/03/2000
023470055	16/08/2006
020680017	10/02/2004
271344651	04/12/2009
023124633	03/11/2014
012528121	20/05/2002
290505784	10/12/2009
271362018	10/04/2010
020617842	12/12/2012
285172786	06/01/2001
285153052	08/09/2003
285498257	25/08/2010
024389233	04/10/2005
271220047	29/04/2004

011836809	06/10/2006
270645869	20/03/2002
VSDVRG012020383	31/03/1997
271892462	18/08/2004
270652500	01/07/2004
281057995	26/10/2009
270692456	26/11/2003
135077049	10/02/2003
271355655	03/07/2003
VSDVRG011990250	20/09/1996
271588724	13/12/2004
280608101	07/05/2009
VSDVRG012094898	09/02/1998
230522130	22/08/2006
VSDVRG023623318	14/03/1998
VSDVRG271311561	24/05/1994
010283086	10/08/2006
VSDVRG010150730	05/10/1998
023072184	25/05/2011
271942315	03/03/2005
VSDVRG020132919	03/12/1998
023079116	20/05/2009
011520980	17/07/2001
011563132	05/01/2007
280609510	22/02/2011
012576230	27/01/2003
270158153	24/11/2005
271610733	11/05/2000
271258717	07/06/2007
010830061	26/11/2003
VSDVRG280729933	08/05/1996
270158933	04/03/2010
270225282	08/03/2006
270158106	08/03/2006
361846532	26/10/2006
VSDVRG010142347	29/10/1991
023814049	26/08/2000
270632334	21/07/2005
111338152	09/08/2001
271836629	11/12/2003
025636919	21/11/2012
VSDVRG271506624	11/05/1998
270775903	09/10/2003
281082974	24/07/2010
022858776	26/10/2001
271801397	25/03/2003
271897312	08/03/2007

022259768	02/04/2002
022362134	04/08/2003
291084788	27/02/2010
023015910	24/12/2009
141224158	29/05/2008
012925454	02/08/2008
285212425	22/02/2005
021119414	19/07/2006
021126979	11/10/1999
4103003436	27/08/2008
0303713634	16/03/2005
3800406406	07/12/2012
5900190553	01/06/2010
3800100062	20/08/2013
3900242832	20/03/2013
3600259465	14/09/2010
3800100270	30/10/2012
3800100168-1	01/07/2010
3900242776	24/07/2012
642/QĐ.CĐCS	24/07/2012
0301266564	27/03/2013
0301266564	04/03/2014

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ(10)

P201 A2, Trại Găng, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội:
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, Xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 1 đường 10 Trung Tâm Xuân Lập, Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
56 Trung Lang, P12, Q Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Số 22/2 ấp Đông B- Đông Hòa - Dĩ An- tỉnh Bình Dương
Số 1 đường 10, ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 8/28 Nguyễn Thiện Thuật, P24, Quận BT, TP HCM
Xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
B6/25, ấp 2, xã Quy Đức, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
Số 906C, Hai Bà Trưng, P. Xuân Hòa, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Khu phố Phú Thuận, P. Phú Thịnh, TX. Bình Long, tỉnh Bình Phước
Số 08 đường 4A, Ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm,Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
CTCP Cao su Phước Hòa, Ấp 2, Phước Hòa, Phú Giáo, Bình Dương
12/2 Lãng Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội
351/59 Lê Văn Sỹ, P 13, Quận 3, HCM
212 Đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân Hồ Chí Minh
Số 44 đường số 8, KDC Bình Phú, P. 11, Q. 6, TPHCM
Số 64 tổ 1, ấp Thạnh Hà, Thạnh Đông, Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Nông trường Cao su Túc Trưng, Ấp Xuân Thiện, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 39 hẻm 26/15 ngách 66 ngõ Thái Thịnh II, Q Đống Đa, Tp. Hà Nội
Tổ 3, Ap Ấn Lợi, xã Tân Lợi, H. Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Tổ 12, khu 14, xã Long Đức, Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Tổ 6,khu phố phú Thịnh,P. Phú Thịnh, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Số 210 Nam Kỳ khởi nghĩa, P.6, Q. 3, TPHCM
Tổng Cty Cao su Đồng nai, xã Xuân Lập, Tx Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 161 ấp Suối tre, xã Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 152BÔ2, khu phố Rạch Sơn, TT Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Tổ1, Ấp Thạnh Hòa - xã Thạnh Đông - huyện Tân Châu - tỉnh Tây Ninh, Tây Ninh, Viet Nam
236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Q.3 TP.HCM
Số 305, Đường Nguyễn trãi, Q. Thanh Xuân, Hà nội
Công ty CP Xây lắp BD HN, 51 Vũ Trọng Phụng, HN
Số 161 Ấp Suối Tre, Xã Suối Tre, TX Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
Công ty CP KCN Dầu Giây (xã Xuân Lập, Long Khánh, Đồng Nai)
Số 3 đường Trương Định, Kp 2, P Tân Mai, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
143, Đường 130 Cao Lỗ, P 4, Q 8, Tp Hồ Chí Minh
Số 23 đường số 3, tổ 4, Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Đại Bản, Thăng Long, Nông Cống, Thanh Hóa
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng nai
Số 115A, khu phố Nội Ô, TT Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Tổ 8, Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 14B, Phố Bắc kinh, Trần Hưng Đạo, TP Hải Dương

2A/10 Phạm Cư Lượng, P2, Q. Tân Bình, TPHCM
Số 48/19 Lê Lợi, P4, Quận Gò Vấp, TP HCM
Số 140 Trần Phú, P. Diên Hồng, Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số 34 Hàng Bài, Tp. Hà Nội.
Số 56 tổ 3, khu phố 2, TT Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 8 Tổ 1, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
76AB Quốc Lộ 13, Q.Bình Thạnh Hồ Chí Minh
322/2 Minh Phụng, P.2, Q.11
Ấp 1A Xã Phước Hòa, Phú Giáo, Bình Dương
43 Khu 15.16 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp, HCM
Khu phố Ninh Thuận, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Số 7/8 ấp Tây B, xã Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Ấp Xuân Thiên, xã Xuân Thiên, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 167,Thôn Phú Nguyên, Phú Riềng, H Phước Long, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 10 đường Nguyễn Huệ, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Số 97 Nguyễn Văn Cừ, P. Xuân An, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 223/26/2 Phan Đình Phùng, P. Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Đông Hoà - Dĩ An - Bình Dương
Cty CP PT đô thị và KCN Cao su VN, Số 165 bạch Đằng TP Hải Dương
Số 7/8 ấp Tây B, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 189 Cống Quỳnh, Q1, TP HCMĐ
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Phòng 1A, nhà A6 Tập thể Thuốc lá Thăng Long, P. Thanh xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
Số 12/3 Kp6, P Long Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 90/992 Lê Thế Thọ, P. 6, Q. Gò Vấp, TPHCM
618/72 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P25, Q. BT, TP HCM
Số 209 ấp Suối Tre, xã Stre, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, Đồng Nai
617/72 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P25, Q BT, TP Hồ Chí Minh
Ấp Cáp Rang, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Đồn Điền 3, Xã Túc Trưng, Đình Quán, tỉnh Đồng Nai
Tổ 5, Kp An Bình, P. An Lộc, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Ấp Núi Tung, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số nhà 387 tổ 12 khu phố 2, phường Bình Ba, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Nông trường cao su Túc Trưng, Ấp Xuân Thiên, H. Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 15 tổ 21, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, H. Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Ấp Suối tre, Suối tre, Long Khánh, Đồng Nai
Số 8/4 Tân Quý, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Xã Suối tre, TX long Khánh, Đồng Nai
12 đường 4A Trung Tâm Xuân Lập, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
80 tổ 3, Dường Đường, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp 1 xã Bình Sơn, Long Thành, tỉnh Đồng Nai
20 Phạm Công Bân, khu Đô Thị Đông Nam Cường, Hải Tân, Hải Dương
234
Số 56, Nguyễn Du, Hà Nội
85/325 Kim Ngưu, HBT, HN
Số 26, ngõ 203, Chùa Bộc, Trung Liệt, Đống Đa Hà Nội
Số 4 Phố Đình Công Tráng, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số 1/60 Yên Lạc ,Hai Bà Trưng, Hà nội
Ấp Trung Tâm, Xã Xuân Lập, Thị Xã Long Khánh, Đồng Nai
Cty TNHH MTV Cao Su Mang yang, Số 536 Nguyễn Huệ, Đắc Lắc, Gia Lai
Công ty Cao su Đồng Nai (Phòng QLDA)
ấp Trung Tâm Xã Xuân lập Thị Xã Long Khánh Đồng Nai
ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, Đồng Nai
108A H2 CHU VĂN AN, P26, Bình Thạnh, Tp HCM
Công ty Cao su Đồng Nai (Phòng TCKT)
Nhà 73 ngõ 435 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
24/20, Tổ 1, Ấp Dường Đường, Xã Suối Tre, TX.Long Khánh, Đồng Nai
7 Đường 39 KP5 Linh Đông Thủ Đức Tp. HCM
140/6 NGUYỄN TRI PHƯƠNG, P.9, Q.5, TP.HCM
Số 4/7 KP2, P. Tân Phong, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 55 Thạch Lam, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP HCM
Số 10B Nguyễn Ư Dĩ, Quận 2, TP HCM
Tổ 20 thôn Bãi, phường Thanh Trì, Q Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
110/7 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH, P21, BÌNH THẠNH,TPHCM
28/44 Hào Nam, Hà Nội
(C21B) 258 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1
C11-2 khu căn hộ Hoàng Anh 2 783
316 Lô II Cư xá Thanh Đa, F27, Q Bình Thạnh, TpHCM
272/9B Bình Đa, Biên Hòa,Đồng Nai
Số 10 thôn Phú Vinh, Phú Riềng, Phước Long, Tỉnh Bình Phước
43/13 Cộng Hoà, P4, Q Tân Bình, TP HCM
Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 82/18/1 Trần Mai Ninh, P. 12, Q. Tân Bình, TP HCM
Bệnh viện đa khoa cao su Đồng Nai, Suối tre, xuân lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 33 Nguyễn Du, KP1, P. Xuân An, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số nhà 1 - 42, Kp1, khu dân cư Bửu Long, P. Bửu Long, Biên Hòa, Tp. Đồng Nai
501- Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, xuân Lập, TX long Khánh, Đồng Nai
Nông trường Cao su Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Bệnh viện đa khoa Cao su Đồng Nai, Suối tre, Long khánh, tỉnh Đồng Nai
KP Ninh Thuận, Lộc Ninh, Bình Phước
KP.Phú Lộc, P.Phú Đức, TX Bình Long, T,Bình Phước
5/18/72 Hẻm Hùng Vương, Xuân Trung, Long Khánh, Đồng Nai

56- Trung Lang - P 12

- Q Tân Bình - Tp HCM

Ấp Trung Tâm, Xã Xuân Lập, Long Khánh, Đồng Nai

98 Nguyễn Bá Tòng, P.11, Q.Tân Bình, Tp.HCM

345A Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

16A ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Tp. Hà Nội

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, Đồng nai

Tổng Công ty Cao Su Đồng nai, Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số 62/16A, Lý Chính Thắng, P8, Q3, Tp Hồ Chí Minh

Ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng, H. Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Tổ 3, khu phố Phú Trung, P. An Lộc, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước

ấp 5, Tân Khai, H Hớn quản, tỉnh Bình Phước

Số 109/4 Nguyễn Duy Cung, P12. Q. Gò Vấp, Tp. HCM

ẤP ĐÀ HÀNG, HIỆP THANH, GÒ DẦU, TÂY NINH

1007/27A Lạc Long Quân, Phường 11, Quận Tân Bình Hồ Chí Minh

Cty Cp Xây dựng Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh tỉnh Đồng Nai

Số 402 Lô B4, Chung Cư An Sương, P Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP HCM

Số 69 tổ 1, Ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Đông, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Cáp Rang, Suối Tre, TX Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

Số 78A An Viễn, xã Bình An, Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Số 371/2 Nguyễn Duy Dương, p4, Q. 10, TP HCM

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Ấp Suối sóc, xã Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng nai

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Nông Trường Cao su Hàng Gòn, Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, TX Long Khánh, Đồng Nai

Số 107/18/3 Kp4, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Đội 4,Thôn An Đoài, xã An Bình, H. Nam Sách, tỉnh Hải Dương

xã Đại Đồng, H Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Ấp Đông Lợi, tổ 1, xã Tân Đông, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai

748 Suối Tre, Suối Tre, TX Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai:

Ấp 6 Thạnh Lợi, Bến Lức, Long An

Tổ 2, KP. Xa Cam 2, P. Hưng Chiến, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước

Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai

Số 174C đường Nguyễn Khoái, P. Thanh Lương, Q.HBT,Hà Nội

Số 227/4 Lập Thành, Xuân Thạnh, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số 32 ấp Dường Đường, Xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

13 đường 12 Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị Xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai

64 Trương định, Quận 3, Hồ Chí Minh

Tổ dân phố 5, thị trấn Đak Đoa, tỉnh Gia lai

Tổng Cty Cao su Đồng nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

C18 tổ 9 khu phố 2, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 20/20 khu phố Thắng Lợi, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 8 Đặng Thai Mai, P7, Q. Phú Nhuận, TP HCM
Phòng giao dịch số 2, Số 647 Đại Lộ Bình Dương, tỉnh Bình Dương
Số 1374 Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm 2, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 39B Ngô Đức Kế, P Bến Nghé, Q1, Tp HCM
Khu TT Bộ Tư Lệnh Thông tin xã Cổ Nhuế, Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Ấp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 169/3 ấp Lập Thành, Xuân Thạnh, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 532 đường 21/4 Xuân Bình, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
123/7 Hẻm 79, tổ 2, đường Khổng Tử, thị xú Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Áp suất tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Công ty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Khối Phố 2, TT Phú Hoà, Chư pãh, tỉnh Gia Lai
Đội 6 xã Diễn Hải, H Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
58 đường số 1, Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị Xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 1, khu phố 6, TT Chợ Thành, Chợ Thành, tỉnh Bình Phước
Áp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp 2, Xuân Quế, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
P Tài chính CTy CP Q tế ASEAN- Số 6, Chùa Bộc, Tp. Hà Nội
Tổ 1, Đông Lợi, Tân Đông, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 03 Lê Đại Hành, p.4 Q. 11. TP HCM
106 Lê Lợi, P Bến Thành, Q 1, TpHCM
Ấp Thạnh Phú - Tân Hiệp - Tân Châu - Tây Ninh, Tây Ninh, Viet Nam
Nông Trường Trà Thanh, Công Ty TNHH MTV Cao Su Bình Long
Số 187/3 Bạch Đằng, phường 2, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng 1107, Lô A, Chung cư Bàu Cát 2, phường 10, Tân Bình, Hồ Chí Minh, Viet Nam
13 Phương Mai Đống Đa Hà Nội
185 Nơ Trang Long, P 12, Q Bình Thạnh, TpHCM
Nông trường cao su Long Thành (xã Long Đức, Long Thành, ĐN)
210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TPHCM
270/44 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10 TP.HCM
194/2 KP. Thạnh Lợi, P. An Thạnh, Thuận An, Bình Dương
Số 27 Ngõ 79 Thái Thịnh, Đống Đa Hà Nội
69/11/12 Nguyễn Đình Chính, Phường 15, Quận Phú Nhuận An Giang
Ấp trung tâm, xã Xuân Lập-Long Khánh, Đồng Nai
số 11 đường số 4 ấp Trung Tầm, xã Xuân Lập, Thị Xã Long Khánh
đào Xá, Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Tây
378/4 Điện Biên Phủ, P11, Q10
53/34/85 Bình Lợi, F13, Q.Bình Thạnh TPHCM
Nông trường Cao su Bình Sơn (xã Bình Sơn, huyện Long Thành, ĐN)
144/17 Bình Lợi, P.13, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Số 7 Tuệ Tĩnh, Hanoi, Viet Nam
5 Đường 4ATrung Tâm Xuân Lộc, Long Khánh, Đồng Nai
K6/D9, tổ 73, KP6, Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương
406/60/7D Cộng Hòa, P.13, Tân Bình
Thị trấn An Lộc, Bình Long, Bình Phước, Bình Phước, Viet Nam
26/4 Nguyễn Minh Hoàng P.12 Q.Tân Bình TP.HCM
Số 97 Phố Nối, Mỹ Hào, Hưng Yên
196/7 CONG HOA, P12, TAN BINH, HCM
76/10/4M Phan Tây Hồ, P 7, Q Phú Nhuận, TpHCM
186 Nguyễn Thị Minh Khai, P6, Q3, HCM
351 DT 741 Phước Hòa, Phú Giáo, Bình Dương
Công ty Cao su Đồng Nai
23D KP2 P. Phú Thuận Q.7 HCM
Aòp Trung Tâm xã Xuân Lập TX. Long Khánh
Bình nguyên, Bình sơn, Quảng Ngãi
456/11 Tân Sơn Nhì P.Tân Quý Q.Tân Phú TP.HCM
Tân Lập, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh
Tân Quan, Chơn Thành, Bình Phước, Bình Phước, Viet Nam
Tổ 9, khu Phước Hải, Long Thành, Đồng nai
Công Ty Cao Su Đồng Nai Xã Xuân Lập, Long Khánh, ĐN
56 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, HN
536 Nguyễn Huệ, ĐakĐoa, Gia Lai
Ấp Phú Mỹ Xã Xuân Lập Thị Xã Long Khánh Đồng Nai
234
Ban TCCB-LB Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông VN, Số 1 Đào Duy Anh, Tp. Hà Nội.
Ấp 4 xã Bình Sơn, Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Số nhà C12TT7, khu đô thị Văn Quán, P. Phúc la, Hà Đông, Tp. Hà Nội
Số 2695/52 Phạm Thế Hiển, P. 7, Q. 8, TPHCM
H314 C/c Đồng Điều, P. 4, Q. 8, TP HCM
Làng Lớn, xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Bình Phước
42 Phú Sơn, Sóc Trăng
213 B3 tập thể đại học sư phạm1, Dịch vọng Hậu, Cầu giấy, Hà Nội
11A/310/21 đường Nghi Tàm, Tây Hồ, Hà Nội
18C ngõ Đồng Nhân. P. Đông Mác, HBT, HN
213-B3 DDHSP TỔ 29, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Số 11A, ngách 310/21, Nghi Tàm, Tây Hồ, Hà Nội
Nông trường Trảng Bom, kp4, TT Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 298, quốc lộ 22B, ấp Bến Đình, Xã Thạch Đức, gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
ẤP 11B, Xã Lộc Thiện, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Số 04 Trần Quốc Toản, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai
Tổ 2, khối 6, thị trấn Gia Lâm
Cty Cao su Đồng Nai

1/14/2 Quang Trung, P 12, Q Gò Vấp, TpHCM
Nông trường cao su Xa Trạch,Xã Thanh Phú, TX Bình Long, Bình Phước
Nông trường Thái Hiệp Thành, Tổng Cty Cao su Đồng Nai, Xuân Lập Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 116/19A Trần Quốc Toàn, P7, Q3, TP TCM
Ấp Núi Tung, xã Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
SỐ 8 NGÔ QUYỀN, HÀ NỘI
Số 14 đường 2 Lô 32, Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh , tỉnh Đồng Nai
Hẻm 308 Trường Chinh, Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số 25 ngõ 125 Bùi Xương Trạch, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
Xã Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 90 Bà Triệu, PLeiku, tỉnh Gia Lai
Số 323/B10+B12 Đào Duy Anh, P. 9, Q. Phú nhuận, TPHCM
B102 Tập thể Đài Phát thanh Quan Hoa, Cầu Giấy Hà Nội
Số 197, tổ 6, khu phố 3, thị trấn Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Tổ 1 khu phố Phú Hòa, P. phú thịnh, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Số 4/4A ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 374 Bạch Đằng,Chương Dương, Q Hoàn kiếm, Tp. Hà Nội.
Xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 8 KP. Xa Cam 2, P. Hưng Chiến, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Số 77 đường Phú Bình, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
B2, tổ 3, kp3, P Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 416/147 Nguyễn Đình Chiểu, P4 Q3, TP HCM
Số 31/5 Tân Lập, Đông Hòa, Dĩ An, Bình Dương
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
32/5 Tân Hoà - Đông Hoa - Dĩ An - Bình Dương
Số 60 Nguyễn Thái Học, P Hội Thương, TP PLeiku, tỉnh Gia Lai
ấp Tân Thịnh, xã Đồi 61, H Trảng Bom, tỉnh Đồng nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai
236 NKKN, Q3, HCM
Ân Tường Tây, Hoàì Ân, tnhơ Bình Định
Số 152A Cách mạng Tháng 8, P. Quang Vinh, Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Công ty TNHH MTV Địa Ốc, Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Phố Tân Lập II, Trung Minh, Kỳ sơn, tỉnh Hoà Bình
Ấp Lập Thành, xã Xuân Thạnh, THốg Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 347/5 ấp Hưng Bình, Hưng Thịnh, Trảng Bom, tỉnh Đồng nai
Số 498 tổ 15, ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm 2, THốg Nhất, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 236 nam kỳ Khởi nghĩa, P6, Q3, Tp. Hồ Chí Minh
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Số 220/137 Lê Văn Sỹ, P14, Q3, Tp HCM
Ấp Suối sóc, xã Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Ấp Suối Sóc, xã Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Số 68 Ngô Gia Khâm, P Hội Phú, Tp Pleiku
Số 14 đường 14, tổ 27 Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị Xã Long Khánh, Đồng Nai
Số 107/2 Trần Kế Xương, Phường 7, Q Phú Nhuận, TPHCM
Xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 9 M3, TT6 khu đô thị bắc Linh Đàm, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
TT An Lộc, H Bình Long, tỉnh Bình Phước
An Lộc, Bình Long, tỉnh Bình Phước
ấp Hiếu Cẩm, TT Chợ Thành, H Chợ Thành, tỉnh Bình Phước
SN 291 tổ 6,thôn Phú Hưng,Phú Riềng, Phước Long, Tỉnh Bình Phước
Số 88/10 bạch Đằng, P. 24, Bình Thạnh, TP HCM
Nhà A15 khu X1 ngõ 17 phố Hoàng Ngọc Phách, Đống Đa, Tp. Hà Nội
Số 5/18/72 khu phố 4, Xuân Trung, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 4 ấp Trung Tâm, xuân Lập, Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 1, khu phố Phú Hòa, P. Phú Thịnh, Bình Long, tỉnh Bình Phước
Xã Ja Bàng, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
Số 6 đường Bía Truyền Thống, P Tân Tạo,, Q Bình Tân, TP HCM
Số 24/18, KP Thắng Lợi 1, TT Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 41 Trần Khánh Dư, P. Tân Định, Q1, TPHCM
Số 67, đường Hồng Hà, Phúc xá, Ba Đình, Tp. Hà Nội
Đường Điện Biên Phủ, khu phố Ninh Thuận, TT lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Ấp Phan Bội Châu, xã Bàu Hàm 2, H. Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 69H Quang Trung, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 420 ấp 2A xã Phước Hoà, H. Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Xóm Sen 1, HTX Kim Liên 1,H. Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Số 3E Trần Hưng Đạo, P Bạch Đằng, Q HBT, tỉnh Hà Nội
Số 92 Bà Triệu, P Hội Phú, TP Pleiku, tỉnh Gia lai
E6A Tổ 91, đường Trần Quang Diệu, Đống Đa, Tp. Hà Nội
Số 114/7 Khu phố 6, phường Trung Dũng, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Z4 Cư xá Phúc Hải, P. Tân Phong, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 16 Nguyễn Du, Thị trấn Chưprong, H. chưprong, tỉnh Gia Lai
Bệnh viện đa khoa Cao su Đồng Nai, Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 316 kp1, P. Xuân Hòa, đường Quang Trung, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, Xuân Lập TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trần Cao Vân, Bàu Hàm 2, H. Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Ấp2 xã Bàu Cạn, H. Long Thành, tỉnh Đồng nai
Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 29 Tây Sơn, Đống Đa, TP. Hà Nội
Số 23 đường BC3, P.14, Q. Tân Bình, TPHCM
Số 24 Hưng Đạo Vương, KP3, P. Thanh Bình, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số 195/6 Phan Đình Phùng, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Tổ 20 khu 1A, ấp Đông Tác, Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 68/2 ấp Tấy B, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 141N, Trương Định, Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
23/123 Văn Cao, P Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
39T2, Ngõ Đức Kế, P Bến Nghé, Q1, TP HCM
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX long khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 15 Nguyễn Đình Chiểu, P4, PN, TP HCM
Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 233/5 KP7, P. Tân Tiến, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 135 ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 2, khu phố Xa Cam 2, P. Hưng Chiếm, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Nông trường Cao su Túc Trưng, ấp Xuân Thiện, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 42 Tiền Giang, phường 2, Q3, TP HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tnhr Đồng Nai
Số 70/4/3H, KP 9, P. Tân Phong, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Khu 1 ấp Suối cả, xã Long Giao, H. Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Số 113 đường 1, P.13, Q. Gò Vấp, TPHCM
Số 437, tổ 8, Thạnh Phú, Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
lập thành, Xuân Thạnh, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 4a Hùng Vương, P. Xuân Trung, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, Tx Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 70/4/7G, hẻm 4, PK 9, P. Tân Phong, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
CTY TNHH TM S DV Nhận Dưỡng, 03 Hoàng Diệu, TP Đà Nẵng
Thôn Phú Hưng, Xã Phú Riềng,H Bù Gia Mập, Tỉnh Bình Phước
Số 34/2 ấp Tây B, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 18/8 ấp Đông B, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
P201,11B Tông Đản, Hoàn Kiếm Hà Nội
Số 48A Lý Thường Kiệt, P Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Số 79 đường số 4, KDC Bình Hưng, Q. Bình Chánh, TPHCM
Trung tâm Y Tế, Công ty Cao su Bình Long, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước
Số 66/1 Nguyễn Văn Trỗi, P.8, Q. Phú Nhuận, TP HCM
Số 109/21 Lê Quốc Hưng, P.12, Q. 4, TPHCM
182/33A Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận Hồ Chí Minh
Số 236 Nam kỳ khởi nghĩa, P. 6, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Số 37/3 ấp Tây B, Đông Hoà, Dĩ An, tnhr Bình Dương
A0201 Chung cư Hoàng Anh Gia Lai River view, 37 Nguyễn Văn Hưởng, Thảo Điền, Q2, HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Công ty cao su Đồng Nai, xuân lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 8 ngõ 295/2 Thụy Khuê, Tây Hồ, Tp. Hà Nội.
Ấp Lập Thành, Xuân Thạnh, Thống Nhất, Đồng Nai
Số 57, Phan Huy Ích, P15, Q Tân Bình, TP HCM

FF1 ĐƯỜNG BA VÌ, CX BẮC HẢI, P.15, Q.10, TP.HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 8, Khu phố xa Cam 2, P. Hưng Chiến, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Tổ 3, P Thái Bình, TP Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình
Số 42A Nguyễn Quang Bích, P13,Q Tân Bình, TP HCM
Ấp Dưỡng Đường, Suối tre, Long Khánh, Đồng Nai
Số 40/13 khu phố 3, An Bình, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Vụ LĐTTL Bộ LĐTBOXH Số 2, Đình Lễ, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Số 27A đường 3/2. P. 11, Q. 10, Tp. HCM
Số nhà 19/5 Đồn Điền 1, Túc Trưng, Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Số 149 Võ Văn Ngân, P Linh Chiểu Quận Thủ Đức, TP HCM
Số nhà 39 ấp Đồn Điền 3, Túc Trưng, Định Quán, TP. Hà Nội
Đường Trần Quốc Toản, khu phố Ninh Thuận, Thị Trấn Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Ấp Suối Tre, Tx Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Nông trường Cao su Long Thành, xã Long Đức, H Long Thành, Đồng Nai
Số 212 đường Tam Trung, P. Tân Tiến, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 5, KP Xa Cam 2,P. Hưng Chiến, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX long Khánh, tỉnh Đồng nai
Ấp Suối tre, xã Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, Xã Xuân lập, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp 3 Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Ấp Lập Thành, Xuân Thạnh, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Ấp 2 Sông Nhạn, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Nông trường Cao su Long thành, xã Long Đức, H. Long Thành, tỉnh Đồng Nai
13 TỔ 33, ẤP 3, HIỆP PHƯỚC, NHƠN TRẠCH, ĐỒNG NAI
Số 38 Bùi Thị Xuân, P Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
980/4 LÒ GỐM , P.8, Q.6, HCM
Đường Trần Hưng Đạo, xã Đông Hòa, H. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Trung tâm văn hóa Suối tre, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trường An, Xã Phước An, H. Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Hiệp Cát, Nam sách, tỉnh Hải Dương
Ấp Quản Lợi B, Xã Tân Lợi, H. Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
317 KP5, Phường Thống Nhất, Biên Hòa Đồng Nai
số 77/8 Trần Cao Vân, Bàu Hàm 2, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 132/24 Đường Liên Tỉnh 5, P. 6, Q. 8, TP HCM
Ấp 1, Xuân Quế, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Ấp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ, H. Cẩm mỹ, tỉnh Đồng Nai
Ấp 1B Lộc Tấn, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Ấp Đồn Điền 3, Túc Trưng, Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
G 57 Hùng Vương TX Long Khánh, Đồng Nai
Số 50/100 Khổng Tử, KP4, Xuân Trung, Long Khánh, Đồng Nai

Số 1383/40 ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm 2, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số76 ấp Suối tre, xã Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp cơ khí vận tải, ấp Trung Tâm, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Khu Phố 5, TT Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
Số 214 E7, Tập thể Quỳnh Mai, Tp. Hà Nội
Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 2/7 Đường Đông Yên, ấp Đông A, P. Đông Hoà, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 50/7 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Q 5, TP Hồ Chí Minh
Ấp Suối tre, Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 595/13 Vườn Lài, P Phú Thọ Hoà, Q Tân Phú, TP HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Đường Trần Hưng Đạo, xã Đông Hòa, H. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tổng Công ty Cao su Đồng nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng nai
Số 77 Hàng Giấy, Tp. Hà Nội
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 10 đường 9, Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị Xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Dường Đường, xã Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Tổ 7,KP. Phú Bình, P. An Lộc, TX. Bình Long, tỉnh Bình Phước
55 Dường Đường, Suối Tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
158 Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 212 đường Phan Trung, P. Tân Tiến, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 71/6/12 Điện Biên Phủ, P15, Q Bình Tân, TP HCM
97 Nguyễn Văn Cừ, Xuân An, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Nông trường Cao su Thái Hiệp Thành,Tổng Cty Cao su Đồng Nai, H. Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 266C/6 Lập Thành, xuân Thạnh, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Nông trường Trảng Bom, KP4, H. Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Số 33 ngõ 94 phố Hồng Mai, HBT, tỉnh Hà Nội
Tổ 8, Ấp Thạnh phú, xã Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Xã Nam Anh, H. Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Số 29 đường Thảo Điền, P Thảo Điền, Q2, TP HCM
25A/83 PHAN ĐÌNH PHÙNG, BA ĐÌNH, HÀ NỘI
Số 27 Hàn Thuyên, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Số 15 đường 4A, ấp Trung Tâm , TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 249A/6 đường số 6 khu phố 7, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
360 LÊ QUANG ĐỊNH, P11, BÌNH THẠNH, TP.HCM
Ấp 3, Sông Nhạn, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Số 46/2 Lê Hồng Phong, P.2, Q.5, TP HCM
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 8, ngách 51, ngõ Hoàng An-A, Lê Duẩn, Tp. Hà Nội.
Ấp 2 xã Bàu Hàm , H. Long Thành, Đồng Nai
Sô 62 Phan Chu Trinh, P. Xuân An, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Công ty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Việt Nam, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 2, khu phố Xa Cam 2, P. Hưng Chiến, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Số 3 Nguyễn Trung Trực, Thành Phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
31B Nguyễn Du, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 199/3 Lê Quang Định, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. HCM
Kp Ninh Phú, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
146 Nguyễn Công Trứ, Lầu 5, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM
Tổ 2, khu phố Phú Trung, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước
17A2, CC Orient 331 Bến Vân Đồn, P1, Q4, HCM
Xuân Thạch, Thống Nhất, Đồng Nai.
92 Hai Bà Trưng, Hà Nội
Suối Tre, Long Khánh, Đồng Nai
185 Nơ Trang Long, P12, Q.Bình Thạnh, TPHCM
Công ty Cao su Đồng Nai (Phòng Kỹ thuật cao su)
Kp Ninh Thuận, Lộc Ninh, Bình Phước
Tổ 2,ấp Thanh Xuân,Xã Thạnh Phú,TX Bình Long,Bình Phước
Y54 Hùng Vương, KP3 Phường Xuân Bình Thị xã Long Khánh Đồng Nai
P303 CT5 Mỹ Đình, Sông Đà, Từ Liêm
26 Bàu Cát 5, P 14, Q Tân Bình, TpHCM
Số 63, ngách 612/79 La Thành, Ba Đình, HN
Số 3, ngõ 178 Tây Sơn, ngách 178/10 Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
53 Ngô Thì Nhậm, Phường NTN, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Viet Nam
29L KDC K8, khu 1, Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương
7 Nguyễn Du ,Gia Lai
Công ty Cao su Đồng Nai (TTBV)
Phòng 110 Tập thể Bưu điện Hoàng Cầu, Thành Công, Hà Nội
153/1C Nguyễn Thượng Hiền, P 6, Q. 11, Tp. HCM
Nông trường Cao su Bình Sơn (xã Bình Sơn, huyện Long Thành, ĐN)
Nông trường cao su Bình Lộc (xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, ĐN)
52A2, ngách 23, ngõ 82 phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội
98/94/6 Thăng Long, P 5, Q Tân Bình, TpHCM
Kp Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
145B Điện Biên Phủ, P. D9akao, Q.1, TPHCM
CTCP cao su Đồng Phú
370 Cách Mạng Tháng 8, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Số nhà 1020 Tổ 30, Ấp Trần Cao Vân, Xã Bàu Hàm III, Thống Nhất, Đồng Nai
753 Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, TX.Long Khánh, Đồng Nai
số 20 05B cao ốc SCREC, P12, Q3, HCM
4,584HàHuyTập,YênViênGiaLâm,HN
20 Kỳ Đồng, P9, Q3, TP HCM
CC H1 Hoàng Diệu, P9, Q4, TPHCM
Phú Riêng, Phước Long, Bình Phước
Số 47, TT Cục Cảnh Sát Hình Sự, Tổ 59, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Số 4, Ngõ 6, Đặng Văn Ngữ, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
KP Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
Tổng công ty cao su Đồng Nai, Xã Xuân Lập, Thị xã Long Khánh, Đồng Nai
161 Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Tp.Biên Hòa Đồng Nai

Số 8 Ngụy Như Kon Tum, Trung Hoà, Nhân Chính, Hà Nội
263/7 Xóm Chiếu, P 15, Q 4, TpHCM
316/6 Tôn Thất Thuyết, Q.4, TP.HCM
D5-5 Ciputra Phú Thượng,Tây Hồ Hà Nội
220 Lô K C/cư Nguyễn Kim, P.7, Q.10, TP.HCM
ấp Đồn Điền 3, Túc Trưng, Định Quán, Đồng Nai
Số 31, ngõ 145 phố Định Công Thượng, Hoàng Mai, HN
Tổng công ty Cao su Đồng Nai, Xã Xuân Lập, tx Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
số 2 ngõ 99 Trung Liệt, Hà Nội, Viet Nam
189/A29 Cống Quỳnh, P Nguyễn Cư Trinh, Q 1, TpHCM
Số 4 hẻm 349/7/7 Minh Khai, Hai Bà Trưng, HN
4 Xuân Hồng, P.4, Q. Tân Bình, HCM
42 Điện Biên Phủ, P.Đakao, Q.1, Tp.HCM
Số 33, Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội
52A Nguyễn Sơn-Ngọc Lâm,LB.
14 Tôn Thất Thuyết, P 1, Q 4, TpHCM
Ô số 8, LK 5A, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
Số 7 Quốc lộ 1 ấp Núi Trung Xã Suối Tre Long Khánh Đồng Nai
319 Lãnh Binh Thăng, P8, Q11
664/72 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3, TPHCM
218B1, TT Thành Công, Phường Thành Công, Ba Đình, HN
Đá Hàng, Hiệp Thạnh, Gò Dầu, Tây Ninh
Công đoàn công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
Lô 9, Tổ 47, P Láng Thượng, Q Đống Đa, Hà Nội
236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P 6, Q 3, TpHCM
46/2 Lê Hồng Phong, P.2, Q.5
P305C ngõ 51 Lương Khánh Thiện, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
D23 khu dân cư Nam Long, P.Phú Thuận, Q.7
C29, Khu phố 5, Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
Số 231C27, Nguyễn Hữu Cầu, P Ngọc Châu, TP Hải Dương
1057 Bình Quới P28 Q Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
46/46 NHIÊU TỨ, P7, PHÚ NHUẬN, HCM
82/3 Nguyễn Xí, P.26, Q Bình Thạnh, Tp HCM
8G Nguyễn Văn Quỳ, KP1, P Phú Thuận, Q 7, TpHCM
31-144 phố Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội, Viet Nam
(190880) 203A12 Tập Thể đh ktqd Hai Bà Trưng Hà Nội
Số 8, Ngách 96/78, Tổ 1, P.Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
Tổ 5, ấp 2, xã Minh Đức, Huyện Hớn Quản, Bình Phước
ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Long Khánh, ĐN
TT An Lộc,TX Bình Long,Bình Phước
87 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P3, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa Vũng Tàu
16 Dãy A4 Dầm Trấu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
26/39 Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
42/29 Hoàng Hoa Thám, P 7, Q Bình Thạnh, TpHCM
Cty Cao su Phú Riềng, H.Phước Long, Tỉnh Bình Phước
Phòng mổ - Bệnh viện K, 43 Quán Sứ, Hà Nội
Xã Cam 2, P Hưng Chiến, TX Bình Long, Bình Phước, Bình Phước, Viet Nam

ấp Trung Tâm Xã Xuân lập Thị Xã Long Khánh Đồng Nai
39 Ngõ Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, TPHCM
Số 4, D5, TT4 Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
7B/2 Lý Tự Trọng-P.Tây Sơn Pleiku-Gia Lai
Tổ 14, kp phú bình, p. An lộc, tx. Bình long, Bình Phước
Số 24 BT2 X2 Bắc Linh Đàm mở rộng, Hoàng Mai, Hoàng Mai, Hà Nội
KP Ninh Thuận, Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
Aỏp Trung Tâm Xã Xuân Lập Thị Xã Long khánh
Trung tâm xuân lập - Long Khánh - Đồng Nai
456 Tổ 19, ấp Suối Tre, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
(121950)Số 6 Ngách 51 Ngõ Láng Trung Đống Đa HÀ NỘI
1041/62/139/14 Trần Xuân Soạn, P Tân Hưng, Q 7, TpHCM
Ấp Thạnh Phú - Tân Hiệp - Tân Châu - Tây Ninh, Tây Ninh, Viet Nam
Công ty Cao su Đồng Nai (TTBV)
Số 728, Suối Tre, Long Khánh, Đồng Nai
Ấp Phú Mỹ, Xã Xuân lập, Thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
Số 56, Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
14/25 Triệu Việt Vương - Hà Nội
TT. An Lộc, Bình Long, Bình Phước
KDC Phú Hòa, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương
Công ty Cao su Đồng Nai (Phòng Kỹ thuật cao su)
687H8 TÂN MAI HOÀNG MAI HÀ NỘI
KP Ninh Thuận, Lộc Ninh, Bình Phước
220/69 (số cũ 34/1) Âu Cơ, P9, Q Tân Bình
tổ 4, Kim Quan, Việt Hưng, Long Biên, HN
39 Ba Vân, P14, Q, Tân Bình, HCM
CTCP Cs tây ninh- Xã Hiệp Thành Gò Dầu Tây Ninh
Số 22 xóm Hạ Hồi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tổ 3, K4, Trần Phú, Móng Cái, Quảng Ninh
163/17 Huỳnh Văn Bánh, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
KP Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
Xã Phú Riêng, Huyện Phú Riêng, Bình Phước
Nam Đồng - Nam Sách - Hải Dương
193 Lê Quang Định, P 7, Q Bình Thạnh, TpHCM
2/9A, KP2,An Bình,Biên Hòa,Đồng Nai
Ấp 1 - Suối Ngô - Tân Châu - Tây Ninh, Tây Ninh, Viet Nam
Thôn 6, Bình Sơn, Long Thành, Đồng Nai
Số 627 ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 44 đường số 8, KDC Bình Phú, P.11 Q.6, TPHCM
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty cao su Đồng Nai, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 91 ấp Dường Đường, Xã Suối tre, Tx Long Khánh, Đồng Nai
Số 27/2 P Phú Bình, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 88 đường 30/4 khu phố 4, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 19 Phú Mỹ, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
A4/6A Lê Văn Việt, P Tân Nhơn Phú A, Quận 9, TP HCM

13/3 Đường 6, Khu Phố 1, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức Hồ Chí Minh
D207 Chung cư Phan Xích Long, P.7, Q. Phú Nhuận, TP HCM
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Số 177 ấp Suối tre, xã Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Nguyễn Văn Cừ, Tổ 7, Phường Iakring, Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số 210 Lạc Long Quân, P8, Q Tân Bình, Tp. HCM
Số nhà 14, Tổ 12B, ngách 426/6, lán Hạ, Đống Đa, Tp. Hà Nội
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Láng Lớn, Xuân Mỹ, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Số 11A/46 Phố Hào Nam, Tp. Hà Nội
Nông trường Cao su Hàng Gòn, ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, TX Long Khánh, Đồng Nai
Nông Trường Cao su Long Thành, xã Long Đức, H. Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Số 16/14 Tân Hòa, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 43/2 ấp 1, xã Xuân Đường, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối tre, Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
163 Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 30/24 Nguyễn Văn Cừ, PLeiku, tỉnh Gia Lai
49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình Hồ Chí Minh
Số 34/2 ấp Tây B, Xã Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 18/D6 Phạm Văn Chiêu, P.9, Q. Gò Vấp, TP HCM
Phú Cường, phú Riềng,H. Phước Long, tỉnh Bình Phước,
Số 352 tổ 11 khu 4, ấp 3, xã Thừa Đức, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
SỐ 23 NGÕ 41, ĐÔNG TẮC, KIM LIÊN, HÀ NỘI
P26 Cư Xá Phú Lâm A, P.12, Q.6, TP HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
001 Lô H, chung Cư Nguyễn Thiện Thuật, P 1, Q3, TPHCM
Phú Thuận, P. Phú Thịnh, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 2, Phố Đỗ Hành, Tp. Hà Nội
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng nai
Tổ Dân Phố 1, thị trấn Đak Đoa, Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân lập, TX Long Khánh, Đồng Nai
Tổ 6 khu phố 4, TT Trảng Bom, H. Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Số nhà 1803, nhà CT9, khu chung cư Định Công, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
Số 19 Thích Quảng Đức, TX Long Khánh, Đồng Nai
Số 32/7 ấp Tây B, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Đồng Nai
Số 5E Ngõ 52, tổ 34, Quan Nhân, Trung Hoà, Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.
Tổ 21 A, Cẩm Thuỷ, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Số 242 khu phố Ninh Phú, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Thôn phú Thịnh, Phú Riềng, H Phước Long, tỉnh Bình Phước
Xa Cam 2, P. Hưng Chiến, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
P. Xuân Thanh, xã Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
SỐ 4, NGÕ 414, ĐƯỜNG LÁNG, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Ninh Hoà, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty Cao Su Đồng nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng nai
Số 39 Ngô Đức Kế, P Bến Nghé, Q1, TP HCM
Số 41/11 ấp Tân Phú, xã Tân Bình, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Ap Ấn Lợi, xã Tân Lợi, H. Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
P Thượng Thanh, Q Long Biên, TP Hà Nội
Tổ 20, Khu 1A, ấp Đông Tác, Tân Đông Hiệp, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
42 Điện Biên Phủ, P. Đakao, Q.1, TPHCM
Kp Xa Cam 2,Phường Hưng Chiến,TX Bình Long,Bình Phước
Đội SXCG công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long, Quốc Lộ 13, TT An Lộc, Bình Long, Bình Phước
124 Duy Tân, P.15, Q.Phú Nhuận,
96/2/19 Phan Đình Phùng, P. 2, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long, Văn phòng Công ty Cao su Bình Long
100 Đường D9, Khu dân cư Võ Thị Sáu, P.Thống Nhất, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
SN 17, ngách 158/2 Hoàng Văn Thái, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
73/32A Bùi Đình Túy, P12, Q Bình Thạnh, TPHCM
KP Ninh Thuận, Lộc Ninh, Bình Phước
Tổ 7, KP Phú Trung, P An Lộc, TX Bình Long, Bình Phước, Bình Phước, Viet Nam
97B Phòng 108 Vọng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số 1 Khâm Thiên,Đống Đa,Hà Nội
195B/5 Phan Trung, Kp2, Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai
Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
Trung Tâm Xuân Lập, Long Khánh, Đồng Nai
TT An Lộc Bình Long Bình Phước
87B Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TPHCM
204/16/9H QL13, P.26, Q Bình Thạnh
499/6/67 Quang Trung, P10, Q.Gò Vấp, Tp. HCM
VP Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
Số 31 đường số 3, KP3, P Cát Lái, Q2, HCM
318/164 Phạm Văn Hai, P.5, Q. Tân Bình, TP. HCM
2/10/2 Nghĩa Phát, Phường 6, Tân Bình,HCM
Nông trường Xa Cam, Công ty TNHH Cao Su Bình Long, TX Bình Long, Bình Phước, Viet Nam
Số 307/11, Nguyễn Văn Trỗi, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
109 Phan Đình Phùng Biên Hoà Đồng Nai
Ban Tài Chính Kế toán Tầng 12, Tòa nhà VNPT 57 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội
Số 40 tổ 4 Kim Quan, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TPHCM
50-52 Võ Văn Tần, P 6, Q 3, TpHCM
133 Phan Chu Trinh, Phường Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai
26C/36 Lạc Long Quân, P.3, Q.11
Công ty Kiểm toán AASC, số 1, Lê Phụng Hiểu, Hà Nội
Số 102 H9 khu đô thị mới Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
66 Đường 494, KP4, Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP.HCM
184/30/29-ly chinh thang, P9, Q3, Tp Hồ Chí Minh
65 Nguyễn Trãi, KP4, P.Xuân Hoà, Thị xã Long Khánh, Đồng Nai
Phòng thi đua văn thể, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long

110K/12 Đinh Tiên Hoàng, P 1, Q Bình Thạnh, Tp HCM
Phòng 404, k8, tt Bách Khoa, HBT, Hà Nội
KP Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
Số 96 Lương Thế Vinh, p.Hải Tân, tp.Hải Dương
118 Vũ Tông Phan,Phường An Phú,Quận 2,HCM
Nông trường cao su Long Thành (xã Long Đức, Long Thành, ĐN)
P45, A12, Bắc Nghĩa Tân, cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Số 47 Bàu Cát 6, P14, Q Tân Bình, TP HCM
K5, G79 tổ 54, P. Hiệp Thành, Tp Thủ Dầu, tỉnh tBình Dương
Số 52/2 ấp Tay B, xã Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Áp Trung Tâm, xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 134 Lý Thái Tổ, TP PLeiku, tỉnh Gia Lai
Số 99/1 kp4, P. Xuân An, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 10, Khu phố 1, TT Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 57 Phan Văn Hân, P17, Q Bình Thạnh, TP HCM
Số 679/31 Nguyễn Kiệm, F3, Gò Vấp, TP HCM.
Nông trường Cao su Long Thành, xã Long Đức, H. Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Số 13/3 Ấp Đông Á, xã Đông Hòa, H, Dĩ An, Tp. HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 46C Nội Hóa, Bình An, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 57 Phan Văn Hân, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM
Số nhà 110 tổ 2, Thôn phú Thịnh, Xã phú Riềng, H Phước Long, tỉnh Bình Phước
Ấp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 161 ấp Suối tre, xã Suối tre, Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 556, Q13, KP2, Thị trấn Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương
ấp Hưng lập B, xã Tân Hưng, H Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty cao su Đồng nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng nai
Tổ 6 khu phố Ninh Hoà, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
25B TÚ XƯƠNG - P.7 - Q.3
Số 3B ngách 65/10, phố Võng Thị, P. Bưởi, Q Tây Hồ, tỉnh Hà Nội
Số 39 Ngô Đức Kế, P Bến Nghé, Q1, TP HCM
Áp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 208B, Kp2 Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Ấp 2 xã Bàu Cạn, Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Ấp Suối Tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
ẤP 1B xã Minh Đức, H. Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Số 208D KP2, P. Tân Tiến, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã XuânLập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 42D Hoàng Diệu, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
B1, tổ 2 khu phố 1, P. Linh Trung, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Tổ 1 Đường Nguyễn Du, Kphố Ninh Hoà, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

P509A3, khu TT Thanh Xuân Bắc, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội
Số 109 Phan Đình Phùng, P. Quang Vinh, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 5/105/1 Nơ Trang Long, phường 7, Q. Bình Thạnh, TPHCM
210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P6, Q3, TpHCM
Số 281 Tổ 9, ấp Trần Cao Vân, Bàu Hàm 2, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 26, Khu B4, Ngõ 195 Đội Cấn, Ba Đình Hà Nội
Số 643/63 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P26, Q, Bình Thạnh, TPHCM
Số 60A An Viễn, Bình An, Long Thành, Đồng Nai
Tổ 8, Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số nhà 107, Ấp Thạnh Hoà, Thạnh Đông, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Số 82B Lê Văn Hưu, Tp. Hà Nội
Tổng Cty Cao su Đồng nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Công ty Cao su Đồng nai, xuân lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Công ty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, Đồng Nai
Số 23 đường 4a, chợ An Lộc, Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số nhà 11, ngõ 310/21 Nghi Tàm, Quảng An, Q Tây Hồ, Tp. Hà Nội
Số 3 Cư xá Hoa Lư, hẻm 109, Phan Chu Trinh, P. Quang Vinh, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Ấp Cấp Tang, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 2/4 KP Thống Nhất, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
448 Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Thạnh Hoà, Thạnh Đông, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Xã Suối Tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 57/2 KP Tây B, Đồng Hoà, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tổng Cty Cao Su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp chế biến mủ Cao su Kdan, H ĐakĐoa, tỉnh Gia Lai
Xã Kiêm Liên, H. Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, Đồng Nai
Số 481 Quang Trung, P Xuân Hoà, TX Long khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 7, ấp 11A, Lộc Thiên, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Số 3 Hồ Tùng Mậu, P. Xuân An, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 45/14 KP3,P. An Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
P 105, TT Nhà Máy Z 181, 27 Hoàng Sâm, Cầu giấy, Tp. Hà Nội.
Số 65/11 ấp Tân Hòa, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tân Bình, Tân Uyên, Bình Dương
49, KP3, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
116/18A TRẦN QUỐC TOẢN, P. 7, Q.3, HCM
39 Nguyễn Thi F13 Q.5
10/14 Nguyễn Phúc Chu, P 15, Q Tân Bình, TpHCM
178A, NAQ, P. Tân Tiến, BH, ĐN
421-423 đường Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TP HCM
Công Ty TNHH MTV Cao Su Bình Long, QL13, P. Hưng Chiến, TX Bình Long, Bình Phước
56 Nguyễn Du, Hà Nội
S4 Ba Vì P.10 Q.10 TP.HCM

51/2 Ấp Tây B, Đông Hòa, Dĩ An Bình Dương
Cty Cao su Đồng Nai
60 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Đá Hàng, Hiệp Thạnh, Gò Dầu, Tây Ninh
Nông trường cao su Cẩm Đường (xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, ĐN)
10 Chung cư Hóa An, Lô B Xã Hóa An, Biên Hòa Đồng Nai
110D/3 Xã Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai
P902 , Nhà E, Ciputra Hà Nội, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
Số 9 ngõ Đoàn Kết I, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
146 Ngõ 120 Trường Chinh, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
Phòng 17.07 Nhà 18T2 Trung Hoà, Nhân Chính, HN
243 Chu Văn An, P12, Q. Bình Thạnh
số 18 Ngõ 4 Ngách 4/14 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
Tổ 6, Kp Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
62B1 TT Nguyễn Công Trứ - Hai Bà Trưng, Hanoi, Viet Nam
A12 Khu Biệt Thự Lan Anh, P.Bình An, Q2
162/15/21 Bình Lợi, P 13, Q Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
40 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM
102/34 Vườn Chuối, P4, Q3
035 Lô D, C/Cư Ấn Quang, P9, Quận 10, HCM
57, KP 3, phường Thảo Điền, Quận 2, Hồ Chí Minh, Viet Nam
Phòng Tài Chính Kế Toán Công ty Cao Su Đồng Nai
121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM (gửi anh Cường)
CTy BSC
ấp 4 Phú Ngọc, Định Quán, Đồng Nai
Số 17 ngõ 203 Trường Chinh, Hà Nội
541/25 Huỳnh Văn Bánh P.14 Q.PN
87B Lý Thường Kiệt, Tp.Hà Nội
48 Trương Định Hai Bà Trưng Hà Nội
T15 số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà nội
F21 Tổ 21, KP1, P.Trảng Dài, Biên Hòa Đồng Nai
P8H4 khu TT Nguyễn Công Trứ, Hà Nội
108 Phố Huế
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, QL 13, TX Bình Long, Bình Phước
Công ty Cao su Đồng Nai
LL1A-LL1F Đường Ba Vì, Cư xá Bắc Hải, P 15, Q 10, TpHCM
183 Võ Thị Sáu, P.7, Q.3, HCM
236Bis Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TPHCM (Hiệp Hội Cao Su Việt Nam) 59/15 Trường Sơn, P15, Q10, TP HCM
62/16 Trần Phú, KP1, Xuân An, Long Khánh, Đồng Nai
Số 7 ngõ 60 đường Lê Thái Tổ, p.Tân Thành, Ninh Bình, Viet Nam
40/45 Phan Đình Phùng, Hà Nội
19 Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm- Hà Nội
29 Đường C1- Cộng Hòa P.13 - Q.Tân
389/16 Hoàng Văn Thụ - P2 - Q Tân Bình TPHCM
KP Ninh Phú, Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước
THÔN 14, HÒA NINH, DI LINH, LÂM ĐỒNG
công ty CP cao su Tây Ninh- ấp Đá Hàng, Hiệp Thành, Gò Dầu, Tây Ninh

336/45 Phan Văn Trị P11 Bình Thạnh TPHCM
34 Lô H Phạm Văn Chí, F.7, Q.6, Tp.HCM
22 Tôn Thất Hiệp, P13, Q11
7A/42-44 Thành Thái P14 Q10 TPHCM
236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, HCM
Phòng 2104, 93 Lò Đúc, Hà Nội
40A KP4, P TÂN PHONG, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI
Số nhà 11 đường số 4, ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
32/7 khu phố Tây B; P. Đông Hoà, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số nhà 15 đường Y, tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Tp. Hà Nội
Phòng tài chính Cty cổ phần quốc ASEAN Số 6 Chùa Bộc, Tp. Hà Nội
Tầng 16 tòa nhà Hacinco, Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
42/16/3 Hoàng Hoa Thám, P.7, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
Số 29, ngõ 199, đường Trường Chinh, Hà Nội
47/15 Hoàng Xuân Nhị, Phú Trung, Tân Phú, TP HCM
Số 449/27 Lê Quang Định, P5, Q Bình Thạnh, TP HCM
Số 11/21 đường B1, P. 13, Q. Tân Bình, TPHCM
Số 11/21 đường B1, P. 13, Q. Tân Bình, TPHCM
Ấp Tân Phong, xã Hàng Gòn, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, Long Khánh, Đồng Nai
Đường Điện Biên Phủ, khu phố Ninh Phú, TT lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Xã Xuân Lập, TX Xuân Khánh, tỉnh Đồng Nai
Nhà K8, TT Viện Năng Lượng, Số 6 Tôn Thất Tùng, Trung Tự, Đống Đa Hà Nội
264 CMT8,P.5,Q.TB
P.402/118 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, HN
G75 Hùng Vương, Xuân Bình, xuân Lộc, Long Khánh, Đồng Nai
Số 17/13 ấp Tây A, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Đồng Nai
170KP2 - P. Phước Long - Q.9 - Tp. HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số26/13C, KP Thống Nhất II, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
129 Nguyễn Huệ, P. An Lợi, TX Bình Long, Bình Phước, Viet Nam
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, Đồng Nai
Tổ 12, phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
322/14D Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, Q.Gò Vấp,HCM
Xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Đường Trần Hưng Đạo, khu phố Ninh Phú,TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Số 312 Ấp 2, Thị trấn Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Số 9/4 xã Xuân Thạnh, H. Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Đường Điện Biên Phủ, Khu Phố Ninh Thuận, TT lộc Ninh, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Số 4 KP 3, Lê Quang Định, P7, Q Bình Thạnh TP HCM
Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, Đồng Nai
Số 17E đường 11, P. Thảo Điền, Q.2, TPHCM
A23 tổ 67 Tập thể Bộ Công An Hoàng Cầu, P. Ô chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội

Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, Đồng Nai
Số 23 đường 11, ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp Cao vên, Bàu Hàm 2, H. Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 410 Trường Chinh, P13, Q. Tân Bình, TPHCM
Hành Đức, Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
Nông trường Cao su Hàng Gòn, ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, TX Long Khánh, Đồng Nai
Khu phố 4, P. Xuân An, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Đường Trần Hưng Đạo, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 28 Nguyễn Du, p. Xuân An, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
82 Trần Hưng Đạo, KP1, P. Hiệp Phú, Q.9, HCM
89 Bùi Hữu Nghĩa,p.1,quận Bình Thạnh, TP.HCM
647 ĐLBD, Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương
39 Ngô Đức Kế, P Bến Nghé, Q 1, TpHCM
Hẻm 944 A, QL1, KP5, Xuân Hòa, Long Khánh, ĐN
101/14 Hồ Văn Huê. P9, q.Phú Nhuận, HCM
Ấp 1, Xã Lộc Thuận, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
Aỏp Trung Tâm Xã Xuân Lập Thị Xã Long khánh
F233 Đường Võ Thị Sáu P Thống Nhất Biên Hòa - Đồng Nai
Tập đoàn CN cao su Việt Nam, 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TPHCM
F6/35 A ấp 6 Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh, HCM
Số 2 Thạnh Phú, Tân Hiệp, Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 37/4 Tân Hòa, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tổ 1, ấp 3, xã Suối Ngô, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 234 Phan Văn Khoẻ, P5, Q6, TP Hồ Chí Minh
Trung Tâm, Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 1 khu A2, đường 11, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
Số 91C Lý Nam Đế, Tp. Hà Nội.
Tổ 4, khu phố Ninh Thuận, TT lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Số 27/9 Đông Hoà, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
25B TÚ XƯƠNG - P.7 - Q.3 - TP.HCM
Ấp Suối tre, xã Suối tre, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 116/4B ấp Đông An, Tân Đông Hiệp, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 6B - D3 Giảng Võ, Q Ba Đình, TP. Hà Nội
Xóm Chùa, thôn Văn Điển, xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
Tổ 1 KP5, Xuân Hoà, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
193 LÊ QUANG ĐỊNH, P7,Q . BÌNH THẠNH, TP HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 142 ngõ Thái Thịnh I, Thịnh Quang, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
139 ĐỖ PHÁP THUẬN, P. AN PHÚ, Q.2, TP. HCM
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, Tx Long Khánh, tỉnh Đồng nai
Ấp 11B, Xã Lộc Thiện, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Tổ dân phố số 6, TT Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
Số 22 ngõ Vạn Kiếp, P Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Số 140 Trần Phú, P. Diên Hồng, Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số nhà 71B Tổ 20 ngõ 72, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Số 16, Ngõ 82, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Long Biên Hà Nội
E 06.8 chung cư Khánh Hội 3, 360 BIS-360G đường Vân Đồn, phường 1, quận 4, TP HCM
234
28 Chấn Hưng, P6, Q.Tân Bình Hồ Chí Minh
Số 36 phố Hai Bà Trưng - Hà Nội
Hòa Lan, Nhân Quyền, Bình Giang, Hải Dương
số 5C ngõ 5 ngách 86 Hoàng Quốc Việt, cầu giấy, HN
147/8A Ung Văn Khiêm
- P 25 - Bình Thạnh -
Tp HCM
P204, số 137 Nguyễn Ngọc Vũ, Cầu Giấy, Hà Nội
80 Nguyễn Trãi, Chuprông, Gia Lai
Tập đoàn CN Cao Su, Số 56 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
522 Nguyễn Kiệm-P.4-Q.Phú Nhuận
16 Bà Hạt, P 9, Q 10, TpHCM
57G Nguyễn Kiệm, P3, Q.Gò Vấp TPHCM
Số 71 khu A, khu dân cư Cty CP Cao su Tây Ninh, Đá hàng, xã Hiệp Thạnh, Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Phú Lộc, Phú Đức, TX Bình Long, Bình Phước, Bình Phước, Viet Nam
Vương Trung Kiên - P.Kế Hoạch cty Cao su Bình Long, Bình Phước, HCM
43A Đồng Nhân, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội
340 hồ văn huê, p9, q.phú nhuận, tp.hcm
Thôn 5, xã H'Neng ĐakĐoa, tỉnh Gia Lai
Số 40 Điện Biên Phủ, P ĐaKao, Q1, TP HCM
Nông trường Trảng Bom, kp4, TT Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Số nhà B01, kp4, TT Trảng Bom, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
382 ĐƯỜNG 3/2, P.12, QUẬN 10, TPHCM
2/1/5 Đường Số 1, Khu 26B, Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp Hồ Chí Minh
440/12/4D Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Phú Nhuận, TP HCM
Xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Ấp 7, Suối Dây, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 5/151/51, P Tương Mai, Q Hoàng Mai, Hà Nội
Suối tre, long khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng nai
01 Nguyễn Quang Bích, F.13, Q.Tân Bình, Tp.HCM
91/13 Trần Quan Diêu, P13, Q.3
91/4A Trương Định, KP2, Tân Mai, Biên Hòa Đồng Nai
29/2/7 (Số cũ 2/1/5 Đường số 1) Lê Đức Thọ, Gò Vấp, HCM, Ho Chi Minh, Viet Nam
347 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội
Ấp Thạnh Phú - Tân Hiệp - Tân Châu - Tây Ninh, Tây Ninh, Viet Nam
Số 103/4A,kP2,phường Tân Mai,Biên Hoà,Đồng Nai
214/19/16A NGUYỄN VĂN NGUYỄN, P.TÂN ĐỊNH, Q1, HCM
Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long, nông trường cao su Bình Minh
Ấp 6, Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Số 27 tổ 1, Thôn Phú Hưng, xã Phú Riềng, H Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
B12A+B Nguyễn Oanh, P 17, Q Gò Vấp, TpHCM
Đ6 Xuân Bình Long Khánh Đồng Nai

(978128)P501 Nhà C4 Nghĩa Tân Cầu Giấy Hà Nội
Ấp 3, Thừa Đức, Long Khánh, Đồng Nai
P 203 D17, Phương Mai, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
Nông trường Trảng Bom, Kp4, TT Trảng Bom, tỉnh Đồng nai
Tổng Công ty cao su Đồng Nai, xuân lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 174/6C ấp Đông Tác, Tân Đông Hiệp, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Ấp 3 xã Bình Sơn, Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Thôn Yên Nhiên, Xã Vũ Di, Huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Tổng Cty cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
P 303 D8 khu TT Thành Công, Q. Ba Đình, Hà Nội
Số 548 tổ 14A - KP2, P. Bình Đa, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số 29L KDC K8, khu 1, P. Hiệp Thành, Thủ Dầu một, tỉnh Bình Dương
P 418 nhà N6E khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính, Tp. Hà Nội
Thôn 3 xã Biển Hồ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số 298A3, Nơ Trang Long, P12, BT, TP Hồ Chí Minh
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 4 ngõ 134/33 Lê Trọng Tấn, Tp. Hà Nội
Số 34 Trương Hán Siêu, P Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
240/143 NGUYỄN VĂN LUÔNG, P11, Q6, TP.HCM
Số 60 kh Trung Tâm Nông trường An Viễn, Bình An, Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Số 2/17 Phạm Văn Bạch, P15, Q Tân Bình, TP HCM
Số 240/143 Nguyễn Văn Luông, P 11, Q6, TP HCM
Số 8, Ngõ 44, Tổ 38 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Số nhà 1, CT18, Khu ĐT Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Số 512 CMT8, P. Hiệp Thành, TX Thủ Dầu một, tỉnh Bình Dương
Số 254 Lò Đúc , quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Số 53 Nguyễn Thái Học, P. Xuân An, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 7B quốc lộ 1, ấp Núi Tung, xã Suối tre, TX long khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 93 ấp Dường Đường, Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 162/130/24 Khương Trung, Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
Số 357 thôn Phú Thịnh, Phú Riềng, Phước Long, Tỉnh Bình Phước
Số 33 Nguyễn Du, P. Xuân An, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khanh, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng Nai, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Tổ 8, Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Số 61, Phố Hai Bà Trưng, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Số 210 Nam kỳ khởi nghĩa, P.6 Q.3, TPHCM
Ấp 6 xã Tân Hiệp, H Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Số 17/2 Hoàng Hoa Thám, P. 13, Q. Tân Bình, TPHCM
Trung tâm văn hóa Suối tre, xã Suối tre, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 6/5 Nguyễn Ư Dĩ, P. Thảo Điền, Q2, Tp HCM
Số141/12C, KP2, P. Tân Phong, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tổng Cty Cao su Đồng nai, xã Xuân Lập, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 35/14 ấp Tân Hòa, Đông Hòa, Dĩ An, tỉnh Bình Dương
41 Lê Văn Sỹ, P 13, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
Ấp Dường Đường, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 17, đường số 2, Trung Tâm, Xuân Lập, TX.Long Khánh, Đồng Nai

25/9 Phó Đức Chính - Q.1
357A-23 NGUYỄN TRỌNG TUYẾN,P1,HCM
Ấp Thạnh Phú - Tân Hiệp - Tân Châu - Tây Ninh, Tây Ninh, Viet Nam
76A-76B Quốc Lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh Hồ Chí Minh
Số nhà 23 Phố Thống Nhất, P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương
Số 3B14, Mỹ Đình I, Từ Liêm Hà Nội
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
50/1 KP4, Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh
208 Ấp Trung 1, P Bình Trưng Tây, Q 2, TpHCM
64-Trương Định-Phường 7 - Quận 3 - TP.HCM
21-2M Phạm Hữu Chí, P12, Q5
Số 36 Hoa Đào, phường 2, Q. Phú Nhuận, TPHCM
Số 536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đak Đoa, H Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
Xã Phú Riềng, H Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hiệp, H Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Ấp Trung Tâm, Xã xuân lập - Thị xã Long khánh tỉnh Đồng Nai
Khu phố Ninh Thuận, TT Lộc Ninh. H Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Quốc lộ 13, P. Hưng Chiến, Thị Xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Quốc Lộ 22B, Ấp Đá Hàng, Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
Lê Thị Kim Thảo, số 210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P6, Q3, TP HCM
Số 236 Nam Kỳ Khởi nghĩa, P6, Q3, TP HCM
236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

CỘNG(13)	CỘNG(14)	TYPE	CNTC	TXNUM
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
350	350	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1340	1340	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5500	5500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
43300	43300	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1850	1850	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
12400	12400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
420	420	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7500	7500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3360	3360	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
21500	21500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
13300	13300	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
189	189	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8000	8000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8000	8000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15040	15040	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4200	4200	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
840	840	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3920	3920	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
91000	91000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20500	20500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
700	700	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
300	300	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2500	2500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
350	350	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
28000	28000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1470	1470	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
900	900	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
12000	12000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5250	5250	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2070	2070	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
700	700	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1050	1050	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5660	5660	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9000	9000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2400	2400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2600	2600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000	1000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5400	5400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1170	1170	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
19600	19600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1400	1400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1210	1210	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
500	500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
16000	16000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1500	1500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5520	5520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

[illegible]

600	600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1155	1155	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2700	2700	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
420	420	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1210	1210	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9000	9000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
11000	11000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9000	9000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
25000	25000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
140	140	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2070	2070	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5500	5500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6720	6720	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1500	1500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
24720	24720	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4520	4520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
17040	17040	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2520	2520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2940	2940	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
720	720	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
300	300	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
840	840	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
80	80	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
40000	40000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2520	2520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
33000	33000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1090	1090	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100	100	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1880	1880	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1400	1400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
500	500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
16000	16000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
26500	26500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1680	1680	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
65000	65000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
810	810	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
13000	13000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1850	1850	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
16800	16800	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5500	5500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10420	10420	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
26360	26360	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4500	4500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
24000	24000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000	1000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100000	100000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

[illegible]

[illegible]

15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
495	495	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2450	2450	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7180	7180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2800	2800	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000	1000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
600	600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000	1000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
600	600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1650	1650	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2520	2520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2070	2070	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
16000	16000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
21140	21140	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1220	1220	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

[illegible]

[illegible]

2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
115000	115000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
73000	73000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
11000	11000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7500	7500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8760	8760	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
13270	13270	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000	1000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15120	15120	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
12310	12310	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2290	2290	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7500	7500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6540	6540	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8000	8000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
36000	36000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6700	6700	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
900	900	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
11000	11000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
13000	13000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6000	6000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5680	5680	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9000	9000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
16000	16000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3360	3360	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
420	420	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4090	4090	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
25290	25290	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2100	2100	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
17000	17000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4620	4620	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9100	9100	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10400	10400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8100	8100	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2040	2040	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

[illegible]

[illegible]

2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2560	2560	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
150	150	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
660	660	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
11400	11400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1910	1910	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1090	1090	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5040	5040	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3010	3010	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5660	5660	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1400	1400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
11000	11000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4360	4360	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100	100	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2800	2800	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000	1000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2520	2520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2330	2330	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1500	1500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2290	2290	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4200	4200	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100000	100000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1470	1470	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
12000	12000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

[illegible]

[illegible]

300	300	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100000	100000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8000	8000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
600	600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
40000	40000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
19700	19700	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100000	100000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3360	3360	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8000	8000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2520	2520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1470	1470	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
12400	12400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1680	1680	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1500	1500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
45000	45000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8000	8000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4350	4350	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
32180	32180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
36000	36000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
500000	500000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2040	2040	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

23800	23800	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
500	500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
26000	26000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
91000	91000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
24140	24140	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
12000	12000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
300	300	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1970	1970	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
840	840	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1470	1470	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9000	9000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9000	9000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
150	150	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1400	1400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
350	350	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000	1000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5600	5600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15000	15000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2800	2800	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4900	4900	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5880	5880	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
300	300	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
150	150	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
17850	17850	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8400	8400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2520	2520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8000	8000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7560	7560	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
150	150	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5320	5320	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
60	60	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5600	5600	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
210	210	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
14000	14000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
840	840	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2040	2040	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
15420	15420	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
20000	20000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3360	3360	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2040	2040	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
19180	19180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
25000	25000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1520	1520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6170	6170	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
17000	17000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
19000	19000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10520	10520	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4250	4250	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
16800	16800	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
6590	6590	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
420	420	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
45840	45840	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
12510	12510	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
30000	30000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000	2000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
840	840	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1680	1680	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1400	1400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100	100	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4000	4000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
5000	5000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4500	4500	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
8680	8680	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
9850	9850	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

[illegible]

3000	3000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
10000	10000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7400	7400	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
7000	7000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
50000	50000	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
11800	11800	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2180	2180	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
11470	11470	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1470	1470	1. TRONG NƯỚC	a. Cá nhân	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
202448	202448	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
100000	100000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
150000	150000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1414000	1414000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1500000	1500000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1958000	1958000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1540200	1540200	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2000000	2000000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1000000	1000000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
1970000	1970000	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
2400	2400	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
4002280	4002280	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK
75100	75100	1. TRONG NƯỚC	b. Tổ chức	V382 /2017-VRG/VSD-ĐK

ĐIỆN THOẠI(11)	EMAIL(12)
0613724606	
913942303	
0909448828	
0982491195	
0918748484	
0988308787	
0909506777	
0913836900	
0907340350	
0913232492	
0613647841	
0908680165	
0613724230	
0918391931	
0918081532	buikhacquang1963@gmail.com
0976898898	.
0903961674	
0913821818	bphuonglien@yahoo.com
0909923963	
0918859366	
0613724606	
0974373717	
0977154426	
0613547551	
0908482414	
0908252661	
0902921100	
0903227888	
0903978810	
0	a(at)vndirect.com.vn
0	nhung.docs@rubbergroup.vn
04.35580714	
0913850787	.
0913850273	
0979516999	
0985505063	
01688955044	
0613724444	
0987527616	
0663521899	
0983757085	
0913255219	

0914027834	
0912333937	
0918319682	
0983773747	
0906777242	manamanvn01@yahoo.com
0913860549	
0913774977	dxtuyen@gmail.com
0918832719	
0909069534	
0613765395	
0915439936	
0933156068	
0613724444	
0985218279	
0917176262	
0613724606	
0907650652	
01646464768	
0913235838	
0613724444	
0918773191	
0949677663	
0913756058	
0989363038	
0908125022	
0915751611	
0989482218	
0908075307	
0613639147	
0977927878	
01652591580	
0933000239	
0613639197	
0613726009	
0613724444	
0663859821	
0918.696252	
0913182689	

0909656275	
0913674149	
914247467	
0918140535	
0913255368	.
77 Ông Ích Khiêm, P 10, Q 11, TpHCM	0903852888
0904316992	tamtamvrg@gmail.com
0903421277	
	hoangminhhuyen@mof.gov.vn
0913226760	
0905168098	.
0908284299	
84918047339	aiduy2007@gmail.com
0918805698	
0902335766	
0913591649	hsonnn@yahoo.com
0909919320	chungthuo2@yahoo.com
0913661931	nhuha1966@ya
0983422621	
0902678638	
01665625082	
0902980880	
01687407304	
0902361076	
0913614045	
0613726013	
0613724540	
0918573099	
0933636686	
0913638482	.
0919427410	

0913612666	hovannha(at)gmail.com
0563824164	hxmai61.vinacafe@gmail.com
0909711979	
0913726816	
0908991871	
0903600531	
0913644041	
0903788689	
0918455446	
0913955012	LEBATHOCSTN@GMAIL.COM
0903877087	lebuoi@gmail.com
0613724648	
0903.220.117	
0909448200	
01684944160	
0613964583	
0937787850	
0918145248	
0909815123	
0987103909	
0908569333	
0613796215	
01684101974	
0913502183	
01697185048	
0918396443	
0613724606	
913685520	
0919422778	
0919351478	
0907504524	
0907812562	
0907353364	
0613726828	
0984835779	
0613724606	
0905778116	
0918719920	
0613724444	

0976410138	
0918230158	
0908671037	
0985998893	
0908663627	
0913.600.685	
0613767985	
0903015414	levancuong(at)gmail.com
0613762053	
0918340182	
918809036	
0913850627	
0613724444	
0613642042	
01687542633	
0979504858	
0918903174	
0918534870	
0613720259	
0983724620	
0909839349	
0907215105	
0903622244	
0984577979	langthanhspr@gmail.com
0	a(at)vndirect.com.vn
0944637632	
0988093609	Cuong.manhan(at)gmail.com
0904506868,8528086	
0903939254	lecuong90@yahoo.com
0913950995	quocvietbd@gmail.com
0912615995	hung2905@yahoo.com
0907812691	
0989440550	lequangbaotuan(at)gmail.com
0913148393	lequangthach(at)gmail.com
0913758133	lekimanh1503@yahoo.com.vn

0912881098	kimoanh.dah(at)gmail.com
0915751510	
0919.650449	
0913649565	my.ngoc2691998(at)gmail.com
0918218485	
0650.298351,0913146008	
0,0	
	huybg2604(at)gmail.com
0918587565	a(at)vndirectcomvn
0913.940.104	
0988566166	tien_vrg@yahoo.com.vn
0913450276	.
0937588198	lyngoclan(at)gamil.com
604 Chung Cư 354/15B Lý Thường Kiệt, P14, Q10, HCM	0918659999
0982533024	
0913536880	
0903917603	
0908444249	
0913942907	
0918668410	luuthedoanhCSPR@gmail.com
0914355555	
0988719885	dangmar888586@gmail.com
987248888	laiminh Tuan.69gmail.com
0912906106	.
0613866228	
0974321890	
0906702789	
0937151444	
0937637737	
0903532424	

0913633655	
0613553025	
0909654333	
0908595337	
0907443388	
0903296688	TUYENNG.PTF@VNPT.VN
0918279427	
0989683777	
0915344675	
0902019710	
0918270913	
913960553	
01208007335	
0987188198	
01686102586	
0613724606	
0913023423	
0916669037	
0918733031	
0902330303	
0985499558	
0913875344	
0854439110	
0613724444	
0985818686	
0908391926	
0613724444	
0938252725	
0903690891	
0988183868	
0933524789	
0988085634	
093309922	
0918379812	
0613868423	
0918539409	
0613726746	
0918347552	
0978313383	
0973213232	

0982790363	
0613724444	
0905951655	
0979504858	
01666009919	
0912147170	
0918687981	
0988639740	
0904266572	
0908362699	
0917377373	
01693517959	
0913 120 888	
0983288100	
0913695396	
0918470130	
0613877566	
0988464123	
0908057769	
0613724606	
01273155484	
0915664660	
01693712977	
0908124711	
0919692595	
0979843027	
0909605729	
0613876233	
0918215864	
0613553051	
0613724444	
0913231298	
0918530815	
0908803216	
0907340341	
0613724606	

0913720023	
01686854960	
281062970	
0977148889	
0613724444	
0613675393	
0983056297	
0918616303	
0902604776	
0982472357	
0613608311	
0938145533	
0985650008	
0613724606	
0918854559	
0982006663	
0613724444	
0915721436	
0908762525	
0903306552	
0918743423	
0983762070	
3877601	
0937444039	
0918522219	
0985544373	
0903801485	
0613724606	
0919684840	
0913364481	lid157@yahoo.com
0974546363	
091369722	
0909244886	
0902755995	
0918347552	
0908231073	
0613724606	
0613642042	
0975873554	
0927177567	
0915758386	

0946785085	
0913602325	
0918010811	
0613837903	
0938376699	
0903 309333	
0979447879	
0913942763	
0918164031	
0919006147	
0613725147	
0913940281	
0613844667	
01228003888	
0613724444	
0913105869	
0913642918	
0919260260	
01672669576	
0944414441	
0918090110	
1908200769	
0909535095	
0613844667	
0913796335	
0913776362	
0909 768 024	
0613724638	
01634184546	
0912001642	
0918687050	
01224795565	
0908812399	
01687672839	
0919134445	
0986977901	
0933484585	
01662299161	
0618670323	
0613877688	

0938535058	
0918089399	
0909739844	
0907369111	
0918549896	
0916006674	
0918536865	
0907359689	
0975 571 353	
0918629088	
01687840915	
0913202895	
01662716900	
0918.320303	
0919805703	
0913629411	
986510063	
0918725848	
0918017783	
0938125147	
917176262	
0613553025	
0918486165	
0613771137	
0613922159	
0907646490	
0978932698	
0903.900.921	
0912011414	PHONGDONGNGUYEN@GMAIL.COM
0932326899	
0949979879	
0913689787	
0907202884	
0912592554	
0613877204	
0613724621	
0613724606	

0613724606	
0913613427	
0904480221	
0913904245	
0918422338	.
0907483989	
0988958747	nvchuy@yahoo.com.vn
0908325905	.
0	levietthang16@yahoo.com.vn
0613728113	
0903695822	
0918208189	
0982067080	
0903433498	
0918002560	
0919376699	Ducmbtenamyd@yahoo.com
903224856	
0	a(at)vndirectcomvn
0650.2211868 0913140965	ngockhanhdlbd@gmail.com
0908800081	
0947236688	ngoctuhn@gmail.com
0912105806	chi.nguyen@britishcouncil.org.vn
0913992499	
06513508767	.
0903927620	
0913937273	yentrinh10@yahoo.com.vn
0913850666	.
0918018947	longam1949@yahoo.com.vn
0983368399	30
0918472067	hienanh558@yahoo.com.vn
0938932190	vinathanh.bn(at)gmail.com
0907732997	
0982210996	dunglkt69@yahoo.com
0904195889	.
	nguyenthigai.1958@yahoo.com.vn
0945889656	

0912009054	nt_hienvcb@yahoo.com
0916218758	hientrang.donaruco@gmail.com
0913306930	hoatkhome@gmail.com
0919176722	
0984828668	nguyenhuong6869@yahoo.com
0	a(at)vndirect.com.vn
0918666936	
0913026877	
0908237150	hnga0902@yahoo.com
0912016264	oanh60NTT@yahoo.com.vn
0919777887	
0904989858	minhhahvhc@gmail.com
„0949994545	
0903225819	ngasontuan@yahoo.com
„0918902963	
0916861636	
0912071465	.
0908398302	ntphucxuan05@yahoo.com
8382864,0985169416	
.	.
0903435347	.
0903849672	
0913928928	
0	a(at)vndirect.com.vn
0975567759	minhhiep1985@gmail.com
01299774666	
06513686198	
0643512962	mslinh@yahoo.com
0439840334	
	nguyenvananh@mof.gov.vn
0903940113	nguyenxuan1710@yahoo.com.vn
0913075142	.
0918530816	a(at)vndirect.com.vn

0436411234	nguyenvanduyen@mof.gov.vn
0905.204990	
0651680289	
0983385888	.
	.
0913850605	.
0903404455	
0917111974	
0	a(at)vndirect.com.vn
0913942564	.
0913935746	thaoxdcsdn(at)gmail.com
0917528894	.
0918169525	.
0913950942	
091255721	
0918509268	.
0918771270	
066-505060,0918122873	
0918810000	nguyenanhtuyetyuki@yahoo.com.vn
0913503866	nguyenducduan71@gmail.com
0913813610	.
0918751579	
0904522959	
0913158336	
01278325528	
0	a(at)vndirect.com.vn
0907318999	cuongdonaruco@yahoo.com.vn
0919101238	
0988221777	
0613726457	
0613724444	
0938664465	
0908 644 385	
0983000661	
0913942505	
0918.995259	
0913703651	

0903852663	lolem_rfc@yahoo.com.vn
0903612959	
0613724444	
0918534849	
0613724444	
01687749355	
0989184896	
0903682631	
043 562 1506	
0918354809	
0613844667	
0908138487	
0909971515	
0909759338	
918534838	
0984320156	moneys.pqt@gmail.com
0903801785	
0977299404	
0613724444	
0913001988	
0903837198	
0982327332	
0902753990	
0913501013	
0613724606	
0613866358	
0462851997	
0907332171	
0934164837	
0903498778	
0913635879	
0919372008	
0613724444	
0913796395	
0913521279	

0613724508	
0933006678	
0613724444	
0909745638	
0986023465	
0913347611	
0983895518	
06513628066	phanhungbm@binhlongrubber.vn
0974194247	
0904428084	thanhminh_bk@yahoo.com
0989378658	tunglevyphu@yahoo.com.vn
0974666008	
0919879798	!
0935915555	haptn.vnl@vinalines.com.vn
0918446434	.
0919216404	a(at)vndirect.com.vn
0934181688	
0913093650	chuadangky(at)com.vn
0984380747	
,0651666552,0909918437	
38291876	phamdao20(at)yahoo.com
0913850615	
0913255716	
0986683217	mr.phambac(at)gmail.com
0919101898	a(at)vndirect.com.vn
0983998877	.
0914989888	anhptl08@gmail.com
0914866962	dunghiepvh@vnn.vn
0913926821	
0912962957	dunghamtien037@gmail.com
0123	
,0913750937	
0913187478	

0903910714	
912184567	phamthuoc99@gmail.com
	.
0913231596	.
0983686889	
01257655687	
0976003800	
06503750642	
0905171499	
0918143204	
0909789414	
0913928062	
0613844667	
0906464811	
0909467632	
0168344381	
0908153.369	
0613767989	
0908277788	
0979888509	
0949430449	
0918172736	
0613724606	
0989871777	
0918105641	
84903991929	VIETTRANHUNG@GMAIL.COM
0912469916	
0983393879	
0938639735	
0913849686	
0613726060	
0613724606	
0912171540	
0979879179	
0909355356	
01667826456	
0913812120	
01212070111	

0919263338	
902590949	
0938466359	
0982798279	
0972388889	
0903097459	
976847696	
0979096043	
0613724444	
0613724444	
0903123080	
0918809050	
0918534559	
0909935888	
0904391462	
0919428094	
0948265447	
0979511569	
0946106055	
0913942305	
0977117010	
0913700657	
01266743089	
0905562579	
0909309434	
0918795206	
0913748363	
0918350675	
0613876052	
0906307430	
0613837901	
0982301352	
0913766276	
0989599949,0989599949	
0913940881	thangxanh63@gmail.com
0913663430	
0913880029	

0904451102	hongdonghoa@gmail.com
	anhsonph17@yahoo.com
0912879787	nhuquynh.ng94@gmail.com
942868638	
0913511276	
8100513	truongxanhtran@yahoo.com.vn
8524997	
0913813017	.
0912906854	
01278669999	
0958813489	
0903873493	tranquocviet8010(at)gmail.com
0949348885	tshaichief@gmail.com
0939816886	tanh2302@yahoo.com
,0918203405	
	hanhtcbd@yahoo.com.vn
0944756737	
0913202171	.
0914856182	
0908911909	
0919833835	ngocthuy11187@yahoo.com
0903014036	
0967368915	huy.phuongnam199(at)gmail.com
0983651377	
0903147404	
0989616939	
0903823292	
0913100455	.
0918036565	tranvanranh2005@yahoo.com

0913773642	
0913940950	dungdaiabank@gmail.com
0906844656	tcuong@rubbergroup.vn
0978060666	anhtuhd92@yahoo.com
0989440550	
0903916944	
0613724444	
0972358358	toanivc@yahoo.com.vn
0908007979	
0946781959	tonthikimlan@gmail.com
0908957676	luuy06984@gmail.com
0903880757	
0903745053	
0903745053	
0909538200	
0908843101	
0913714260	
0918080527	
0953501743	tinhyeungaymai20@yahoo.com
0913714600	
0903245998	
06503779279	
0987298488	
06503733137	
0918400402	a(at)vndirect.com.vn
0974662729	
0913977181	
0918573533	
0918242765	
0983631079	
0908725123	
0913129636	
01684999028	
0988808062	
0903842779	

0613724606	
0902646474	
0613642171	
0909625873	
0989928678	
0908551407	
0613796777	
0914247463	
0932331113	
0918474551	
0903991929	
0983302796	
0909900771	hanhgeruco@gmail.com
0902585340	vovanbinh09@yahoo.com
0907177322	
0909204971	
01286551129	
0663735390	
0976246746	
0913174547	
0913099291	
0918680535	
0977363881	
0613724606	
84908336429	
0978535519	
0915255132	
0918696252	
'0938 826 300	
0902660058	
0918047151	
0903544239	
0913292099	
0918141967	
0913318748	coninconam@yahoo.com.vn

0914376386	vietbon@gmail.com
25B Tú Xương, P 7, Q 3, TpHCM	0909348190
28 Chấn Hưng, P 6, Q Tân Bình, TpHCM	0913809840
0913379243	
0915616875	thuhavu84@yahoo.com
0913295636	
0903208858	vietanh@vagroup.vn
0984876976	.
0903725549	
0913620876	
0919018929	vuongtien568(at)gmail.com
0908022509	kienbrc@gmail.com
0988061636	hienhn85@gmail.com
0905031959	
08322477510	
0613866228	
0613844667	
'0908187679	
0918445570	congdx1977@gmail.com
0906848439	
0933092479	
01698657087	
046623696	
0613724444	
01648278497	
0918445570	congdx1977(at)gmail.com
0902030409	cuade0003@yahoo.com
0	a(at)vndirect.com.vn
0906392288	
0913633826	
0918204827	
0979269657	
0933668768	

0984308747	
0983202038	
0613866228	
0613724654	
0918692421	
0982533138	
0937179444	
0918268872	
0919035225	
0915322999	
0918557593	
0613724444	
0918045944	
0915760686	
0909532797	
0913785807	
0983886368	
0613877652	
0938091115	
0989657661	
0919163585	
0918534855	
0613724606	
0613724444	
0902806638	
0904188888	
0907108247	
0613841505	
0908442095	
0918737318	
0909204970	
0906637317	
01643246526	
0913736285	.
0938482220	.

0908262211	-
0	a(at)vndirect.com.vn
0918634864	thanhtruc_24@yahoo.com
03203853675	.
0977153330	dovananh1108@gmail.com
0907602066	hieubrc@gmail.com
0919882022	
0908896475	
3932 7173	
6513884594	
0593831133	
06513777971	
0663875193	
0613724444	
06513568381	
06513666181	blrc@binhlongrubber.vn
0839325234	



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**



Hội đồng, ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

DỰ THẢO

**TRÌNH ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

Kính thưa Đoàn chủ tịch !

Kính thưa các Quý vị đại biểu, các Quý vị cổ đông !

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2016, và kế hoạch năm 2017 như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Công ty năm 2016:

1. Hoạt động đầu tư đầu tư Khu công nghiệp Công Hòa:

1.1. Khái quát chung tình hình năm 2016:

Trong năm 2016 tăng trưởng kinh tế của Việt Nam không đạt mức tiêu đề ra (cả năm đạt 6,2%). Nguyên nhân của điều này là do nền kinh tế tiếp tục bị ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu và mất lợi thế cạnh tranh tại cũng như sự cạnh tranh trong nước. Tuy có sự sụt giảm tăng trưởng kinh tế nhưng nền kinh tế của Việt Nam vẫn đạt được kết quả rất tốt và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới, khi liên tục xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh mẽ, vượt qua mức số năm liên tục trong khu vực.

Trong bối cảnh nền kinh tế đạt được những thành tựu và có nhiều khó khăn nhưng cũng có những yếu tố, kết quả thuận lợi, Công ty đã tập trung, nỗ lực thực hiện các công việc phức tạp và việc đầu tư phát triển khu công nghiệp: thi công, thẩm định thi công, đầu tư xây dựng nhà thầu thi công, nhà thầu thi công, thi công thi công công trình, xin cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, Chứng nhận phòng cháy chữa cháy... Cuối cùng, Công ty đã thi công thành công 03 cuộc đấu thầu rất rầm rộ trong nước và nhà thầu được những Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu thi công và các gói thầu thi công công trình để đảm bảo chất lượng công trình thi công thi công để thi công đưa vào sử dụng.

Kết thúc năm 2016, công ty đã cơ bản hoàn thành thi công 02 công trình là: công trình Nút giao thông đầu nối trục chính khu công nghiệp với Quốc lộ 18 và công



trình: San nân đđng 398B cũ + diđn tích đđ dang. Đây là các công trình quan trđng vđ kđt nđi giao thông và tđo mđt bđng liên tđc cđa Khu công nghiđp.

2. Các công viđc khác liên quan đđn KCN:

Song song vđi viđc đđu tđ các công trình hđ tđng Khu công nghiđp, trong năm 2016 Công ty cũng tđp trung xđ lý và hoàn tđt mđt sđ thđ tđc pháp lý liên quan đđn đđ án nhđ : Đđu chđnh hđp đđng thuê đđt và phđc vđ viđc c đp chđng nhđn quyđn sđ đđng đđt; Thiđt kđ và đđđ c đp Chđng nhđn Phòng cháy, chđa cháy khu công nghiđp; Hoàn thành các thđ tđc và đđđ c đp Giđy chđng nhđn quyđn sđ đđng đđt KCN; Đđu chđnh Giđy chđng nhđn đđu tđ, gia hđn tiđn đđ đđu tđ KCN đđn hđt năm 2017 ; Thđc hiđn các thđ tđc xin cđp Giđy chđng nhđn quyđn sđ đđng đđt cho Nhà đđu tđ Nice ceramic ; di chuyđn các đđđng đđn cao thđ và trung thđ 110KV, 35KV và 22KV chđy qua khu công nghiđp Cđng Hòa; Hoàn thành thđ tđc và đđđ c miđn giđm tiđn thuê đđt khu công nghiđp đđi vđi diđn tích đđt thđ tđng phđm còn lđi, nâng tđng diđn tích đđt thđ tđng phđm đđđ c miđn giđm lên 100%, tđng giá trđ đđđ c miđn giđm 21,8 tđ đđng.

2 Tình hình thđc hiđn chuyđn giao 23,83ha cho Công ty CP đđu tđ bđt đđng sđn Thành Đông.

Ngày 12/01/2016, Công ty đã tiđn hành bàn giao đđt và tài sđn trên đđt cho Công ty cđ phđn đđu tđ bđt đđng sđn Thành Đông, đđđi sđ chđng kiđn cđa UBND phđđng Cđng Hòa.

Vđ thanh toán hđp đđng, Trong tháng 3/2016 Công ty cđ phđn đđu tđ bđt đđng sđn Thành Đông đã thanh toán 5,8 tđ đđng, giá trđ hđp đđng đã thanh toán đđt 68%.

Hiđn nay, Công ty cđ phđn đđu tđ bđt đđng sđn Thành Đông đang hoàn tđt các thđ tđc đđ đđđ c UBND tđnh Hđi Dđđng giao làm Chđ đđu tđ đđ án.

3. Tình hình tài chính và hođt đđng đđu tđ tài chính:

3.1. Kđt quđ kinh doanh năm 2016

3.1.1. Doanh thu và thu nhđp khác

Trong đđ:

- Doanh thu kinh doanh hđ tđng KCN	: 6.587.165.033 đđng
- Doanh thu hođt đđng tài chính	: 4.746.127.458 đđng
- Thu nhđp khác	: 98.686.690 đđng

3.1.2. Giá vđn và chi phí khác

Trong đđ:

- Giá vđn hđ tđng KCN	: 10.477.756.845 đđng
-----------------------	-----------------------



- Chi phí hoạt động tài chính : 976.840.052 đồng

3.1.3. Kết quả kinh doanh năm 2016 Lũy kế : (4.178.804.566) đồng

(Được trình bày chi tiết trong Báo cáo kiểm toán năm 2016, được kiểm toán bởi: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C).

Nguyên nhân là, Do một số yếu tố sau:

- Do trích lập dự phòng về các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội, Công ty CP chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội. Và trích bổ sung dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng đô thị và KCN Cao su Việt Nam.

- Doanh thu kinh doanh hàng tăng KCN giảm do chủ đầu tư 100% tiến duy tu, bảo dưỡng hàng tăng KCN vì chủ đầu tư hoàn thành hàng tăng cho nhà đầu tư.

- Phân bổ nợ tín dụng thuê đất Khu công nghiệp phía nam còn lại kỳ trước phát sinh trong thời gian đầu tư xây dựng chủ đầu tư có doanh thu.

- Dự án Khu công nghiệp Công hòa đang trong giai đoạn đầu tư hàng tăng.

4. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016:

Năm 2016 tuy Công ty không hoàn thành 100% kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông thông qua (chỉ đạt 60% khi kết thúc công việc) nhưng số là tiến độ cho năm 2017 và những năm tiếp theo.

Phân tích quá trình thực hiện đối với từng công việc và những nguyên nhân như hàng tăng tiến độ thực hiện kế hoạch của Công ty:

- **Đối với các công việc hoàn thành kế hoạch:** Gồm các gói thầu: Thiết kế các công trình hàng tăng dự án RD01, RD02, RD08, thiết kế san nền dự án 398B cũ và diên tích dãn dãn; Thi công nút giao thông đầu nối KCN với QL18; San nền 398B cũ và diên tích dãn dãn. Các hạng mục công việc này Công ty đều hoàn thành 100% kế hoạch, thậm chí vượt tiến độ rất ra.

- **Đối với các công việc không hoàn thành kế hoạch:**

- Tuy nhiên dự án RD01: Đây là trọng tâm chính của khu công nghiệp, có quy mô lớn, vốn đầu tư nhiều nên sau khi thiết kế hoàn thành và được cấp phép thi công HĐQT Công ty đã cùng Ban điều hành dành nhiều thời gian để nghiên cứu phân tích, xác định giai đoạn đầu tư đối với từng gói thầu để đảm bảo hợp lý, hiệu quả, cân đối vốn đầu tư để thực hiện được các công trình khác hàng tăng khác phục vụ Nhà đầu tư cũng như thu hút thêm các nhà đầu tư khác.



- Công trình xây lý nên có thời: Do đặc thù của công trình sản xuất nông nghiệp thiết bị công nghệ, việc lắp đặt máy móc đầu tư xây dựng công trình phải thiết bị Nhà nông không có quy định về đơn giá trong khi trên thị trường có rất nhiều chủng loại thiết bị xuất xứ khác nhau, đơn vị tư vấn đã lắp đặt máy móc đầu tư cao hơn nhiều so với giá trị được duyệt trong Tổng mức đầu tư của KCN, do vậy Công ty phải thay đổi đơn vị tư vấn lắp đặt án đầu tư xây dựng công trình để lắp đặt máy móc đầu tư xây dựng công trình phù hợp với giá trị được duyệt, phù hợp với Tổng mức đầu tư của KCN và đảm bảo cân đối tài chính và đơn vị của Công ty nên thời gian kéo dài.

- Công trình cấp nước: Hội đồng quản trị đang xem xét, nghiên cứu các phương án thi công đầu tư để đảm bảo tiết kiệm chi phí cao nhất khi triển khai thực hiện.

- Việc công tác thu hút đầu tư: Do KCN chưa có đủ hạ tầng nên không hấp dẫn được các Nhà đầu tư hoặc các Nhà đầu tư trả giá thấp, không đảm bảo hiệu quả của Công ty.

*** Các nguyên nhân khác ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công việc:**

Ngoài các nguyên nhân trên, thì mặt số nguyên nhân chủ quan và khách quan khác cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch của Công ty, gồm:

- Thời gian lựa chọn nhà thầu để với các gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu dài do tuân thủ quy trình quy định của Luật đầu tư.

- Quá trình thực hiện thiết kế và xin cấp phép thi công tốn nhiều thời gian do phải trải qua các bước thẩm định của nhiều cơ quan chức năng.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2016:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục thực hiện quản lý và định hướng hoạt động của Công ty thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời hoạch định sẵn các chiến lược phát triển trong thời gian tiếp theo nhằm mang lại hiệu quả đầu tư và sự phát triển bền vững cho Công ty.

- Chế độ, kiểm tra, giám sát Ban điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: thực hiện Công bố thông tin đối với Công ty đối chứng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; thực hiện báo cáo định kỳ và tình hình sản xuất kinh doanh với Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam;

- Hỗ trợ Ban điều hành Công ty trong công tác thu hút, xúc tiến đầu tư vào Khu công nghiệp.



- Tập trung nghiên cứu, phân tích và chỉ đạo Ban điều hành Công ty xác định chính xác các giai đoạn đầu tư để vùi tư ng gói thầu tư ng đi m nh m đ m b o s h p lý, hi u qu trong vi c cân đ i ngu n v n đ u t đ th c hi n đ i c các công trình khác h t ng khác ph c v Nhà đ u t cũng nh thu hút thêm các nhà đ u t khác.

2. Hoạt động giám sát Ban điều hành và Cán bộ quản lý của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác nh m đ m b o ho t đ ng c a Công ty đ i c an toàn, tuân th theo đúng pháp luật. Nghiêm túc triển khai th c hi n các Nghị quyết của Đ i h i đ ng c đ o ng và Hội đ ng qu n tr. Ngoài ra, Hội đ ng qu n tr luôn chú tr ng công tác qu n tr r i ro, triển khai đ ng th i vi c chu n hóa các quy trình, quy ch qu n tr.

III. Ph n ng h n ng ho t đ ng c a Hội đ ng qu n tr trong 06 tháng cuối năm 2016:

1. Công tác quản lý:

- Qua nh n đ nh c a các t ch c kinh t i n và có uy tín trên th gi i, tình hình kinh t trong và ngoài n c năm 2017 s có nhi u đ u hi u kh i s c, đ c bi t khi Việt Nam liên t c gia nh p các c ng đ ng kinh t c a các khu v c trên th gi i, t o ra cho Việt Nam v n h i m i đ h i nh p và phát tri n. Vì v y, Hội đ ng qu n tr Công ty ch tr ng n m b t th i c đ phát tri n Công ty theo h n g n đ nh - b n v n g, đ m b o hi u qu trong s n xu t kinh doanh, đ ng th i triển khai th c hi n k ho ch t i t ki m đ gi m g ánh n ng tài chính theo h n g c t gi m t i đa chi phí qu n lý doanh nghi p.

- Tiếp tục nghiên cứu Luật doanh nghiệp và các thông t h n g đ n c a các B , ngành đ ch nh s a, b sung Đ i u l ho t đ ng c a Công ty theo đúng quy đ nh c a pháp luật.

- Chỉ đạo Ban điều hành Công ty kh n tr ng t ch c triển khai th c hi n các gói thầu đã đ i c Hội đ ng qu n tr và Đ i h i đ ng c đ o ng th ng niên phê duy t nh m đ y nhanh t i n đ xây d ng h t ng KCN, đáp ng các yêu c u c a Nhà đ u t .

2. Công tác phát triển nguồn nhân lực:

V i m c tiêu đáp ng t t các yêu c u trong tình hình m i, Hội đ ng qu n tr Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành th ng xuyên kiểm tra, rà soát l i nh n s toàn Công ty, qua đó có nh ng đ xu t b sung thêm l c l ng nh n s ch t l ng cho các Phòng, Ban chuyên môn c a Công ty, đ ng th i t ch c thành l p thêm các đ n v , b ph n chuyên môn đ đáp ng các yêu c u qu n lý Khu công nghi p theo quy đ nh. Bên c nh đó, đ nâng cao trình đ nghi p v cho đ i ngũ cán b , Hội đ ng qu n tr



Công ty đã cho Ban điều hành bố trí các CB.CNV đi học các khóa chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn như: công tác đầu tư; quản lý, giám sát công trình

3. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư :

- Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục cho Ban điều hành tập trung đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của các Nhà đầu tư, đồng thời cho vay Ban điều hành xây dựng các phòng ốc trung tâm đi kèm vào lĩnh vực xúc tiến thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Công Hòa, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và kế hoạch năm 2017. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và sự quan tâm, giúp đỡ của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, sự tin cậy, ủng hộ của các cổ đông, các nhà đầu tư và các đối tác; xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực và công hiến của CB.CNV Công ty đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Cao su Việt Nam trong năm qua.

Cuối cùng, xin chúc Quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên năm 2017;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ TÍCH**

Phạm Trung Thái



Số: /BC-VNC

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 & Kế hoạch năm 2017

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam

Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam xin trình kết, báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty, nội dung cơ bản như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

I. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN KCN CÔNG HÒA

1. Khái quát chung tình hình năm 2016

Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2015 (về: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, Điều chỉnh dự án đầu tư và thiết kế cơ sở của dự án...), bước sang năm 2016, Công ty đã tập trung, nỗ lực thực hiện các công việc phức tạp về việc đầu tư hình thành khu công nghiệp: từ thiết kế, thẩm định thiết kế, đấu thầu lựa chọn nhà thầu thiết kế, nhà thầu thi công, tổ chức thi công công trình, xin cấp chứng nhận quy hoạch xây dựng, Chứng nhận phòng cháy chữa cháy...

Trong năm 2016, Công ty đã tập trung thành công 03 cuộc đấu thầu thi công xây dựng nhà ở và lựa chọn được những Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu thiết kế và các gói thầu thi công công trình để đảm bảo chất lượng công trình thi công xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

Kết thúc năm 2016, công ty đã cơ bản hoàn thành thi công 02 công trình quan trọng về kết nối giao thông và mặt bằng liên tiếp của KCN, bước đầu tạo lên bề mặt của KCN, mặt là công trình: Nút giao thông đầu nối trục chính khu công nghiệp với Quốc lộ 18 và hai là công trình: San nền đường 398B cũ + di dời tích đường.

Những kết quả trên của năm 2016 có ý nghĩa to lớn, tạo động lực và là tiền đề cho năm 2017 và những năm tiếp theo.

2. Chi tiết tình hình thực hiện kế hoạch

TT	Tên công trình/hạng mục công trình	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Thiết kế bản vẽ thi công các công trình gồm: + Dự án giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, điện chiếu sáng, hệ thống cấp nước sạch tại RD01, RD02, RD08 + San nền đường 398B và diện tích đất đang gói thầu 20ha	Hoàn thành	Hoàn thành	Đạt 100%KH
2	Nút giao thông đầu nối tại dự án RD01 với Quốc lộ 18		Hoàn thành	Đạt 100%KH
3	San lấp mặt bằng khu vực dự án 398B cũ và diện tích đã san nền đất đang chờ gói thầu 20ha	Hoàn thành	Hoàn thành	Đạt 100%KH
4	Thi công tuyến RD01 (1/2 trục chính của khu công nghiệp)	Thi công 70% khối lượng	Đang tiếp tục đầu tư thi công và tiếp vận giám sát	Đạt 20%KH
5	Trạm xử lý nước thải, giai đoạn 1- Module 2.000m ³ /ngày.đêm:	Thi công 60% khối lượng công trình	Đang tiếp tục lắp đặt án đầu tư	Đạt khoảng 10%KH
6	Lắp đặt và thiết kế trạm cấp nước giai đoạn 1 – công suất 1.800m ³ /ngày.đêm:		Chưa triển khai	HĐQT đang xem xét và phê duyệt thực đầu tư
7	Tổ chức thi tuyển kiến trúc và thiết kế văn phòng làm việc Công ty, trạm biến áp và mặt sân công trình thiết yếu ở khu điều hành khu công nghiệp	Hoàn thành thi tuyển kiến trúc và thiết kế công trình	Hoàn thành thiết kế tổng mặt bằng	Đạt khoảng 10% KH

2. Các công việc khác liên quan đến KCN:

Trong năm 2016, song song với việc đầu tư các công trình hạ tầng KCN, Công ty cũng tiếp tục hoàn thiện các thủ tục liên quan, bao gồm:

- Hoàn thành điều chỉnh hợp đồng thuê đất và phôi vẽ việc cấp chính quyền quy hoạch đất.

- Hoàn thành thiēt kē và đēē c cōp Chōng nhōn Phòng cháy, chōa cháy khu công nghiēp.
- Hoàn thành các thē tēc và đēē c Cōp Giōy chōng nhōn quyēn sē đēng đēt khu công nghiēp.
- Đēu chōnh Giōy chōng nhōn đēu tē, gia hōn tiēn đē đēu tē KCN đēn hēt năm 2017.
- Thēc hiēn các thē tēc xin cōp Giōy chōng nhōn quyēn sē đēng đēt cho Nhà đēu tē Nice ceramic (Do Nhà đēu tē chōa hoàn thành nghiã vō tài chính nên chōa đēē c cōp Giōy chōng nhōn quyēn sē đēng đēt).
- Phōi hōp Hōi đēng GPMB thē xã Chí Linh hoàn thành di chuyēn các đēē ng đēn cao thē và trung thē 110KV, 35KV và 22KV chōy qua khu công nghiēp Cōng Hòa.
- Thu hút đēu tē: Trong năm 2016 Công ty không thu hút đēē c thêm Nhà đēu tē thuê đēt khu công nghiēp.
- Hoàn thành thē tēc và đēē c miēn giēm tiēn thuê đēt khu công nghiēp đēi vōi diēn tích đēt thē ng phēm còn lōi, nâng tēng diēn tích đēt thē ng phēm đēē c miēn giēm lên 100%, tēng giá trē đēē c miēn giēm 21,8 tē đēng, thē i gian miēn giēm cō thē:
 - + Diēn tích 699.999 m² (theo hōp đēng 1329/HĐTĐ ngày 30/7/2012) miēn giēm đēn hēt tháng 12/2024.
 - + Diēn tích 747.271,11 m² (theo hōp đēng 1541/HĐTĐ ngày 27/4/2016) miēn giēm đēn hēt tháng 3/2027.
 - + Diēn tích 1.450 m² (theo hōp đēng 1666/HĐTĐ ngày 01/7/2016) miēn giēm đēn hēt tháng 05/2027.

3. Tình hình thēc hiēn chuyēn giao 23,83ha cho Công ty CP đēu tē bōt đēng sēn Thành Đông.

Ngày 12/01/2016, Công ty đã tiēn hành bàn giao đēt và tài sēn trên đēt cho Công ty cō phōn đēu tē bōt đēng sēn Thành Đông, đēē i sē chōng kiēn cōa UBND phōng ng Cōng Hòa.

Vō thanh toán hōp đēng, Trong tháng 3/2016 Công ty cō phōn đēu tē bōt đēng sēn Thành Đông đã thanh toán 5,8 tē đēng, giá trē hōp đēng đã thanh toán đēt 68%.

Hiēn nay, Công ty cō phōn đēu tē bōt đēng sēn Thành Đông đang hoàn tūt các thē tēc đē đēē c UBND tēnh Hōi Dēē ng giao làm Chō đēu tē dō án.

II. HOē T Đē NG TÀI CHÍNH- Kē T QUē KINH DOANH NĂM 2016

1. Tài sēn và Nguēn vōn đēn ngày 31/12/2016:

A. Tēng tài sēn	: 394.252.119.477 đēng
<i>Trong đó:</i> - Tài sēn ngōn hōn	: 74.164.099.275 đēng
- Tài sēn dài hōn	: 320.088.020. 202 đēng

B. Tổng nguồn vốn đến ngày 31/12/2016

Tổng nguồn vốn:

394.252.119.477 đồng

Trong đó:

- Nợ phải trả:

139.552.399.343 đồng

- Vốn chủ sở hữu:

254.699.720.134 đồng

2. Kết quả kinh doanh năm 2016**A. Doanh thu và thu nhập khác**Trong đó:

- Doanh thu kinh doanh hàng tiêu dùng KCN:

6.587.165.033 đồng

- Doanh thu hoạt động tài chính:

4.746.127.458 đồng

- Thu nhập khác:

98.686.690 đồng

B. Giá vốn và chi phí khácTrong đó:

- Giá vốn hàng tiêu dùng KCN:

10.477.756.845 đồng

- Chi phí hoạt động tài chính:

976.840.052 đồng

C. Kết quả kinh doanh năm 2016 L:**(4.178.804.566) đồng**

(Được trình bày chi tiết trong Báo cáo kết quả kinh toán năm 2016, được kiểm toán bởi: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C

Nguyên nhân, Do mức độ sau:

- Do trích lập dự phòng và các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP quản lý quản đầu tư Sài Gòn – Hà Nội, Công ty CP chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội. Và trích bổ sung dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng đô thị và KCN Cao su Việt Nam.

- Doanh thu kinh doanh hàng tiêu dùng KCN giảm do chủ đầu tư 100% tiến duy tu, bảo dưỡng hàng tiêu dùng KCN và chủ đầu tư hoàn thành hàng tiêu dùng cho nhà đầu tư.

- Phân bổ tiền thuê đất Khu công nghiệp phía nam còn lại kỳ trước phát sinh trong thời gian đầu tư xây dựng chủ đầu tư có doanh thu.

- Dự án Khu công nghiệp Công nghệ đang trong giai đoạn đầu tư hàng tiêu dùng.

1. Tổng hợp công nợ phải trả ngắn hạn

Đơn vị: đồng

STT	TÊN KHÁCH HÀNG, HỢP ĐỒNG	SỐ PHẢI TRẢ	SỐ ĐÃ TRẢ	SỐ CÒN PHẢI TRẢ	GHI CHÚ
1	Công ty CP tư vấn XDCN và đô thị VN (VCC)	1.299.897.000	1.169.897.000	130.000.000	Tiền Giám sát tác giá
	HĐ số 99/3/2016/HĐTV ngày 4/4/2016 V/v" TK BVTC các Ctr đầu tư RD 01, RD 02, RD 08 và TK san nền đầu tư 398B cũ và di dời tích d' đang"	1.299.897.000	1.169.897.000	130.000.000	Tiền Giám sát tác giá
2	Công ty CP Công nghệ Biển xanh	81.007.250	81.007.250	0	

	Hợp đồng số 01 GR/HĐ -TVXD ngày 4/1/2011 V/v" Lắp đặt án đầu tư công trình trạm xử lý nước thải KCN Công Hòa"	81.007.250	81.007.250	0	
3	Công ty CP Sơn Thành	40.740.000	40.740.000	0	
	Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTV ngày 12/9/2016 v/v" Thi công tra HSYC GT TK thi công mặt bằng trung tâm đầu hành KCN Công Hòa"	4.000.000	4.000.000	0	
	Hợp đồng thi công số 17/2016/HĐTV ngày 22/8/2016 v/v" Thi công lắp đặt HSMC và đánh giá HS đầu tư GT " Nút giao thông đầu nối KCN với QL 18 và san nền đường 398 B cũ và diện tích đang"	36.740.000	36.740.000	0	
4	Công ty CP kinh doanh nhà và XD Hải Dương	64.513.000	64.513.000	0	
	Hợp đồng thi công số 56/2015/HĐ -TV ngày 21/12/2015 v/v" Thi công lắp đặt nhà thầu thi công hệ thống GT TK BCTC các công trình đường giao thông RD 01, RD 02, RD 08"	60.513.000	60.513.000	0	
	Hợp đồng thi công số 15/2016/HĐ -TV ngày 17/05/2015 v/v" Thi công tra BVTC các công trình đường giao thông RD 01, RD 02, RD 08"	4.000.000	4.000.000	0	
5	Công ty CP thi công XD ĐT- KCN cao su Việt Nam	439.574.748	439.574.748	0	Thi công đầu tư đầu tư 1 vào công nhân của ông Vũ Hùng Nam
	Hợp đồng số 24/HĐKT -VNC ngày 30/10/2008 V/V TK BVTC đường ống cấp nước KCN Công Hòa"	439.574.748	439.574.748	0	
6	Công ty CP đầu tư xây dựng Trại Công Minh	26.180.000	26.180.000	0	
	HĐTV số 18/2016 ngày 22/8/2016 V/v" Thi công thi công tra HSMC , KQ lắp đặt nhà thầu GT " Nút giao thông đầu nối KCN với QL 18 và san nền đường 398 B cũ	26.180.000	26.180.000	0	
7	Công ty cổ phần thi công Hùng Phát	54.120.000	54.120.000	0	
	HĐ số 20/2016 ngày 25/10/2016 V/v" Thi công lắp đặt mặt bằng Khu TT đầu hành KCN Công Hòa"	54.120.000	54.120.000	0	
8	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Đới Việt	193.839.000	193.839.000	0	
8.1	Hợp đồng thi công số 46/2015/HĐ -TV ngày 21/12/2015 v/v" Thi công Thi công tra lắp đặt nhà thầu... "	17.476.000	17.476.000	0	
8.2	Hợp đồng thi công số 42/2015/HĐ -TV ngày 30/05/2016 v/v" Thi công Thi công tra BVTC các công trình đường RD 01, RD 02, RD 08 "	176.363.000	176.363.000	0	

9	Công ty TNHH Hoàn Hảo	18.419.704.000	4.937.552.000	13.482.152.000	Hợp đồng đang thi công (theo giá trị trúng thầu).
9.1	Hợp đồng số 108/2016 ngày 11/10/2016 V/v" Thi công nút giao thông đầu nối KCN Công Hòa với QL 18"	5.187.760.000	1.037.552.000	4.150.208.000	Hợp đồng chưa hoàn thành
9.2	Hợp đồng số 136/2016 ngày 8/11/2016 V/v" Thi công sản phẩm đường 398B cũ và di dời tích dể dang"	13.231.944.000	3.900.000.000	9.331.944.000	Hợp đồng chưa hoàn thành
10	Kinh phí di chuyển đường điện 22KV và 35KV (Chuyển Hợp đồng ghi phóng mặt bằng thôn xã Chí Linh)	10.670.199.000	10.032.120.000	638.079.000	Đã bao gồm chi phí thuê PABT di chuyển đường điện.
11	Kinh phí di chuyển đường điện 110KV (Chuyển Hợp đồng ghi phóng mặt bằng thôn xã Chí Linh)	27.822.537.000	25.081.936.000	2.740.601.000	Đã bao gồm chi phí thuê PABT di chuyển đường điện.
	Tổng cộng	59.112.310.998	42.121.478.998	16.990.832.000	

2. Tổng hợp công nợ phải thu từ người mua:

Đơn vị: đồng

STT	TÊN KHÁCH HÀNG, ĐƠN GIỚI	SỐ PHẢI THU	SỐ ĐÃ THU	SỐ CÒN PHẢI THU	GHI CHÚ
I	PHẢI THU KHÁCH HÀNG	68.533.139.229	27.400.131.527	41.133.007.702	
1	Công ty cổ phần bất động sản Thành Đông	25.271.656.621	16.949.227.500	8.322.429.121	Do chưa hoàn tất các thủ tục về giá trị nên Công ty chưa xuất sổ kế toán hóa đơn tài chính nên chưa tính được doanh thu, chưa thu được tiền theo (HĐ)
	Hợp đồng chuyển nhượng mặt phố dự án số 01/HĐCN/TĐCS-PĐ ngày 8/7/2011 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 16/03/2012 và phụ lục số 02 ngày 26/11/2015	25.271.656.621	16.949.227.500	8.322.429.121	Số tiền ngân hàng của hợp đồng, PLHD đầu tư chính
2	Công ty TNHH NICE CERAMIC	43.261.482.608	10.450.904.027	32.810.578.581	Thu theo Hợp đồng thuê đất số 01A/2014/HĐ-VNC ngày 08/02/2014 và phụ lục số 01 ngày 16/02/2014 và phụ lục số 02 ngày 30/03/2015
2.1	Tiền thuê đất hàng tháng	39.369.834.000	8.505.079.723	30.864.754.277	Đã quá hạn thanh toán 1 năm

2.2	Tiền phí duy tu, bảo dưỡng KCN Công Hòa	1.220.909.368	610.454.684	610.454.684	Chưa thanh toán quý 3 và quý 4
2.3	Tiền thuê đất	2.670.739.240	1.335.369.620	1.335.369.620	Chưa thanh toán quý 3 và quý 4
II	PHỤ I THU KHÁC	1.084.756.031	-	1.084.756.031	Do Bên Cty tài sản XDĐT-KCN cao su VN không hợp tác để quy kết toán hợp đồng
1	Vũ Hồng Nam	1.084.756.031	-	1.084.756.031	
III	TỔNG CỘNG	69.617.895.260	27.400.131.527	42.217.763.733	

III. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG.

1. Công tác tài chính cán bộ.

Trong năm 2016 đối ngũ cán bộ, nhân viên của Công ty được duy trì ổn định, không có biến động về nhân số, bộ máy gọn nhẹ, bố trí hợp lý, Công tác tiền lương và các chế độ, chính sách cho người lao động được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty.

2. Công tác tiền lương:

Tổng chi phí tiền lương thực hiện trong năm 2016 thực hiện đến hết tháng 12/2016 là: 2.478.092.645 đồng.

Trong đó:

- Lao động bình quân trong năm là: 30 người
- Lương bình quân: 8.428.887 đồng/người

3. Công tác quản lý hành chính và các công tác khác:

Quản lý, kiểm tra, theo dõi chặt chẽ công suất vận hành của đơn vị và thực hiện tốt công tác văn thư lưu trữ, quản lý quy đúng quy định, sổ đăng phòng ngừa tiềm, trang thiết bị khoa học, hợp lý tiết kiệm. Ngoài ra các công tác khác như: vệ sinh an toàn lao động, công tác an ninh, ... được Công ty thực hiện nghiêm túc.

4. Công tác đoàn thể:

Các công tác đoàn thể gồm: Công tác đảng, công đoàn, đoàn thanh niên... được Công ty duy trì hoạt động có nề nếp.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤ C VẬT ĐUÔI .

Đánh giá kết quả thực hiện năm 2016, tuy không hoàn thành 100% kế hoạch đề ra Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông thông qua (tức chỉ đạt 60% khối lượng công việc) nhưng sẽ là tiền đề cho năm 2017 và những năm tiếp theo.

Phân tích quá trình thực hiện đối với từng công việc và những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của Công ty:

Đối với các công việc hoàn thành kế hoạch:

Gồm: **(1)** Thi công các công trình hạ tầng đường RD01, RD02, RD08, thi công san nền đường 398B cũ và di dời tích dewater, **(2)** Thi công nút giao thông đầu nối KCN với QL18, **(3)** San nền 398B cũ và di dời tích dewater. Các công việc này hoàn thành 100% kế hoạch.

- Gói thầu thi công **(1)**, quá trình lựa chọn nhà thầu thi công hoàn thành vào tháng 4/2016 (hình thức: đấu thầu rộng rãi trong nước), quá trình thi công hoàn thành và được cấp phép thi công tháng 7/2016.

Gói thầu này tuy hoàn thành kế hoạch về khối lượng công việc, nhưng do phải trải qua nhiều bước thẩm định của các cơ quan chức năng từ Tổng cục đường bộ Việt Nam, Cục quản lý đường bộ số 1, Sở Xây dựng tỉnh Hội đồng, Công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Hội đồng, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hội đồng và các cơ quan khác có liên quan nên thời gian bị kéo dài, ảnh hưởng đến thời gian triển khai các gói thầu thi công.

- Gói thầu thi công nút giao thông **(2)** và gói thầu thi công san nền **(3)**, Quá trình tổ chức đấu thầu được thực hiện từ tháng 7/2016 (sau khi thi công công trình được hoàn thành và được cấp phép thi công) và hoàn thành tháng 10/2016, quá trình thi công được hoàn thành tháng 12/2016. Đối với hai gói thầu này, Nhà thầu đã thi hiện rất tốt năng lực thi công, tập trung tài đa nhân lực, vật lực để thi công hoàn thành công trình, trong đó gói thầu san nền **(3)** nhà thầu hoàn thành vượt tiến độ so với hợp đồng (tiền đề quy định trong hợp đồng là hoàn thành vào tháng 3/2017).

Đối với các công việc không hoàn thành kế hoạch:

- Tuy nhiên đường RD01: Đây là trục chính của khu công nghiệp, có quy mô lớn, vốn đầu tư nhiều nên sau khi thi công hoàn thành và được cấp phép thi công. Theo ý kiến chủ đạo của HĐQT, Công ty cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu phân tích, xác định giai đoạn đầu tư đối với từng gói thầu để đảm bảo hợp lý, hiệu quả, cân đối vốn đầu tư để thực hiện được các công trình khác hạ tầng khác phục vụ Nhà đầu tư cũng như thu hút thêm các nhà đầu tư khác.

- Công trình xử lý nước thải: Do đặc thù của công trình sơ đồ kỹ thuật thi công công nghệ, việc lập từng mức đầu tư xây dựng công trình phần thi công Nhà nước không có quy định về đơn giá trong khi trên thị trường có rất nhiều chủng loại thi công xuất xứ khác nhau, đơn vị thi công đã lập từng mức đầu tư cao hơn nhiều so với giá trị được duy trì trong Từng mức đầu tư của KCN, do vậy Công ty phải thay đổi đơn vị thi công lập dự án

đầu tư xây dựng công trình để lập trình máy c đầu tư xây dựng công trình phù hợp với giá trị đầu tư duy nhất, phù hợp với trình độ máy c đầu tư của KCN và đảm bảo cân đối tài chính và vốn đầu tư của Công ty nên thời gian kéo dài.

- Công trình cấp nước: Hiện đang quần thể đang xem xét và phê duyệt đầu tư.

- Việc công tác thu hút đầu tư: Do KCN chưa có hạ tầng nên không hấp dẫn được các Nhà đầu tư hoặc các Nhà đầu tư trả giá thấp, không đảm bảo hiệu quả của Công ty.

*** Các nguyên nhân khác ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công việc:**

Ngoài các nguyên nhân trên, thì một số nguyên nhân chủ quan và khách quan khác cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch của Công ty, gồm:

- Thời gian lựa chọn nhà thầu để thi công các gói thầu trong hạn mức cho phép thi công dài do tuân thủ quy trình quy định của Luật đầu tư.

- Quá trình thực hiện thi công và xin cấp phép thi công trên nhiều thời gian do phải trải qua các bước thẩm định của nhiều cơ quan chức năng.

PHẦN II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, KINH DOANH HẠ TẦNG KCN

VÀ CÔNG TÁC TIẾN LỘ NĂM 2017

I. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, KINH DOANH HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP P

1. Kế hoạch đầu tư hạ tầng.

Năm 2017, công ty tiếp tục tập trung đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp để phục vụ Nhà đầu tư Nice ceramic và thu hút nhà đầu tư tiếp theo, các công việc cụ thể như sau:

TT	Tên công trình/hạ tầng máy c công trình	Giá trị gói thầu hoặc khái toán (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện		Ghi chú
			Đề kiến nghị gian bắt đầu	Đề kiến nghị thời gian kết thúc	
1	Thi công tuyến RD01 (1/2 trục chính của khu công nghiệp)	39,889	Tháng 01/2017	Tháng 7/2017	Bao gồm công thời gian lựa chọn nhà thầu
2	Thiết kế và thi công công trình xử lý nước thải giai đoạn 1 - công suất 2.000 m3/ngày đêm	27	Tháng 01/2017	Tháng 12/2017	Bao gồm công thời gian lựa chọn nhà thầu
3	Tổ chức đầu thầu và thiết kế văn phòng làm việc Công ty, trạm biến áp và	0,5	Tháng 03/2017	Tháng 05/2017	Bao gồm công thời gian lựa chọn nhà thầu

	mặt số công trình thi công khu di dời hành khu công nghiep				
4	Thi công xây dựng văn phòng làm việc + Trám biện áp	12	Tháng 7/2017	Tháng 12/2017	- Bảo gồm m c th i gian l a ch n nhà th u - D ki n thi công đ t 80% kh i l n g công trình
5	Lập đ án và thi t k và thi công tr m c p n c giai đo n 1 – công suất 1.800m ³ /ngày.đêm:	11	Tháng 04/2017	Tháng 12/2017	Bảo gồm m c th i gian l a ch n nhà th u
6	Thi t k và Thi công c n g khu công nghiệp và tr n g cây xanh tuy n RD01	1,5	Tháng 08/2017	Tháng 12/2017	Bảo gồm m c th i gian l a ch n nhà th u
7	Thi công san n n t o m t b n g xây d n g công trình x lý n c th i và công trình c p n c...	08	Tháng 06/2017	Tháng 10/2017	Bảo gồm m c th i gian l a ch n nhà th u
T n g c n g		99,889			

Cân đ i v n đ u t :

Nhu c u v n 2017: 99,889 t đ n g

V n hi n có c a Công ty: 112,000 t đ n g

Trong đó:

- Thanh toán h p đ n g t 2016: 17,43 t đ n g

- L n g v n kh đ n g 2017: 94,57 t đ n g

Căn c l n g v n kh đ n g năm 2017 c a Công ty và nhu c u v n trên, ngoài ra trong năm 2017 Công ty có ngu n thu t Nhà đ u t Nice ceramic và Công ty c p h n đ u t BĐS Thành Đông kho n thu 41,132 t đ n g. Năm 2017 Công ty có đ v n đ th c hi n k ho ch.

2. K ho ch thu hút nhà đ u t :

Đ đ y m n h và tăng c n g công tác xúc ti n, thu hút đ u t vào khu công nghiệp, sau khi có các công trình x lý n c th i và công trình c p n c, đ ngh HĐQT ch p thu n ph n g án h p tác v i đ n v t v n ho c t ch c có ch c năng t v n xúc ti n đ u t đ k u g i nhà đ u t, đ n g th i nghi n c u c ch chi hoa h n g, thù lao cho đ n v h p tác, hi n nay m c chi hoa h n g theo quy đ n h Nhà n c r t th p không th đàm phán đ c v i đ n v t v n.

Năm 2017, Công ty tiếp tục tăng cường xúc tiến, thu hút nhà đầu tư, dđ kiđn diđn tích thu hút nhà đầu tư khođng trên 20ha.

3. Công tác GPMB:

Giđi quyđt nhđng tđn tđi liên quan đđn công tác giđi phóng mđt bđng, đđn đđc thđ xã Chí Linh sđm tìm nhà đầu tư quy hođch và di đđi bãi tđp kđt rác thđi cđa đđa phđđng ra khđi khu công nghiđp.

II. Kđ HOđ CH CÁC CHđ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2017

Đđn vđ tính: Tđ đđng

STT	Các chđ tiêu	Sđ tđn	Chi chú
1	Tđng Doanh thu	39,436	
1.1	Doanh thu tđ kinh doanh hđ tđng (thu tđ Công ty TNHH Nice ceramic)	7,852	
1.2	Doanh thu tđ tđn cho thuê hđ tđng cđa năm 2017 (đđ kiđn năm 2017 cho thuê 20ha)	4,821	
1.3	Doanh thu tđ chuyđn giao diđn tích 23,7604ha (tđ Cty CP đđu tđ BĐS Thành Đông)	24,213	Năm 2016 chđa hđch toán doanh thu do Bên B chđa hoàn thành thđ tđc đđ đđđc giao làm chđ đđu tđ đđ án và đđu giá quyđn sđ đđng đđt
1.4	Doanh thu tđ hođt đđng tài chính	2,550	
2	Tđng chi phí	36,897	
3	Tđng lđi nhuđn trđđc thuđ	2,539	
4	Tđng lđi nhuđn sau thuđ	2,031	
5	Tđ suđt lđi nhuđn trđđc thuđ/Doanh thu	5,15	
6	Nđp Ngân sách	1,500	

III. Kđ HOđ CH TIđ NLđđ NG:

Năm 2017, đđ kiđn lao đđng bình quân cđa Công ty là 30 ngđđi

Mđc lđđng bình quân: 7.880.000 đđng/ngđđi

Tđng quđ tđn lđđng: 2.836.788.000 đđng

(Chi tiđt có Tđ trình kèm theo)

Phđn III

KIđ N NGHđ

1. Bđ sung nhđn sđ Phó Tđng giám đđc phđ trách kđ thuđt:

Hiđn nay tđn đđ thi công xây đđng các hđng mđc hđ tđng kđ thuđt cđa khu công nghiđp đđđc Công ty triđn khai rđt khđn trđđng, gđp rút. Tuy nhiên hiđn tđi Ban đđu hành Công ty chđ có 03 ngđđi, gđm: 01 Tđng giám đđc phđ trách đđu hành các hođt đđng chung cđa Công ty và 01 Phó Tđng giám đđc kiêm kđ toán trđđng phđ trách tài chính, 01 Phó Tđng giám đđc phđ

trách xúc tiến thu hút đầu tư mà chủ nhà có Phó Tổng giám đốc trách việc kết thu hút xây dựng công bố. Tổng thể nêu trên, Công ty kính đề nghị Tập đoàn xem xét, chấp thuận chủ trương để Công ty bổ sung thêm 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách việc kết thu hút xây dựng công bố.

2. Đầu tư các công trình hạ tầng khu công nghiệp:

Đầu tư và hoạt động của nhà đầu tư đã thuê đất khu công nghiệp (Công ty TNHH Nice ceramic) và thu hút các nhà đầu tư tiếp theo, Công ty tiếp tục đầu tư các công trình hạ tầng kết thu hút (**nhóm M1-Phần II trên**), gồm các công trình:

- Tuy nhiên đường RD01 - giai đoạn 1, gồm: Đường giao thông, Hệ thống thoát nước, Nối cống, Cầu cống, Đèn chiếu sáng.

- Thi công, thi công công trình xây lý nên thời gian giai đoạn 1 – công suất 2.000m³/ngày.đêm (đầu tư của chủ nhà đầu tư theo **M1 3** đề nghị đây).

- Thi công và thi công nhà làm việc của Công ty tại khu trung tâm đầu tư hành khu công nghiệp và trung tâm áp dụng công nghệ của nhà làm việc, đèn chiếu sáng đường giao thông và công trình cho khu kết thu hút (gồm: Trung tâm xây lý nên thời gian, Trung tâm công nghệ)

- Thi công và thi công trung tâm nên giai đoạn 1 – công suất 1.800m³/ngày.đêm (đầu tư phần ngân sách đầu tư **M1 4** đề nghị đây).

- Đầu tư cây xanh trên tuyến đường RD01, công nghệ hạ tầng khu công nghiệp.

- Thi công san nền tạo mặt bằng xây dựng công trình xây lý nên thời gian, công trình công nghệ và khu lân cận, diện tích khoảng 3ha.

3. Công trình xây lý nên thời gian giai đoạn 1 công suất 2.000m³/ngày.đêm

Hiện nay, Công ty đang lập dự án đầu tư xây dựng công trình, do yêu cầu bức thiết phải có công trình xây lý nên thời gian để được cấp phép cho việc thu hút đầu tư và vận hành sản xuất của Nhà đầu tư thuê hạ tầng khu công nghiệp (Công ty TNHH Nice ceramic), Công ty đề xuất: Sau khi dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt sẽ tiến hành thi công công trình theo hình thức thi công thi công hiện: Thi công kết cấu, thi công xây dựng công trình, cung cấp lắp đặt thiết bị và chuyển giao, để đẩy nhanh tiến độ thi công hiện đầu tư công trình.

4. Phấn đấu án đầu tư công trình công nghệ khu công nghiệp:

Hiện nay, Công ty đã thi công hoàn chỉnh 04 giếng khoan khai thác nước ngầm trong khu công nghiệp và đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép khai thác.

Để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty đề nghị tìm kiếm liên doanh đầu tư và tiến hành phù hợp để đẩy nhanh tiến độ thi công hiện đầu tư.

5. Hình thức của chủ nhà đầu tư:

Trong thời gian vừa qua, Công ty đã tiến hành chủ định thu mua đất gói đầu tư và nhận thu c dự án KCN Công Hòa có giá trị trong hơn một chủ định thu theo quy định của Luật đầu tư số 43/2013/QH13 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP theo quy trình thông thường nên quá trình đầu tư của chủ nhà đầu tư qua nhiều bước nên tiến độ kéo dài thời gian

gian, tình hình kinh doanh tiến độ thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp.

Đề rút ngắn thời gian làm cho nhà thầu và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, Công ty đề xuất thực hiện làm cho nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn để với những gói thầu nằm trong hạn mức chỉ định thầu theo quy định tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP và có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 150 triệu đồng.

6. Thành lập bộ phận quản lý môi trường tại khu công nghiệp:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ và số phát hành chính trong công tác bảo vệ môi trường, tại Điều 12 quy định về hình thức số phát hành chính để với đến với kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu - cụm công nghiệp...không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường.

Công ty đề xuất thành lập bộ phận quản lý môi trường trực thuộc Ban quản lý dự án số 1 dự án quản lý môi trường trong khu công nghiệp, trong thời gian tối thiểu vẫn hành công trình xây dựng các thời và công trình cấp nước của Công ty khi các công trình này hoàn thành đưa vào sử dụng. Nhân sự bao gồm: 03 nhân sự chuyên ngành môi trường, kỹ thuật hóa và cấp thoát nước.

7. Cơ chế tiến độ công của công ty:

Hiện nay, Công ty đang tìm kiếm áp dụng hạ tầng thang, băng tải để xây dựng theo quy định của Nghị định 205/2004/NĐ – CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định về hạ tầng thang băng tải và chế độ phụ cấp lương trong các Công ty Nhà nước.

Công ty đề nghị xây dựng và phê duyệt hạ tầng thang, băng tải mới theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết mức số để của Bộ Luật lao động về tiền lương và Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để thực hiện thang nhút với chế độ tiền lương theo hạ tầng đơn vị văn bản số 2828/CSVN-LĐTL ngày 22/10/2015 của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và dự kiến kế hoạch năm 2017, Công ty xin báo cáo và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng cổ đông thông qua năm 2017 xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Nhượng K/g;
- Lưu VT, VP, P.KHĐT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành

Số: 39 /T.Tr - VNC

Hải Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi: Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu Công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính *(đã được kiểm toán)* và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

Căn cứ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 của Ban kiểm soát Công ty ngày 6/1/2017.

Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu Công nghiệp Cao su Việt Nam trình Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2016 gồm một số chỉ tiêu Tài chính chủ yếu:

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016.

I. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
1	Tài sản ngắn hạn	100	74.164.099.275	120.988.548.769
2	Tài sản dài hạn	200	320.088.020.202	263.115.979.861
3	Tổng cộng tài sản	270	394.252.119.477	384.104.528.630
4	Nợ phải trả	300	139.552.399.343	125.226.003.930
5	Vốn chủ sở hữu	400	254.699.720.134	258.878.524.700
6	Tổng cộng nguồn vốn	440	394.252.119.477	384.104.528.630

II. Kết quả hoạt động kinh doanh 2015

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	01	6.587.165.033	8.481.654.834
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	(21+31)	4.844.814.148	5.357.435.621
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(4.178.804.566)	(1.481.291.136)
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(4.178.804.566)	(1.481.291.136)

Báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C- Chi nhánh Hà Nội:

Ý kiến của Kiểm toán viên:

“...Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

Trên đây là những chỉ tiêu chủ yếu của Báo cáo tài chính năm 2016 (đã được kiểm toán) của Công ty, cũng như ý kiến của Kiểm toán viên nêu trên.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 xem xét phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2017.

Trân trọng kính trình! 

Nơi nhận:

- Như K/g.
- Phòng TGD, VPHĐQT.
- Phòng VT, LT, KT.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thành



Số: 02 /TTr-BKS - VNC

Hải Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017

Kính gửi: Hội đồng quản trị - Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu Công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính, V/v chấp thuận cho tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2017;

Căn cứ văn bản số 67/HĐTVCSVN – TCKT ngày 13/03/2017 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam Về việc Chấp thuận đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu Công nghiệp Cao su Việt Nam xét thấy Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2016 có đủ năng lực và kinh nghiệm để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty.

Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua, lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty.

Kính trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông thường niên 2017;
- HĐQT;
- Lưu : VT, BKS.



Nguyễn Thị Hương

Số: 40 /TTr-VNC

Hải Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị quyết toán Quỹ tiền lương năm 2016 và
phê duyệt Kế hoạch quỹ tiền lương, Lao động định biên năm 2017

Kính gửi: - Hội đồng quản trị
- Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ Bộ luật Lao động Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương.

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Căn cứ Quy chế trả lương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt ban hành kèm theo quyết định số 570/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2007.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và lao động của đơn vị. Công ty xin báo cáo và trình HĐQT, Đại hội đồng cổ đông quyết toán Quỹ tiền lương trả cho người lao động năm 2016 và phê duyệt Kế hoạch quỹ tiền lương, Lao động định biên năm 2017 như sau:

1. Quyết toán Quỹ tiền lương trả cho người lao động năm 2016:

2.478.092.645đ (theo biểu đính kèm).

Bằng chữ: (Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm bốn năm đồng).

2. Phê duyệt Kế hoạch quỹ tiền lương, Lao động định biên năm 2017:

- Tổng quỹ tiền lương : **2.836.788.000đ** (theo biểu đính kèm)

- Lao động định biên : **30 người** (theo biểu đính kèm)

- Lương bình quân : **7.880.000đ**

Kính đề nghị Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt, cho quyết toán./. *Ưất*

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Lưu VT, TCHC.



Nguyễn Văn Thành

LAO ĐỘNG ĐỊNH BIÊN NĂM 2017

	CHỨC DANH	BAN TGD	BAN KS	VP HQT	P. KH-ĐT	P. XD-CB	P. TC-KT	P. TC-HC	BAN QLDA	BP. QL MT	TỔNG
LAO ĐỘNG CHÍNH	Kỹ sư				1				1	2	4
	Kiến trúc sư										
	Chuyên viên								1	1	2
					1				2	3	6
LAO ĐỘNG PHỤC VỤ	Bảo vệ								2		2
	Lái xe con			1				2			3
	Nhân viên tạp vụ							1			1
				1				3	2		6
LAO ĐỘNG QUẢN LÝ	TGD, Phó TGD	4									4
	Trưởng Ban KS		1								1
	Trưởng, phó			1	1	2		2	1		7
	Kế toán, thống kê						5				5
	Nhân sự, tiền lương							1			1
		4	1	1	1	2	5	3	1		18
	Cộng	4	1	2	2	2	5	6	5	3	30

LĐ định biên = LĐ Chính + LĐ phục vụ + LĐ Quản lý = 6 + 6 + 18 = 30

**CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM**

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017

SỐ TT	CHỨC DANH	Số lao động	Hệ số lương chính	Phụ cấp CV và TN	Tổng hệ số	Mức lương tối thiểu	Tổng quỹ tiền lương	Lương bình quân 1 tháng
1	2	3	4	5	6	7	8=6*7*12	9=8/3/12
I	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC							
1	Tổng Giám đốc	1	6,97		6,97	2.100.000	175.644.000	14.637.000
2	Phó Tổng Giám đốc	2	6,31		12,62	2.100.000	318.024.000	13.251.000
3	Phó Tổng Giám đốc	1	5,98		5,98	2.100.000	150.696.000	12.558.000
	Cộng	4			25,57		644.364.000	13.424.000
II	BAN KIỂM SOÁT							
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	5,65		5,65	2.100.000	142.380.000	11.865.000
	Cộng	1			5,65		142.380.000	11.865.000
III	VĂN PHÒNG HĐQT							
1	Chánh văn phòng	1	3,27	0,5	3,77	2.100.000	95.004.000	7.917.000
2	Lái xe	1	3,6		3,60	2.100.000	90.720.000	7.560.000
	Cộng	2			7,37		185.724.000	7.739.000
IV	PHÒNG TC-KT							
1	Chuyên viên kế toán	2	3,27		6,54	2.100.000	164.808.000	6.867.000
2	Chuyên viên kế toán	1	2,96		2,96	2.100.000	74.592.000	6.216.000
3	Chuyên viên kế toán	1	2,65		2,65	2.100.000	66.780.000	5.565.000
4	Cán sự kế toán	1	2,56		2,56	2.100.000	64.512.000	5.376.000
	Cộng	5			14,71		370.692.000	6.178.000
V	PHÒNG TC-HC							
1	Trưởng phòng	1	4,51	0,5	5,01	2.100.000	126.252.000	10.521.000
2	Phó trưởng phòng	1	3,27	0,4	3,67	2.100.000	92.484.000	7.707.000
3	Chuyên viên	1	2,34		2,34	2.100.000	58.968.000	4.914.000
4	Lái xe	2	3,6		7,20	2.100.000	181.440.000	7.560.000
5	Nhân viên phục vụ	1	1,58		1,58	3.320.000	39.840.000	3.320.000
	Cộng	6			19,80		498.984.000	6.930.000
VI	P. KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ							
1	Trưởng phòng	1	3,27	0,5	3,77	2.100.000	95.004.000	7.917.000
2	Kỹ sư	1	2,65		2,65	2.100.000	66.780.000	5.565.000
	Cộng	2			6,42		161.784.000	6.741.000
VII	P. XÂY DỰNG CƠ BẢN							
1	Trưởng phòng	1	4,51	0,5	5,01	2.100.000	126.252.000	10.521.000
2	Phó trưởng phòng	1	3,27	0,4	3,67	2.100.000	92.484.000	7.707.000
	Cộng	2			8,68		218.736.000	9.114.000
VIII	BAN QLDA SỐ 1							
1	Giám đốc BQLDA	1	3,89	0,5	4,39	2.100.000	110.628.000	9.219.000
2	Kỹ sư	1	2,96		2,96	2.100.000	74.592.000	6.216.000
3	Chuyên viên	1	3,27		3,27	2.100.000	82.404.000	6.867.000
4	Bảo vệ	1	3,09		3,09	2.100.000	77.868.000	6.489.000
5	Bảo vệ	1	2,40		2,40	2.100.000	60.480.000	5.040.000
	Cộng	5			16,11		405.972.000	6.766.000
IX	BỘ PHẬN CHUYÊN TRÁCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG							
1	Phụ trách chung	1	2,96		2,96	2.100.000	74.592.000	6.216.000
2	Kỹ sư	2	2,65		5,30	2.100.000	133.560.000	5.565.000
		3			8,26		208.152.000	5.782.000
	Tổng cộng	30			112,57		2.836.788.000	7.880.000

Chốt

TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG CBCNV CÔNG TY NĂM 2016

ST T	HỌ VÀ TÊN	Hệ số lương	Phụ cấp CV	Tiền lương tháng 1	Tiền lương tháng 2	Tiền lương tháng 3	Tiền lương tháng 4	Tiền lương tháng 5	Tiền lương tháng 6	Tiền lương còn lại 6 tháng	Tiền lương tháng 7	Tiền lương còn lại sau khi bù trừ 7 tháng	Tiền lương tháng 8	Tiền lương tháng 9	Tiền lương tháng 10	Tiền lương tháng 11	Tiền lương tháng 12	Tiền lương tháng 13	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	NGUYỄN VĂN THÀNH	6,97		11.710.000	11.710.000	11.710.000	11.710.000	11.710.000	11.710.000	17.562.000	13.182.000	1.455.000	14.637.000	14.637.000	14.637.000	14.637.000	14.637.000	8.000.000	183.644.000
2	BÙI GIA HÙNG	6,31		10.601.000	10.601.000	10.601.000	10.601.000	10.601.000	10.601.000	15.900.000	11.718.000	1.533.000	13.251.000	13.251.000	13.251.000	13.251.000	13.251.000	8.000.000	167.012.000
3	PHẠM NGỌC THẢO	6,31		10.601.000	10.601.000	10.601.000	10.601.000	10.601.000	10.601.000	15.900.000	11.491.000	1.760.000	13.251.000	13.251.000	13.251.000	13.251.000	13.251.000	8.000.000	167.012.000
4	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	4,51/ 5,65		7.577.000	7.577.000	7.577.000	7.577.000	7.577.000	7.577.000	11.650.000	9.236.000	2.343.000	11.865.000	11.865.000	11.865.000	11.865.000	11.865.000	8.000.000	136.016.000
5	NG. THỊ HỒNG VÂN	2,65/ 2,96	0,10	4.620.000	4.516.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	6.866.000	4.650.000	915.000	5.565.000	5.565.000	5.565.000	3.035.000	5.368.000	8.000.000	72.473.000
6	NGUYỄN THỊ LỖ	2,65		4.452.000	4.453.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	6.677.000	4.650.000	915.000	5.565.000	5.565.000	0	0	0	8.000.000	58.085.000
7	NGUYỄN VĂN THIẾT	4,51	0,50	8.417.000	8.417.000	8.417.000	8.417.000	8.417.000	8.417.000	12.624.000	9.511.000	1.010.000	10.521.000	10.521.000	10.521.000	10.521.000	10.521.000	8.000.000	134.252.000
8	PHẠM THỊ TUYẾT	2,96/ 3,27	0,1/ 0,4	0	5.078.000	5.141.000	5.141.000	5.141.000	5.141.000	6.278.000	3.848.000	3.208.000	7.056.000	7.056.000	3.696.645	7.707.000	7.707.000	8.000.000	80.198.645
9	NG. THU HƯƠNG	2,34		0	0	0	0	0	0	0	2.070.000	118.000	4.177.000	4.914.000	4.914.000	3.350.000	4.914.000	8.000.000	32.457.000
10	PHẠM HẢI NAM	2,34		3.931.000	3.931.000	3.931.000	3.931.000	3.931.000	0	4.915.000	0	0	0	0	0	0	0	0	24.570.000
11	MAI THỊ HỒNG	2,37/ 2,56		0	3.982.000	3.982.000	3.982.000	3.982.000	3.982.000	4.975.000	4.526.000	850.000	5.376.000	5.376.000	5.376.000	5.376.000	5.376.000	8.000.000	65.141.000
12	PHẠM TRUNG PHONG	3,60		6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	9.072.000	5.239.000	2.321.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	8.000.000	98.720.000
13	NGÔ NGỌC THẮNG	3,60		6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	9.072.000	5.239.000	2.321.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	8.000.000	98.720.000
14	TRẦN T. THANH TÂM	1,00		2.285.000	2.285.000	2.285.000	2.285.000	2.285.000	2.285.000	4.890.000	3.317.000	-217.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	8.000.000	45.200.000

Handwritten signature/initials

15	VÂN TIẾN THÀNH	2,96/ 3,27	0,50	5.813.000	5.813.000	5.813.000	5.813.000	5.813.000	5.813.000	8.718.000	8.556.000	-1.290.000	7.266.000	7.266.000	7.917.000	7.917.000	7.917.000	8.000.000	97.145.000
16	NGUYỄN VĂN VINH	3,60		6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	6.048.000	9.072.000	5.239.000	2.321.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	7.560.000	8.000.000	98.720.000
17	NGUYỄN BÌNH DẰNG	3,27	0,50	6.334.000	6.334.000	6.334.000	6.334.000	6.334.000	6.334.000	9.498.000	9.145.000	-1.228.000	7.917.000	7.917.000	7.917.000	7.917.000	7.917.000	8.000.000	103.004.000
18	NGUYỄN NHƯ TUYẾN	2,65		4.452.000	4.453.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	6.677.000	4.650.000	915.000	5.565.000	5.565.000	5.565.000	4.553.000	5.565.000	8.000.000	73.768.000
19	NGUYỄN THẾ UYÊN	4,51	0,50	8.417.000	8.417.000	8.417.000	8.417.000	8.417.000	8.417.000	12.624.000	9.511.000	1.010.000	10.521.000	10.521.000	10.521.000	10.521.000	10.521.000	8.000.000	134.252.000
20	NGUYỄN VĂN KHANH	3,89	0,50	7.375.000	7.376.000	7.375.000	7.375.000	7.375.000	7.375.000	11.063.000	9.145.000	74.000	9.219.000	9.219.000	9.219.000	9.219.000	9.219.000	8.000.000	118.628.000
21	TRẦN VĂN THO	2,96		4.973.000	4.973.000	4.973.000	4.973.000	4.973.000	4.973.000	7.458.000	4.650.000	1.566.000	6.216.000	6.216.000	6.216.000	6.216.000	6.216.000	8.000.000	82.592.000
22	HOÀNG THỊ NIÊM	3,27		5.494.000	6.802.000	5.494.000	5.494.000	5.494.000	5.494.000	8.238.000	5.208.000	1.659.000	6.867.000	6.867.000	6.867.000	6.867.000	6.867.000	8.000.000	91.712.000
23	VŨ THỊ THU HÀ	2,96/ 3,27		4.973.000	5.565.000	4.973.000	4.973.000	4.973.000	4.973.000	7.458.000	4.650.000	3.519.000	6.867.000	6.867.000	6.867.000	6.867.000	6.867.000	8.000.000	88.392.000
24	TRẦN THANH PHONG	2,96		4.973.000	6.157.000	4.973.000	4.973.000	4.973.000	4.973.000	7.466.000	4.650.000	1.558.000	6.216.000	6.216.000	6.216.000	6.216.000	6.216.000	8.000.000	83.776.000
25	LÊ QUANG THÁNH	2,72		4.570.000	5.658.000	4.570.000	4.570.000	4.570.000	4.570.000	6.852.000	4.526.000	1.186.000	5.712.000	5.712.000	5.712.000	5.712.000	5.712.000	8.000.000	77.632.000
26	TRƯƠNG VĂN DƯƠNG	1,99/ 2,4		3.343.000	4.140.000	3.343.000	3.343.000	3.343.000	3.343.000	5.015.000	4.123.000	1.778.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	8.000.000	64.971.000
	Cộng	69,46	2,60	143.055.000	156.983.000	152.010.000	152.010.000	152.010.000	148.079.000	226.520.000	162.730.000	31.600.000	194.450.000	195.187.000	186.913.645	185.818.000	190.727.000	200.000.000	2.478.092.645

Người lập biểu

Handwritten signature of Nguyễn Văn Thiết

Nguyễn Văn Thiết

Kế toán

Handwritten signature of Phạm Ngọc Thảo

Phạm Ngọc Thảo

Hải Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of Nguyễn Văn Thành

Nguyễn Văn Thành



Số: 41/TTr- VNC

Hải Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

**V/v: Xin chấp thuận chủ trương tìm kiếm đối tác liên doanh đầu tư
công trình Nhà máy nước sạch cấp nước cho khu công nghiệp Cộng Hòa**

Kính gửi:

- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển đô thị
và khu công nghiệp cao su Việt Nam
- Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 04/7/2012;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương, quy mô 201,23ha;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-HĐQT ngày 19/11/2015 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cộng Hòa;

Để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Cộng Hòa, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư Nice ceramic và phục vụ việc thu hút các nhà đầu tư tiếp theo vào khu công nghiệp, Công ty đề nghị Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông công ty chấp thuận về mặt chủ trương tìm kiếm đối tác liên doanh với Công ty để thực hiện đầu tư công trình Nhà máy nước sạch cấp nước cho khu công nghiệp Cộng Hòa, phương án sơ bộ như sau:

1. Thành lập pháp nhân mới để đầu tư xây dựng công trình.

2. Phương án góp vốn để thành lập pháp nhân:

- Công ty tham gia góp vốn bằng các công trình giếng nước ngầm đã được cấp giấy phép khai thác của khu công nghiệp.
- Vốn của đối tác liên doanh.
- Vốn huy động từ cán bộ công nhân viên trong công ty.

(Tỷ lệ phần trăm góp vốn sẽ được xác định cụ thể khi tìm được đối tác liên doanh)



3. Phạm vi đầu tư:

Pháp nhân mới được thành lập sẽ đầu tư xây dựng công trình cấp nước và hệ thống đường ống dẫn nước thô từ các giếng nước ngầm về vị trí của Nhà máy để tiến hành xử lý thành nước sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất.

Hệ thống đường ống cấp nước từ Nhà máy này đến các đơn vị sử dụng trong khu công nghiệp thuộc vào hạ tầng của khu công nghiệp Cộng Hòa.

Đề nghị Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Thành

